C. MÁC

NGÀY 18 THÁNG SƯƠNG MÙ CỦA LU-I BÔ-NA-PÁC-TƠ[43]

Do C.Mác viết vào tháng Chạp 1851 - tháng Ba 1852
Đã đăng dưới hình thức số 1 của tạp chí "Die Revolution", New- York, 1852
Ký tên: Các Mác

In theo bản in xuất bản năm 1869, có đối chiếu với bản in xuất bản năm 1852 và 1885
Nguyên văn là tiếng Đức

Die Revolution,

Eine Zeitschrift in zwanglosen Heften.

Herausgegeben von

J. Weydemeyer.

Erstes Heft

Der 18te Brumaire des Louis Napoleon

von

Karl Marx.

New-York.
Expedition: Deutsche Vereins-Buchhandlung von Schmidt und Helmich.
William-Street Nr. 191.
1852.

Bìa phụ của tạp chí “Die Revolution” đăng lần đầu tiên tác phẩm của C.Mác “Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ”

I

Hê-ghen có nhận xét ở đâu đó rằng tất cả những sự biến lớn và nhân vật lớn trong lịch sử thế giới đều xuất hiện có thể nói là hai lần. Ông ta đã quên nói thêm rằng: lần đầu như một bi kịch, lần thứ hai như một trò hề. Trước kia có Đăng-tông thì bây giờ có Cô-si-đi-e, trước kia có Rô-be-xpi-e thì bây giờ có Lu-i Blăng, trước kia có phái Núi 1793 - 1795 thì bây giờ có phái Núi 1848 - 1851, trước kia có người bác thì bây giờ có người cháu. Và cũng vẫn bức biếm họa ấy trong những hoàn cảnh trong đó tấn tuồng ngày 18 tháng Sương mù[44] được tái diễn!

Con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự mình chọn lấy, mà là trong những điều kiện trực tiếp có trước mắt, đã cho sẵn và do quá khứ để lại. Truyền thống của tất cả các thế hệ đã chết đè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống. Và ngay khi con người có vẻ như là đang ra sức tự cải tạo mình và cải tạo sự vật, ra sức sáng tạo ra một cái gì chưa từng có, thì chính trong những thời kỳ khủng hoảng cách mạng như thế, họ lại sợ sệt cầu viện đến những linh hồn của quá khứ, lại mượn tên tuổi, khẩu hiệu chiến đấu, y phục của những linh hồn đó, để rồi đội cái lốt đáng kính ấy của người xưa, và dùng những lời lẽ vay mượn đó, để trình diễn màn mới của lịch sử thế

giới. Ví dụ, Lu-the đã hóa trang làm Thánh Pôn, cuộc cách mạng 1789 - 1814 đã lần lượt khoác bộ y phục của Cộng hòa La Mã, rồi sau đó khoác y phục của Đế chế La Mã, còn cuộc cách mạng 1848 thì chẳng biết làm gì hơn là: khi thì học đòi theo năm 1789, khi thì học đòi theo những truyền thống cách mạng 1793 - 1795. Cũng giống như một người mới bắt đầu học một ngôn ngữ mới, bao giờ cũng đem dịch nhẩm ngôn ngữ đó sang tiếng mẹ đẻ của mình, chỉ khi nào người đó sử dụng được ngôn ngữ đó mà không phải dịch nhẩm và thậm chí còn quên cả tiếng mẹ đẻ của mình, thì người đó mới nắm chắc được tinh thần của ngôn ngữ mới đó, và mới nói được một cách trôi chảy.

Khi xem xét những việc cầu khẩn có tính chất lịch sử thế giới ấy đối với linh hồn những người đã quá cố thì người ta thấy ngay được sự khác nhau rất rõ rệt. Ca-mi-lơ, Đê-mu-lanh, Đăng-tông, Rô-be-xpi-e, Xanh-Giu-xtơ, Na-pô-lê-ông, các nhân vật cũng như các chính đảng và quần chúng trong cuộc cách mạng lần thứ nhất ở Pháp, đều khoác bộ áo quần La Mã và dùng những lời lẽ La Mã để thực hiện nhiệm vụ của thời đại mình - tức là việc giải phóng khỏi xiềng xích và thiết lập ra xã hội *tư sản* hiện đại. Một số người đã đập tan những cơ sở của chế độ phong kiến và chặt những cái đầu phong kiến mọc trên miếng đất của chế độ ấy. Còn người khác thì tạo ra trong lòng nước Pháp những điều kiện mà chỉ có chúng, người ta mới có thể phát triển sự cạnh tranh tự do, khai thác sở hữu ruộng đất manh mún, sử dụng những lực lượng sản xuất công nghiệp đã được giải phóng của đất nước, còn ở ngoài ranh giới nước Pháp thì đâu đâu người đó cũng quét sạch các hình thức phong kiến trong chừng mực điều đó là cần thiết để tạo ra cho xã hội tư sản ở Pháp một môi trường chung quanh thích hợp đáp ứng những yêu cầu của thời đại, ở trên lục địa châu Âu. Nhưng một khi hình thái xã hội mới đã được thiết lập rồi, thì những nhân vật khổng lồ thời thái cổ đều biến đi, và cùng với họ là cả La Mã đã sống lại trước đây, - tất cả những Bru-tút, Grắc-khơ, Pu-bli-cô-la, những người bảo hộ dân, những nguyên lão nghị viên và ngay cả Xê-da nữa cũng đều biến mất. Xã hội tư sản, với tinh

thần thực tiễn tỉnh táo của nó, đã tìm được những người giải thích và phát ngôn chân chính của nó ở những bọn Xây, Cu-danh, Roay-ê - Cô-la, Ben-gia-manh Công-xtăng và Ghi-dô; những tướng lĩnh thực sự của nó ngồi sau các quầy hàng, Lu-i XVIII có cái đầu "béo ị" là thủ lĩnh chính trị của nó. Hoàn toàn mê mải vào việc sản xuất ra của cải và vào cuộc cạnh tranh hòa bình, xã hội tư sản không còn nhớ rằng những bóng ma của thời đại La Mã đã bảo vệ cái nôi của nó. Nhưng dầu cho xã hội tư sản có ít anh hùng mấy chăng nữa, thì để cho nó ra đời, cũng cần phải có chủ nghĩa anh hùng, lòng hy sinh, sự khủng bố, nội chiến, và những trận chiến đấu của các dân tộc. Và các đấu sĩ của xã hội tư sản đã tìm thấy trong những truyền thống nghiệt ngã theo kiểu cổ điển của Cộng hòa La Mã những lý tưởng và những hình thức nghệ thuật, những ảo tưởng cần thiết cho họ, để tự che giấu mình cái nội dung tư sản hạn chế của cuộc đấu tranh của họ và để duy trì nhiệt tình của họ ở đỉnh cao của một tấn bi kịch lịch sử lớn. Cũng như vậy, trước đó một thế kỷ, ở một giai đoạn phát triển khác, Crôm-oen và nhân dân Anh đã mượn cho cuộc cách mạng tư sản của họ những lời lẽ, những nhiệt tình và những ảo tưởng lấy trong Cựu ước. Khi mục đích thật sự đã đạt rồi, khi việc cải tạo tư sản của xã hội Anh đã hoàn thành rồi, thì Lốc-cơ liền gạt bỏ nhà tiên tri A-ba-quých.

Như vậy, trong các cuộc cách mạng ấy, người ta làm sống lại những người đã chết để ca ngợi những cuộc đấu tranh mới, chứ không phải là để nhai lại những cuộc đấu tranh cũ, là để đề cao trong tưởng tượng một nhiệm vụ nhất định, chứ không phải là để trốn tránh việc giải quyết nhiệm vụ ấy trong thực tế, là để tìm lại cái tinh thần của cách mạng, chứ không phải là để buộc cái bóng ma của nó phải lang thang một lần nữa.

Trong những năm 1848 - 1851 chỉ có cái bóng ma của cuộc cách mạng cũ lang thang, kể từ Ma-ra-xtơ, một républicain en gants jaunes[1*] và mặc bộ quần áo của lão Bay-i cho đến cái anh

1* - phần tử cộng hòa đeo găng tay màu vàng

chàng phiêu lưu đã giấu bộ mặt tầm thường - ghê tởm của mình dưới chiếc mặt nạ bằng sắt của Na-pô-lê-ông đã chết. Cả một dân tộc, tưởng rằng nhờ cách mạng mà đã đẩy nhanh được sự vận động tiến lên của mình, thì bỗng nhiên thấy mình bị đưa lùi về một thời đã chết, và để cho không ai có thể nghi ngờ về bước thoái lui đó, người ta đã làm sống lại những ngày tháng cũ, kỷ niệm cũ, những tên tuổi cũ, những chỉ dụ cũ từ lâu đã trở thành tài sản của những người chơi đồ cổ thông thái, và tất cả những tên cảnh sát của chế độ cũ, dường như đã thối rữa từ lâu rồi. Cả nước cảm thấy mình giống như anh chàng người Anh loạn óc trong nhà thương điên Bét-lam[45], cứ tưởng như mình đang sống dưới thời các ông vua Ai Cập cổ xưa và ngày nào cũng than thở một cách cay đắng về công việc nặng nhọc của người thợ mỏ mà anh ta phải làm trong những mỏ vàng ở Ê-ti-ô-pi-a, trong cái nhà tù dưới đất đó, với một ngọn đèn tù mù gắn ở trên đầu, sau lưng là tên cai cầm cây roi dài canh gác những người nô lệ, và ở các cửa hầm là cả một bầy lính đánh thuê man rợ không hiểu cả những thợ mỏ khổ sai lẫn giữa chúng với nhau, vì họ không nói cùng một thứ tiếng. Anh chàng loạn óc người Anh than thở: "Thế mà tôi, một người Anh sinh ra vốn đã tự do, lại phải è cổ ra chịu tất cả những điều đó để kiếm vàng cho các ông vua Ai Cập thời cổ". Còn dân tộc Pháp thì than thở: "Để trả nợ cho gia đình Bô-na-pác-tơ". Khi người Anh đó đầu óc còn tỉnh táo, anh ta vẫn không thể bỏ được cái ý nghĩ ám ảnh anh ta là đi kiếm vàng. Còn người Pháp, chừng nào họ làm cách mạng thì họ vẫn không thể vứt bỏ được những hồi ức về Na-pô-lê-ông, như cuộc tuyển cử ngày 10 tháng Chạp[46] đã cho thấy.Vì sợ những nguy cơ cách mạng, họ đã muốn quay về với những cái nồi thịt ở xứ Ai Cập[47], - và câu trả lời là sự kiện ngày 2 tháng Chạp 1851. Không những họ nhận được bức biếm họa về lão già Na-pô-lê-ông, mà họ có được bản thân lão già Na-pô-lê-ông dưới dạng biếm họa, với diện mạo mà lão ta phải có giữa thế kỷ XIX.

Cuộc cách mạng xã hội của thế kỷ XIX chỉ có thể tìm được thi hứng của mình ở tương lai, chứ không phải ở quá khứ. Nó

không thể bắt đầu thực hiện được nhiệm vụ của bản thân nó chừng nào nó chưa hoàn toàn tẩy trừ được hết mọi mê tín đối với quá khứ. Các cuộc cách mạng trước kia cần có những sự hồi tưởng đến những sự kiện lịch sử toàn thế giới của quá khứ để tự đánh lừa mình về cái nội dung của chính mình. Cách mạng của thế kỷ XIX phải để cho những người đã chết chôn cất những người chết của họ, để làm sáng tỏ cho mình cái nội dung của chính mình. Trước kia, lời nói cao hơn nội dung, còn bây giờ thì nội dung cao hơn lời nói.

Cách mạng tháng Hai là một *sự bất ngờ* đối với xã hội cũ, nó bắt chộp được xã hội cũ và nhân dân đã tuyên bố cái *đòn* bất ngờ ấy là một sự biến có ý nghĩa lịch sử thế giới, mở đầu cho một thời đại mới. Ngày 2 tháng Chạp, cuộc cách mạng tháng Hai đã biến mất vào tay một tên bịp bợm xảo quyệt, và kết quả là cái bị tiêu diệt không phải là chế độ quân chủ nữa mà là những nhượng bộ có tính chất tự do chủ nghĩa giành được trong tay chế độ quân chủ bằng một cuộc đấu tranh hàng thế kỷ. Đáng lẽ bản thân *xã hội* phải giành lấy cho mình một nội dung mới, thì chỉ có *nhà nước* là dường như quay trở về với hình thái cổ xưa nhất của nó, với sự thống trị thô sơ, vô liêm sỉ của thanh gươm và chiếc áo thầy tu. Coup de tête[1*] tháng Chạp 1851 đã trả lời lại coup de main[2*] tháng Hai l848 như thế đấy. Kiếm được như thế nào thì xào như thế ấy. Nhưng giữa hai sự biến đó thời gian cũng không phải là đã trôi qua một cách vô ích. Trong vòng từ những năm 1848 đến 1851, xã hội Pháp đã thu được - bằng một phương pháp rút ngắn, vì đó là phương pháp cách mạng - những bài học và những kinh nghiệm mà trong một tiến trình phát triển đúng đắn, có thể nói là có quy củ, thì lẽ ra phải có trước cuộc cách mạng tháng Hai, dù cho cuộc cách mạng đó có một cái gì đó quan trọng hơn là sự rung chuyển giản đơn trên bề mặt. Giờ đây, xã hội Pháp có vẻ như đã quay trở lại đằng sau điểm xuất phát của

1* - hành động nông nổi

2* - đòn táo bạo, hành động kiên quyết

nó; trên thực tế thì nó chỉ còn phải tạo cho mình cái điểm xuất phát cho cách mạng, tạo ra cái tình hình, những quan hệ và những điều kiện mà chỉ khi có chúng thì cuộc cách mạng hiện đại mới có thể có một tính chất nghiêm túc được.

Các cuộc cách mạng tư sản, ví dụ như những cuộc cách mạng trong thế kỷ XVIII, đã nhanh chóng đi từ thành công này đến thành công khác, trong những cuộc cách mạng ấy hiệu quả kịch tính sau lại còn lớn hơn hiệu quả trước, người và vật đều như được lửa pháo hoa chiếu rọi, ngày nào cũng ở trong trạng thái phấn chấn ngây ngất, nhưng những cuộc cách mạng tư sản ấy chỉ có tính chất nhất thời, nhanh chóng đạt tới đỉnh cao của chúng, và xã hội bị rơi vào một cơn say dài trước khi kịp lĩnh hội được một cách tỉnh táo những kết quả của thời kỳ phong ba bão táp của mình. Trái lại, những cuộc cách mạng vô sản, những cuộc cách mạng của thế kỷ XIX, thì thường xuyên tự phê phán, luôn luôn dừng lại trong sự vận động của mình, quay trở lại những cái hình như đã xong rồi để làm lại từ đầu, chế giễu thậm tệ tính chất nửa vời, những mặt yếu và sự vô dụng của những mưu toan đầu tiên của mình; những cuộc cách mạng đó dường như quật ngã kẻ địch của mình xuống chỉ là để cho kẻ địch đó lấy thêm những sức lực mới từ đất lên và lại đứng thẳng người lên trước mặt mình hùng mạnh hơn; những cuộc cách mạng đó luôn luôn lùi lại trước các mục tiêu bao la vô tận của mình, cho đến khi cuối cùng, một tình thế khiến không thể nào lùi được nữa được tạo ra, và chính ngay hoàn cảnh cũng thét lên:

Hic Rhodus, hic salta!

Hoa hồng ở đây rồi, ở đây hãy nhảy đi![48]

Vả lại, bất kỳ một người nào có ít nhiều đầu óc quan sát, dù không theo dõi từng bước sự tiến triển của các sự kiện ở Pháp, cũng không thể không cảm thấy trước rằng cuộc cách mạng ấy sẽ chịu một sự nhục nhã chưa từng thấy. Chỉ nghe những lời đắc thắng đầy tự mãn mà các ngài dân chủ chúc tụng lẫn nhau về

những kết quả thần kỳ mà họ chờ đợi ở ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm 1852[49], cũng đủ. Trong đầu óc các ngài ấy, ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm 1852 đã trở thành một ý nghĩ luôn luôn ám ảnh họ, thành một tín điều, giống như ngày giáng thế lần thứ hai của Chúa Ki-tô và triều đại ngàn năm ở trong đầu óc những người theo thuyết ngàn năm. Những con người yếu đuối bao giờ cũng tìm lối thoát trong lòng tin vào những phép lạ; họ tin rằng kẻ địch sẽ bị đánh bại, nếu như trong trí tưởng tượng của họ, họ dùng phù phép trù yểm được nó, và họ mất hết mọi cảm xúc về hiện tại, vì họ đề cao đến tận mây xanh cái tương lai đang chờ đón họ và những chiến công mà họ dự định làm, nhưng báo tin về những cái đó trong lúc này thì họ cho là hãy còn quá sớm. Ra sức bác bỏ cái ý kiến về sự vô tài rõ ràng của mình bằng cách bày tỏ mối thông cảm lẫn nhau và kết với nhau thành một khối, các vị yêng hùng ấy đã thu thập gia tư vật dụng, và sau khi chộp lấy những vòng hoa nguyệt quế ứng trước cho họ, họ chính đã chuẩn bị chiết khấu ở sở giao dịch những nước cộng hòa in partibus[1*] mà thành phần chính phủ đã được họ tổ chức một cách cẩn thận, lặng lẽ, với tính dễ dãi vốn có của họ. Ngày 2 tháng Chạp đã làm cho họ sửng sốt như tiếng sét giữa bầu trời quang đãng; và nhân dân - mà trong những thời kỳ tinh thần sút kém đã sẵn lòng để cho bọn hò hét to tiếng nhất nén những nỗi lo sợ trong lòng họ - lần này chắc sẽ thấy rõ ràng đã qua rồi cái thời buổi mà tiếng kêu của một đàn ngỗng có thể cứu nguy cho thành Ca-pi-tôn.

Hiến pháp, Quốc hội, các phe đảng bảo hoàng, các đảng viên cộng hòa xanh, đỏ, các tay anh hùng châu Phi, tiếng sấm của các diễn đàn, những tia chớp của báo chí, tất cả các sách báo, các nhân vật chính trị nổi tiếng, các nhà trí thức có danh vọng, bộ

1* - in partibus infidelium - ngoài thực tại (nghĩa đen là: "tại xứ sở của những kẻ vô đạo" - đây là mấy chữ bổ sung vào tước hiệu của các giám mục Thiên chúa giáo được bổ nhiệm giữ chức giám mục thuần túy trên danh nghĩa trong những nước không theo đạo Cơ Đốc)

dân luật và bộ hình luật, khẩu hiệu liberté, égalité, fraternité[1*] và ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm 1852, - tất cả những thứ đó đều biến mất như một ảo ảnh trước câu thần chú của một người mà ngay cả những kẻ thù của hắn cũng không coi là một nhà phù thủy. Quyền đầu phiếu phổ thông hình như chỉ còn được sống sót trong khoảnh khắc để tự tay mình viết bản di chúc trước con mắt của toàn thế giới và nhân danh chính ngay nhân dân mà tuyên bố: "tất cả những gì đang xuất hiện đều đáng bị tiêu vong"[50].

Nói như người Pháp thường nói, rằng nước Pháp của họ đã bị bất ngờ, thì không đủ. Một nước, cũng như một người phụ nữ, sẽ không được tha thứ vì trong giây phút yếu đuối của mình đã để cho một tên phiêu lưu nào đó có thể cưỡng hiếp mình. Những lời lẽ như thế không giải đáp câu đố, mà chỉ nêu câu đố đó một cách khác đi mà thôi. Vì còn phải giải thích làm thế nào mà ba tên gian hùng lại có thể lung lạc được một nước 36 triệu con người và bắt họ làm tù binh mà không hề bị chống cự.

Chúng ta hãy tóm tắt lại, trên những nét đại cương, các giai đoạn mà cuộc cách mạng Pháp đã trải qua từ ngày 24 tháng Hai 1848 cho đến tháng Chạp 1851.

Đây là ba thời kỳ chính không chút nghi ngờ: *thời kỳ tháng hai;* từ 4 tháng Năm 1848 đến 28 tháng Năm 1849[51] - *thời kỳ thành lập nền cộng hòa* hay *Quốc hội lập hiến*; từ 28 tháng Năm 1849 đến 2 tháng Chạp 1851 - *thời kỳ cộng hòa lập hiến* hay *Quốc hội lập pháp.*

Thời kỳ thứ nhất, bắt đầu từ ngày 24 tháng Hai, tức là ngày Lu-i - Phi-líp bị đổ, đến ngày 4 tháng Năm 1848, tức là ngày khai mạc các phiên họp của Quốc hội lập hiến, - đó là *thời kỳ tháng Hai* theo đúng nghĩa của nó, - thời kỳ này có thể coi là *đoạn mở đầu* của cách mạng. Tính chất của thời kỳ này chính thức biểu hiện ở chỗ chính phủ do thời kỳ này tức hứng dựng lên tự tuyên bố là chính phủ *lâm thời,* và giống như chính phủ, tất cả những

1* - tự do, bình đẳng, bác ái

điều đã làm, thử làm, hoặc được nói ra trong thời kỳ này cũng đều mạo nhận là chỉ có tính cách *lâm thời*. Không có gì, và không có ai dám thừa nhận mình có quyền tồn tại thường xuyên và hành động thật sự. Tất cả những phần tử đã từng chuẩn bị hoặc đã quyết định cách mạng: phe đối lập của vương triều[52], phái tư sản cộng hòa, phái tiểu tư sản cộng hòa dân chủ, giai cấp công nhân dân chủ - xã hội chủ nghĩa - tất cả những phần tử ấy đều có một địa vị lâm thời trong *chính phủ* - tháng Hai.

Vả lại, cũng không thể nào khác thế được. Những ngày tháng Hai lúc ban đầu chỉ nhằm có mục đích cải cách tuyển cử để mở rộng phạm vi những kẻ được hưởng đặc quyền về mặt chính trị trong nội bộ các giai cấp hữu sản và để lật đổ quyền thống trị độc chiếm của bọn quý tộc tài chính. Nhưng khi sự việc đã đi đến chỗ xung đột thật sự, khi nhân dân đã đứng trên các chiến lũy, khi đội cận vệ quốc gia đã giữ một thái độ chờ đợi thụ động, quân đội không hề có một sự chống cự nào đáng kể, và nhà vua cũng đã chạy trốn, thì việc thành lập nền cộng hòa là lẽ đương nhiên. Mỗi đảng phái đã giải thích nền cộng hòa đó theo cách riêng của mình. Giai cấp vô sản, giành được nền cộng hòa với vũ khí trong tay, đã in dấu ấn của mình lên nó và gọi nó là *cộng hòa xã hội.* Như vậy là nội dung chung của cuộc cách mạng hiện đại đã được xác định; nội dung đó mâu thuẫn một cách hết sức lạ kỳ với tất cả những gì có thể thực hiện được ngay lập tức, một cách trực tiếp, bằng những vật liệu hiện có trong giai đoạn phát triển mà quần chúng đã đạt được, trong những tình huống và điều kiện hiện có. Mặt khác, những yêu sách của tất cả những phần tử khác góp phần làm cho cuộc cách mạng tháng Hai thắng lợi cũng đã được thỏa mãn bằng phần béo bở nhận được trong chính phủ. Vì vậy, không có một thời kỳ nào khác mà chúng ta lại có thể tìm thấy một sự hỗn hợp pha tạp hơn thế giữa những câu nói hoa mỹ với sự do dự và bất lực trong thực tế, giữa những cố gắng đầy nhiệt tình muốn thực hiện những cái mới với sự thống trị vững chắc hơn của lề thói thủ cựu cũ, với vẻ hòa hợp bề ngoài của toàn bộ xã hội và với sự xa lạ sâu sắc của các thành phần trong xã

hội. Trong khi giai cấp vô sản Pa-ri còn đang say sưa với những triển vọng vĩ đại mở ra trước mắt họ, và còn đang thật sự lao vào những cuộc bàn cãi nghiêm chỉnh về những vấn đề xã hội, thì những thế lực cũ của xã hội đã tụ tập nhau lại, câu kết với nhau, đã hồi tỉnh lại và tìm được một chỗ dựa bất ngờ trong quần chúng nhân dân trong nước - trong nông dân và những phần tử tiểu tư sản, những người này bỗng nhiên nhảy lên vũ đài chính trị sau khi những chướng ngại vật của nền Quân chủ tháng Bảy sụp đổ.

Thời kỳ thứ hai, từ ngày 4 tháng Năm 1848 cho đến cuối tháng Năm 1849, là thời kỳ *thành lập, xây dựng nền cộng hòa tư sản.* Lập tức sau những ngày tháng Hai, chẳng những phái đối lập bảo hoàng bị phái cộng hòa bất ngờ làm cho kinh hoàng sửng sốt, và phái cộng hòa bị phái xã hội chủ nghĩa làm cho bất ngờ, mà cả nước Pháp cũng bị Pa-ri làm cho bất ngờ. Quốc hội họp ngày 4 tháng Năm là do toàn thể quốc dân bầu ra, nó đại diện cho toàn thể quốc dân. Nó là một sự kháng nghị sinh động đối với những kỳ vọng của những ngày tháng Hai và có nhiệm vụ phải kéo những kết quả của cuộc cách mạng ấy xuống ngang với quy mô của tư sản. Giai cấp vô sản Pa-ri nắm ngay được tính chất của cái Quốc hội ấy, nên vài ngày sau khi nó khai mạc, tức là ngày 15 tháng Năm, đã mưu toan dùng vũ lực để chấm dứt sự tồn tại của nó, giải tán nó, phân giải một lần nữa cái hình thức cơ cấu trong đó tinh thần dân tộc đe dọa chống lại giai cấp vô sản, thành những bộ phận cấu thành, - những mưu toan đó đã không thành công. Như người ta đã biết, ngày 15 tháng Năm chẳng đem lại kết quả nào khác ngoài việc gạt Blăng-ki và các đồng chí của ông, tức là những lãnh tụ chân chính của đảng vô sản, ra khỏi vũ đài xã hội trong suốt thời kỳ mà chúng ta đang nghiên cứu.

Tiếp theo *chế độ quân chủ tư sản* của Lu-i - Phi-líp thì chỉ có thể là *chế độ cộng hòa tư sản,* nghĩa là nếu một bộ phận nhỏ giai cấp tư sản nấp dưới danh nghĩa nhà vua để thống trị, thì từ nay,

toàn thể giai cấp tư sản nói chung lại sẽ nấp dưới danh nghĩa nhân dân để thống trị. Những yêu sách của giai cấp vô sản Pa-ri là những không tưởng nhảm nhí cần phải chấm dứt. Đáp lại lời tuyên bố đó của Quốc hội lập hiến, giai cấp vô sản Pa-ri đã trả lời bằng *cuộc khởi nghĩa tháng Sáu,* một sự biến to lớn nhất trong lịch sử nội chiến châu Âu. Nền cộng hòa tư sản đã chiến thắng. Đứng về phía nền cộng hòa này có tầng lớp quý tộc tài chính, giai cấp tư sản công nghiệp, các tầng lớp trung gian, giai cấp tiểu tư sản, quân đội, tầng lớp vô sản lưu manh được tổ chức thành đội cận vệ cơ động, trí thức, giáo sĩ và dân cư nông thôn. Giai cấp vô sản Pa-ri về phía nó chỉ có một mình. Sau khi họ bị đánh bại, hơn 3000 người khởi nghĩa bị giết và 15000 người bị đi đầy mà không xét xử. Với thất bại ấy, giai cấp vô sản lùi lại *phía sau* vũ đài cách mạng. Mỗi lần phong trào hình như có một đà tiến mới, thì giai cấp vô sản lại cố gắng xông lên phía trước nhưng những mưu toan đó ngày càng trở nên yếu hơn và đem lại những kết quả ngày càng ít ỏi hơn. Khi một tầng lớp nào đó trong số những tầng lớp xã hội trên giai cấp vô sản mà sôi sục cách mạng, thì giai cấp vô sản liền liên minh với họ, và do đó nó chia sẻ những sự thất bại mà các đảng khác nhau đã lần lượt chịu đựng. Nhưng những đòn liên tiếp ấy càng đánh vào toàn bộ bề mặt của xã hội thì càng yếu dần đi. Các lãnh tụ trọng yếu hơn của giai cấp vô sản trong Quốc hội và trong giới báo chí đều lần lượt trở thành nạn nhân của tòa án và thay thế họ là những nhân vật ngày càng mập mờ. Một bộ phận của giai cấp vô sản lại lao vào *những cuộc thực nghiệm giáo điều, vào việc thành lập những ngân hàng trao đổi và các hội công nhân, nghĩa là vào một cuộc vận động trong đó nó từ bỏ tư tưởng làm đảo lộn thế giới cũ bằng toàn bộ những phương tiện mạnh mẽ của bản thân thế giới cũ này, và trái lại, lại mưu toan thực hiện việc giải phóng mình ở đằng sau lưng xã hội, bằng con đường riêng tư, trong phạm vi những điều kiện tồn tại hạn chế của mình, do đó tất nhiên phải thất bại.* Hình như giai cấp vô sản không thể tìm lại được trong bản thân mình sự vĩ đại cách mạng trước đây, cũng như không thể tìm được một

nghị lực mới trong những liên minh mới ký kết, khi *tất cả các giai cấp* mà nó đã chiến đấu chống lại hồi tháng Sáu còn chưa bị đánh ngã như bản thân nó. Nhưng ít ra giai cấp vô sản cũng đã ngã xuống trong vinh dự, trong một cuộc đấu tranh vĩ đại có tính chất lịch sử thế giới; không chỉ nước Pháp, mà cả toàn châu Âu cũng đều rung chuyển vì trận động đất tháng Sáu, còn những thất bại sau này của các giai cấp bên trên thì được trả bằng một giá quá rẻ, đến nỗi phe chiến thắng phải dùng đến thủ đoạn thổi phồng lên một cách vô liêm sỉ để nói chung, đem lại cho chúng tính chất những sự biến, hơn nữa đảng chiến bại càng đứng xa giai cấp vô sản bao nhiêu, thì những thất bại đó lại càng nhục nhã bấy nhiêu.

Quả thật sự thất bại của những người khởi nghĩa tháng Sáu đã chuẩn bị, đã dọn chỗ cho chế độ cộng hòa tư sản có thể được thiết lập; nhưng đồng thời, nó cũng chỉ ra rằng ở châu Âu, vấn đề là một cái gì khác, chứ không phải vấn đề "nền cộng hòa hay nền quân chủ". Nó đã chứng tỏ rằng nền *cộng hòa tư sản* ở đây có nghĩa là chế độ chuyên chế không hạn chế của một giai cấp này đối với các giai cấp khác. Nó đã chỉ ra rằng, trong những nước văn minh cũ, có sự phân chia giai cấp phát triển, những điều kiện sản xuất hiện đại, và một ý thức tinh thần mà tất cả những tư tưởng thừa kế được đã hun đúc thành, nhờ một lao động hàng thế kỷ, thì *nói chung, nền cộng hòa chỉ là một hình thái chính trị để cải biến xã hội tư sản,* chứ không phải là *hình thái tồn tại bảo thủ* của xã hội ấy, ví dụ như ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ chẳng hạn, nơi mà các giai cấp tuy đã có nhưng chưa được cố định lại, và trong một sự vận động không ngừng, thường xuyên đổi mới các bộ phận cấu thành của mình và chuyển những bộ phận ấy lẫn cho nhau; nơi mà các tư liệu sản xuất hiện đại không những không kết hợp với nạn nhân khẩu thừa kinh niên, mà ngược lại, được dùng để bổ sung cho tình trạng tương đối thiếu trí óc và bàn tay, và sau hết, là nơi mà sự vận động cuồng nhiệt, đầy sức trẻ trung của nền sản xuất vật chất đang còn phải chinh phục

cả một thế giới mới, nên không có thời giờ và cơ hội để chấm dứt cái thế giới cũ của các bóng ma.

Trong những ngày tháng Sáu, tất cả các giai cấp và đảng phái đều đã đoàn kết với nhau trong *đảng trật tự* chống lại giai cấp vô sản- tức là *đảng của phe vô chính phủ,* của chủ nghĩa xã hội, của chủ nghĩa cộng sản. Họ đã "cứu" xã hội khỏi tay *"những kẻ thù của xã hội".* Họ đã lấy khẩu hiệu của xã hội cũ: *"Sở hữu, gia đình, tôn giáo, trật tự"* để làm khẩu lệnh cho các đội quân của họ và đã khích lệ đạo quân chữ thập phản cách mạng bằng những lời kêu gọi: "Dưới dấu hiệu này các người sẽ thắng!". Từ đó, hễ một đảng phái nào - trong rất nhiều đảng phái trước đây đã tập hợp lại dưới dấu hiệu ấy để chống lại những người khởi nghĩa tháng Sáu, mưu toan chiếm giữ vũ đài cách mạng vì những lợi ích giai cấp của mình, thì nó liền bị đánh bại trước khẩu hiệu: “Sở hữu, gia đình, tôn giáo, trật tự!". Xã hội được cứu vãn mỗi khi tập đoàn những kẻ thống trị xã hội thu hẹp lại, mỗi khi lợi ích nhỏ hẹp hơn áp đảo lợi ích rộng lớn hơn. Mọi yêu cầu về một cuộc cải cách tài chính tư sản giản đơn nhất, của một chủ nghĩa tự do thông thường nhất, về một chủ nghĩa cộng hòa hình thức nhất, về một nền dân chủ tầm thường nhất, cũng đều vừa bị trừng phạt như một "hành vi mưu hại xã hội" và vừa bị lên án là "chủ nghĩa xã hội". Và, rốt cuộc lại, chính các đạo sĩ tối cao của "tôn giáo và trật tự" lại bị đá đít khỏi chiếc ghế ba chân của họ, đang đêm bị lôi cổ ra khỏi giường, bị nhét vào xe tù, ném vào ngục tối hoặc đưa đi đầy. Đền đài của họ bị san bằng, miệng họ bị khóa lại, ngòi bút của họ bị bẻ gẫy, luật pháp của họ bị xé tan, - nhân danh tôn giáo, sở hữu, gia đình và trật tự. Bầy lính say rượu bắn chết những người tư sản cuồng tín trật tự trên bao lơn của họ, làm ô uế nơi thiêng liêng của gia đình họ, bắn trọng pháo vào nhà cửa của họ để làm trò tiêu khiển, - nhân danh sở hữu, gia đình, tôn giáo và trật tự. Cuối cùng, cái tầng lớp cặn bã của xã hội tư sản lại họp thành *đạo quân thần thánh của trật tự,* và nhân vật Cra-pi-u-lin-xki[53] bước vào điện Tuyn-lơ-ri như một *"vị cứu tinh của xã hội".*

II

Chúng ta hãy quay trở lại sự trình bày đã bị gián đoạn.

Lịch sử *Quốc hội lập hiến* từ những ngày tháng Sáu trở đi là *lịch sử thống trị và tan rã của phái tư sản cộng hòa,* mà người ta vẫn quen gọi là phái cộng hòa tam tài, cộng hòa thuần túy, cộng hòa chính trị, cộng hòa hình thức, v.v..

Dưới thời quân chủ tư sản của Lu-i - Phi-líp, phái đó hợp thành *phái đối lập cộng hòa chính thức,* và bởi thế, nó là một bộ phận cấu thành được công nhận của chính giới thời bấy giờ. Nó có đại biểu trong các nghị viện và có ảnh hưởng lớn trong giới báo chí. Tờ "National"[54] cơ quan của nó ở Pa-ri, được coi là thuộc loại đáng kính như tờ "Journal des Débats"[55]. Địa vị đó của nó dưới thời quân chủ lập hiến càng hoàn toàn phù hợp với tính chất của nó. Đó không phải là một bộ phận của giai cấp tư sản câu kết với nhau vì cùng chung những lợi ích to tát nào đó và tách biệt với các bộ phận khác do những điều kiện sản xuất riêng biệt. Đó chỉ là một tập đoàn gồm những nhà tư sản, văn sĩ, luật sư, sĩ quan và công chức có xu hướng cộng hòa, mà ảnh hưởng dựa trên sự ác cảm của đất nước đối với cá nhân Lu-i- Phi-líp và trên sự hồi tưởng đến chính thể cộng hòa đệ nhất, trên niềm tin cộng hòa của một số người mơ mộng, và chủ yếu là dựa trên *chủ nghĩa dân tộc Pháp,* sự căm thù của chủ nghĩa dân tộc này đối với bản

hòa ước Viên và đối với sự liên minh với nước Anh đã được nó không ngừng nuôi dưỡng. Dưới thời Lu-i - Phi-líp, sở dĩ tờ "National" có được một số lớn người theo là nhờ vào thứ chủ nghĩa đế quốc giấu mặt, mà về sau này, dưới thời cộng hòa, chính vì thế mà đã có thể chống lại bản thân nó thông qua một địch thủ bất khả chiến thắng là Lu-i Bô-na-pác-tơ. Giống như tất cả mọi phe tư sản đối lập khác, nó chống lại bọn quý tộc tài chính. Những cuộc luận chiến của nó chống ngân sách, - ở Pháp hồi đó, những cuộc luận chiến chống ngân sách đều gắn liền với việc đấu tranh chống bọn quý tộc tài chính, - đã đem lại một sự nổi tiếng quá rẻ và đã cung cấp một đề tài quá phong phú cho những leading articles[1*] theo kiểu thanh giáo, khiến người ta không thể không lợi dụng nó. Giai cấp tư sản công nghiệp tỏ ra biết ơn tờ báo đó, vì nó đã bênh vực một cách hèn hạ chế độ thuế quan bảo hộ của Pháp, một sự bênh vực vì những lý do dân tộc hơn là vì những lý do kinh tế - chính trị, toàn thể giai cấp tư sản nói chung biết ơn nó về những lời tố cáo hằn học của nó đối với chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Vả lại, đảng của tờ "National" là *một đảng cộng hòa thuần túy,* nghĩa là nó đòi một hình thái cộng hòa chứ không phải là hình thái quân chủ cho sự thống trị của giai cấp tư sản, và trước hết là đòi chiếm phần béo bở nhất trong nền thống trị ấy. Về những điều kiện của sự biến đổi chính trị đó, nó hoàn toàn không rõ. Trái lại, điều mà nó đã trông thấy rõ như ban ngày, - và trong những bữa tiệc vận động đòi cải cách vào cuối triều Lu-i - Phi-líp, điều này đã bộc lộ ra một cách rõ ràng, - là việc nó đã không có uy tín trong đám người tiểu tư sản dân chủ và nhất là trong giai cấp vô sản cách mạng. Những người cộng hòa thuần túy ấy - đúng theo kiểu cách của những người cộng hòa thuần túy, - đã hoàn toàn sẵn sàng bước đầu tự bằng lòng với chế độ nhiếp chính của nữ công tước Oóc-lê-ăng, khi cuộc cách mạng tháng Hai nổ ra, đem lại cho những đại biểu có tên tuổi nhất của nó một vị trí trong chính phủ lâm thời. Dĩ nhiên,

1* - bài xã luận

ngay từ đầu, những đại biểu đó đã được giai cấp tư sản và đa số trong Quốc hội lập hiến tín nhiệm. Những phần tử *xã hội chủ nghĩa* trong chính phủ lâm thời lập tức bị gạt ra khỏi Ủy ban chấp hành do Quốc hội cử ra trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội; và đảng của báo "National" đã lợi dụng sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa tháng Sáu để giải tán luôn cả *Ủy ban chấp hành* và bằng cách đó gạt được những địch thủ sát sườn nhất của mình, như *phái cộng hòa tiểu tư sản* hay *phái cộng hòa dân chủ* (Lơ-đruy - Rô-lanh, v.v.). Ca-ve-nhắc, viên tướng của đảng cộng hòa tư sản, người chỉ huy cuộc tàn sát hồi tháng Sáu, đã thay thế Ủy ban chấp hành và nắm trong tay một thứ quyền bính độc tài. Ma-ra-xtơ, nguyên chủ bút báo "National" đã trở thành chủ tịch vĩnh viễn của Quốc hội lập hiến; và các ghế bộ trưởng cũng như tất cả các chức vụ quan trọng khác đều lọt vào tay những người cộng hòa thuần túy.

Như vậy, tình hình thực tế đã vượt quá những mong đợi táo bạo nhất của phái cộng hòa tư sản là phái đã từ lâu vốn tự cho mình là kẻ thừa kế chính đáng của nền Quân chủ tháng Bảy, nhưng phái đó nắm được quyền thống trị không phải là do kết quả của một cuộc nổi dậy theo lối tự do chủ nghĩa của giai cấp tư sản để chống lại ngai vàng, như nó hằng mơ ước, khi còn ở dưới thời Lu-i - Phi-líp, mà lại là do kết quả của một cuộc khởi nghĩa của giai cấp vô sản chống lại tư bản, bị đàn áp bằng đạn đại bác. Điều mà nó tưởng là một biến cố *cách mạng nhất,* thì trên thực tế lại là một biến cố *phản cách mạng nhất.* Trái cây đã rơi vào tay nó, nhưng trái ấy đã rơi xuống từ cây trí tuệ, chứ không phải từ cây cuộc sống.

Nền *thống trị* độc quyền *của phái cộng hòa tư sản* chỉ tồn tại từ ngày 24 tháng Sáu đến ngày 10 tháng Chạp 1848. Những kết quả của nền thống trị đó thu tóm lại trong việc *khởi thảo bản hiến pháp cộng hòa* và *việc tuyên bố thiết quân luật ở Pa-ri.*

Bản *hiến pháp* mới, về thực chất, chẳng qua chỉ là bản hiến chương lập hiến năm 1830[56] được tái bản dưới nhãn hiệu cộng

hòa mà thôi. Điều kiện tuyển cử cao dưới thời Quân chủ tháng Bảy, gạt ngay cả một bộ phận lớn trong bản thân giai cấp tư sản ra khỏi chính quyền, đã trở nên không thể dung hợp được với sự tồn tại của chế độ cộng hòa tư sản. Cách mạng tháng Hai lập tức ban bố chế độ đầu phiếu phổ thông trực tiếp thay cho điều kiện tuyển cử này. Phái cộng hòa tư sản không thể nào gạt bỏ sự kiện ấy. Họ phải tự bằng lòng với việc bổ sung thêm một điều khoản hạn chế, buộc cử tri phải ở đủ sáu tháng tại nơi họ bỏ phiếu. Tổ chức hành chính, thị chính, tư pháp, quân đội, v.v., vẫn được giữ nguyên như cũ; nếu hiến pháp có quy định một số sửa đổi nào đó thì chúng chỉ đụng đến mục lục chứ không đụng đến nội dung, đụng đến tên gọi chứ không đụng đến sự vật.

Cái bộ tổng tham mưu không thể thiếu được của những quyền tự do năm 1848 - tự do về thân thể, tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do hội họp, tự do giáo dục, tự do tín ngưỡng, v.v. - được người ta khoác cho một chế phục hiến pháp khiến nó trở nên bất khả xâm phạm. Mỗi quyền tự do ấy đều được tuyên bố là quyền *tuyệt đối* của công dân Pháp, nhưng bao giờ cũng với một điều khoản kèm theo là các quyền ấy chỉ không có giới hạn chừng nào chúng không bị giới hạn bởi những *"quyền như thế của người khác* và *sự an ninh công cộng"*, hay bởi những "đạo luật" nhằm bảo đảm việc điều hòa những quyền tự do cá nhân ấy với nhau và với nền an ninh công cộng. Ví dụ: "Các công dân có quyền lập hội, quyền tụ họp một cách hòa bình và không mang vũ khí, quyền đề đạt những thư thỉnh nguyện và quyền bày tỏ ý kiến của mình bằng báo chí hoặc bằng mọi phương tiện khác. *Việc hưởng dụng những quyền đó không có những giới hạn nào khác ngoài những quyền giống như thể của người khác* và *sự an ninh công cộng".* (Chương II của Hiến pháp nước Pháp, §8) - "Việc giáo dục được tự do. Sự tự do giáo dục phải được *hưởng* trong những điều kiện đã được luật pháp ấn định, và dưới sự kiểm soát tối cao của nhà nước". (Như trên, §9.) - "Nhà ở của mọi công dân là bất khả xâm phạm, *trừ* những trường hợp đã được luật pháp định trước". (Chương II, §3.) v.v. và v.v.. - Vì vậy, hiến pháp luôn luôn viện

đến những đạo luật *tổ chức* trong tương lai, những đạo luật này phải cụ thể hóa những sự hạn chế ấy và điều tiết việc hưởng dụng những quyền tự do không hạn chế đó sao cho những quyền tự do đó không va chạm lẫn nhau, và cũng không chạm đến an ninh công cộng. Về sau, các đạo luật tổ chức ấy đã được những người bạn của trật tự soạn ra, và tất cả mọi quyền tự do ấy đều được điều tiết một cách khiến cho giai cấp tư sản có thể hưởng được chúng mà không gặp phải một trở ngại nào từ phía các quyền giống như thế của các giai cấp khác. Ở nơi nào mà giai cấp tư sản hoàn toàn từ chối không cho "những người khác" hưởng những quyền tự do ấy, hoặc chỉ cho họ hưởng với những điều kiện đồng thời cũng là những cạm bẫy của cảnh sát, thì đó bao giờ cũng chỉ vì lợi ích của nền *"an ninh công cộng",* nói một cách khác, là vì lợi ích của nền an ninh của giai cấp tư sản, đúng như bản hiến pháp đã quy định. Bởi thế cho nên về sau, cả hai phía đều hoàn toàn có quyền viện vào hiến pháp: phía những người bạn của trật tự đòi xóa bỏ tất cả mọi quyền tự do ấy, cũng như phía những người dân chủ thì đòi trả lại tất cả mọi quyền tự do ấy. Mỗi điều khoản của hiến pháp đều chứa sẵn trong bản thân nó cái phản đề của bản thân nó, cái thượng viện và hạ viện của nó: tự do trong câu nói chung chung, và xóa bỏ tự do trong điều khoản kèm theo. Do đó, chừng nào *cái tên* tự do còn được tôn trọng và chỉ có việc thực hiện thật sự quyền tự do đó là bị cấm chỉ, - dĩ nhiên là bằng con đường luật pháp, - thì chừng ấy sự tồn tại của tự do trong hiến pháp vẫn nguyên vẹn, vẫn không bị đụng chạm đến, dầu cho sự tồn tại thực tế *thường ngày* của nó bị thủ tiêu triệt để như thế nào chăng nữa.

Nhưng bản hiến pháp đó, đã trở thành bất khả xâm phạm nhờ một cách thức tinh vi như thế, giống như thần A-si-lơ, vẫn có một chỗ dễ bị đả thương, chỉ có điều là nó không phải là ở gót chân, mà là ở trên đầu, hay nói cho đúng hơn, ở trên hai cái đầu kết thúc toàn bộ kiến trúc: *Quốc hội lập pháp* ở một bên, và bên kia là *tổng thống.* Cứ xem qua bản hiến pháp, là có thể sẽ thấy rằng chỉ ở những điều khoản ấn định những mối quan hệ giữa tổng

thống và Quốc hội lập pháp thì mới tuyệt đối, mang tính chất tích cực, không có mâu thuẫn, loại trừ mọi sự giải thích xuyên tạc. Vì rằng, đối với phái cộng hòa tư sản, vấn đề ở đây là phải tạo ra một vị trí chắc chắn cho bản thân họ. Các điều khoản 45 - 70 của hiến pháp đã được thảo ra sao cho Quốc hội có thể gạt bỏ được tổng thống bằng con đường hợp hiến, nhưng tổng thống lại chỉ có thể bãi bỏ Quốc hội bằng con đường không hợp hiến, bằng cách thủ tiêu luôn cả hiến pháp. Như thế là ở đây, bản thân hiến pháp lại đi thách thức thủ tiêu mình bằng bạo lực. Chẳng những nó thần thánh hóa chế độ phân quyền giống như bản hiến chương năm 1830, mà nó còn mở rộng chế độ phân quyền đến chỗ mâu thuẫn không sao chịu nổi. Cái *trò đánh bại giữa các quyền lực hiến pháp* - Ghi-dô đã gọi như vậy những cuộc phân tranh trong nghị viện giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp - theo bản hiến pháp năm 1848 thì bao giờ cũng chơi theo lối va banque[1*]. Một bên là 750 đại biểu nhân dân, do đầu phiếu phổ thông bầu ra và có quyền được tái cử, họp thành một Quốc hội không ai có quyền kiểm soát, không ai có thể giải tán, chia xẻ được, một Quốc hội có quyền lực lập pháp vô giới hạn, có quyền tối hậu quyết định trong việc tuyên chiến, ký hòa ước và thương ước, - duy nhất có quyền ân xá, và, do nó có những phiên họp đều đặn nên nó luôn luôn đứng ở phía trước vũ đài. Bên kia là tổng thống với tất cả những đặc tính của quyền lực nhà vua, với quyền bổ nhiệm và cách chức các bộ trưởng của mình mà không phụ thuộc vào Quốc hội, nắm trong tay tất cả mọi phương tiện của quyền hành pháp phân phối tất cả mọi chức vụ, và do đó nắm vận mệnh ít ra cũng hơn một triệu rưởi con người ở Pháp, vì đó chính là con số những người phụ thuộc về mặt vật chất vào 500000 quan lại và sĩ quan đủ các cấp. Tổng thống nắm quyền chỉ huy tất cả các lực lượng vũ trang trong nước. Ông có đặc quyền ân xá cho một số tội phạm cá biệt, đình chỉ hoạt động của các đơn vị cận vệ quốc gia, và với sự đồng ý của Hội đồng nhà nước, giải tán các hội đồng hàng

---

1* - dốc túi, thua được một keo.

tỉnh, hàng tổng, hội đồng trung ương do chính các công dân đã bầu ra. Tổng thống nắm quyền đề xướng và đóng vai trò lãnh đạo trong việc ký kết tất cả các hiệp ước với nước ngoài. Trong khi Quốc hội luôn luôn đứng trên diễn đài và trở thành đối tượng của sự phê phán hàng ngày của công chúng, thì tổng thống sống một cuộc đời kín đáo trong cung điện Ê-li-dê, nhưng thật ra thì lúc nào cũng thấy ám ảnh trước mắt và canh cánh bên lòng cái điều khoản 45 trong hiến pháp, ngày ngày nhắc nhở ông ta: "frère, il faut mourir!"[57]. Đến năm thứ tư nhiệm kỳ của anh, vào ngày chủ nhật thứ hai của cái tháng Năm tuyệt diệu, thì quyền lực của anh chấm dứt! Lúc đó, sự vĩ đại của anh sẽ kết thúc, màn kịch sẽ không tái diễn nữa, và nếu anh có nợ nần gì, thì anh cũng nên kịp thời lấy trong số 600000 phrăng tiền lương bổng mà hiến pháp đã quy định cho anh để thanh toán đi, nếu anh không muốn sang ngày thứ hai, tuần lễ thứ hai của cái tháng Năm tuyệt vời, anh sẽ phải lên đường đi Cli-si[58]! - Như vậy, nếu hiến pháp giao cho tổng thống quyền hành thực tế, thì nó lại cố gắng bảo đảm cho Quốc hội quyền lực tinh thần. Nhưng, chưa nói đến cái việc là không thể dùng các điều khoản của đạo luật để tạo ra một quyền lực tinh thần, ở đây bản hiến pháp lại còn tự mình phủ định mình một lần nữa khi nó quy định rằng tổng thống do toàn thể nhân dân Pháp bầu ra theo lối đầu phiếu trực tiếp. Trong khi các lá phiếu của nước Pháp phân tán ra cho 750 đại biểu Quốc hội, thì đằng này, trái lại, tất cả các lá phiếu đều tập trung vào *một* người duy nhất. Trong khi mỗi đại biểu nhân dân chỉ đại biểu cho một đảng phái, một thành phố, hay một địa điểm nào đó, hoặc thậm chí chỉ giản đơn đại biểu cho sự cần thiết phải bầu một trong số 750 đại biểu mà không cần đặc biệt chú ý đến thực chất của sự việc cũng như đến bản thân người được bầu, - thì *tổng thống* lại là người do cả nước bầu ra, và việc bầu tổng thống là con chủ bài lớn mà nhân dân có chủ quyền được bốn năm lại đưa ra một lần. Quốc hội được bầu ra chỉ gắn với quốc dân bằng một mối liên hệ siêu hình, nhưng tổng thống được bầu ra thì lại gắn với quốc dân bằng một mối liên hệ cá nhân. Quốc hội, thông qua

những thành viên khác nhau của nó quả là đại biểu cho các mặt nhiều vẻ của tinh thần quốc dân, nhưng chính tổng thống mới là hiện thân của tinh thần quốc dân ấy. So với Quốc hội, tổng thống có một thứ như là quyền lực thần thánh. Ông ta cầm quyền là do sự ân sủng của nhân dân.

Nữ hải thần Thê-tít đã tiên đoán cho A-si-lơ rằng chàng phải chết giữa tuổi thanh xuân. Bản hiến pháp, giống như A-si-lơ, cũng có một chỗ dễ bị đả thương và giống như A-si-lơ, cũng cảm thấy rằng thế nào nó cũng phải chết yểu. Từ trên trời mây u ám của nước cộng hòa lý tưởng của họ, những người cộng hòa thuần túy đang thành lập chế độ cộng hòa chỉ cần liếc mắt nhìn xuống phàm trần, cũng thấy được rằng họ càng gần hoàn thành cái công trình nghệ thuật lập pháp lớn lao của họ bao nhiêu, thì sự ngạo mạn của phái bảo hoàng, của phái Bô-na-pác-tơ, của những người dân chủ, của những người cộng sản, và sự mất uy tín của chính họ, lại ngày càng tăng lên bấy nhiêu; và vì vậy nữ thần Thê-tít chẳng cần phải từ giã biển khơi để tiết lộ thiên cơ với họ nữa. Họ toan đánh lừa định mệnh bằng cách dùng một mưu mẹo lập hiến, tức là dùng điều khoản 111 của hiến pháp, theo đó, mọi đề nghị *xét lại hiến pháp* đều phải được thảo luận trong ba phiên liên tiếp, mỗi phiên cách nhau một tháng, và phải được thông qua với ít nhất là ba phần tư số phiếu, hơn nữa, lại phải có ít nhất là 500 đại biểu Quốc hội tham gia bỏ phiếu. Đó chỉ là một mưu toan bất lực để đến khi xảy ra trường hợp mà họ đã tiên đoán tức là khi họ sẽ bị thiểu số trong Quốc hội, - thì sẽ đảm bảo cho mình cái quyền lực mà hiện nay, ngay trong lúc họ còn chiếm đa số trong Quốc hội và còn giữ được tất cả mọi phương tiện của quyền lực chính phủ, họ cũng đã thấy ngày càng tuột ra khỏi bàn tay yếu ớt của họ rồi.

Sau hết, trong một điều khoản đặc biệt lâm ly, bản hiến pháp tự phó thác mình cho "tinh thần cảnh giác và lòng yêu nước của toàn thể nhân dân Pháp và của mỗi người Pháp", sau khi ở một trong những điều khoản trước, nó đã phó thác những người Pháp

"có tinh thần cảnh giác" và "yêu nước" cho sự bảo trợ hình sự dịu dàng của "haute cour", tức của Tòa án tối cao, do nó dụng tâm lập ra vì mục đích ấy.

Bản hiến pháp 1848 là như thế đấy; nó đã bị lật đổ ngày 2 tháng Chạp 1851, không phải vì một cái đầu, mà chỉ vì một cái mũ đã khẽ chạm vào nó; thật thế, cái mũ đó chính là cái mũ ba góc của Na-pô-lê-ông.

Trong khi ở Quốc hội những người cộng hòa tư sản lo nặn ra, thảo luận và bỏ phiếu cho bản hiến pháp, thì ở ngoài Quốc hội, tướng Ca-ve-nhắc đặt *Pa-ri trong tình trạng giới nghiêm.* Tình trạng giới nghiêm ở Pa-ri đã là bà đỡ cho Quốc hội lập hiến trong những cơn đau đẻ của nó khi sinh ra nền cộng hòa. Nếu sau này hiến pháp bị đưa sang thế giới bên kia bằng lưỡi lê, thì chúng ta không được quên rằng người ta cũng đã dùng đến lưỡi lê - và cố nhiên là nhằm chống lại nhân dân, - để bảo vệ cho nó ngay khi nó còn ở trong bụng mẹ, và giúp nó ra đời. Tổ tiên của những "người cộng hòa chân thực" đã từng mang lá cờ tam tài, tượng trưng của hiến pháp, đi khắp châu Âu. Đến lượt mình, những “người cộng hòa chân thực" lại cũng có một phát minh tự tìm cho mình con đường đi khắp lục địa, nhưng nó lại quay trở về nước Pháp với một tình yêu luôn luôn say đắm, cho đến khi, giờ đây, nó có được quyền công dân trên một nửa số tỉnh ở Pháp. Phát minh đó, là *tình trạng giới nghiêm.* Một phát minh kỳ diệu, được áp dụng có tính chất chu kỳ trong mỗi cuộc khủng hoảng nối tiếp nhau xảy ra trong quá trình cách mạng Pháp. Nhưng nếu trại lính và nơi đóng quân mà gánh nặng cứ từng thời kỳ một lại đè lên xã hội Pháp, để trấn áp tư tưởng của nó và bắt nó phải đứng yên; nếu cứ từng thời kỳ một thanh gươm và khẩu súng lại được trao cho quyền xét xử và cai quản, bảo trợ và kiểm duyệt, làm nhiệm vụ của viên cảnh sát và người tuần canh; nếu cứ từng thời kỳ một bộ ria mép và bộ quân phục lại được ca tụng như là trí tuệ tuyệt đỉnh của xã hội, như là kẻ chi phối xã hội, - thế thì làm sao mà cái trại lính và nơi đóng quân, thanh gươm và khẩu súng, bộ ria mép và bộ quân phục kia rốt cuộc lại không đi đến kết

luận: ra tay một lần để cứu nguy vĩnh viễn cho xã hội, bằng cách tuyên bố lấy chế độ của mình làm chế độ tối cao, và giải phóng hoàn toàn xã hội tư sản khỏi phải chăm lo tự mình cai quản lấy mình, thì có hơn không. Cái trại lính và nơi đóng quân, thanh gươm và khẩu súng, bộ ria mép và bộ quân phục tất càng dễ đi đến cái ý nghĩ cho rằng trong trường hợp ấy, chúng có thể hy vọng được đền đáp hậu hĩ hơn về những công lao lớn hơn của chúng, còn nếu chỉ từng định kỳ tuyên bố thiết quân luật, chỉ cứu nguy xã hội trong từng lúc, theo mệnh lệnh của bộ phận này hay bộ phận kia trong giai cấp tư sản, thì họ chẳng thu được gì nhiều, ngoài một số người chết và bị thương và một vài nụ cười nhăn nhở của giai cấp tư sản. Vậy thì tại sao mà quân đội, rút cục lại không thử giới nghiêm để mưu lợi riêng cho họ và đồng thời bao vây luôn cả những két bạc của bọn tư sản? Vả lại, nhân tiện cũng nói qua để mọi người đừng quên rằng, *đại tá Béc-na,* chính viên chủ tịch ủy ban quân sự trước đây đã từng theo lệnh tướng Ca-ve-nhắc, đưa 15000 người khởi nghĩa đi đày mà không xét xử, thì bây giờ lại đứng đầu ủy ban quân sự hoạt động ở Pa-ri.

Nếu khi ban hành lệnh giới nghiêm ở Pa-ri, những người cộng hòa chân thực, tức là những người cộng hòa thuần túy, đã chuẩn bị cái vườn ươm để cho về sau này bọn vệ binh của ngày 2 tháng Chạp 1851 lớn mạnh lên, thì ngược lại, họ lại có một loại công lao khác; không thừa nhận rằng, đáng lẽ họ phải hun đúc tinh thần quốc gia như họ đã từng làm dưới thời Lu-i - Phi-líp, thì giờ đây, khi đã nắm được sức mạnh của quốc gia rồi, họ lại cúi rạp mình trước các cường quốc nước ngoài, và đáng lẽ phải giải phóng nước I-ta-li-a, thì họ lại để cho quân Áo và quân Na-plơ[59] chinh phục nước này một lần nữa. Việc Lu-i Bô-na-pác-tơ trúng cử tổng thống ngày 10 tháng Chạp 1848 đã chấm dứt nền độc tài của tướng Ca-ve-nhắc và chấm dứt cả Quốc hội lập hiến.

Điều khoản 44 của hiến pháp có nói rằng: "Tổng thống Cộng hòa Pháp phải là người chưa từng bị mất tư cách công dân Pháp". Ấy vậy mà tổng thống đầu tiên của Cộng hòa Pháp, Lu-i - Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ không những đã mất tư cách công dân Pháp, chẳng

đã từng làm cảnh sát tình nguyện ở nước Anh, mà thậm chí còn nhập quốc tịch Thụy Sỹ nữa[60].

Ở một chỗ khác, tôi đã nói rõ tầm quan trọng của cuộc tuyển cử ngày 10 tháng Chạp[61]. Vậy tôi không nhắc lại điều đó nữa. Ở đây chỉ cần chú ý rằng cuộc tuyển cử ấy là một *sự phản ứng của nông dân,* những người đã phải gánh lấy những phí tổn của cuộc cách mạng tháng Hai chống lại tất cả các giai cấp khác trong nước, đó là một *sự phản ứng của nông thôn chống lại thành thị.* Cuộc tuyển cử này được quân đội hết sức hoan nghênh, mà những người cộng hòa của tờ "National" đã không mang lại cho quân đội này một chút vinh quang nào, đã không tăng được cho họ một đồng lương nào; nó được giai cấp đại tư sản hết sức hoan nghênh, giai cấp này đã chào mừng Bô-na-pác-tơ như là cái cầu dẫn họ đến chế độ quân chủ; nó cũng được những người vô sản và tiểu tư sản hết sức hoan nghênh, vì họ coi Bô-na-pác-tơ là sự trừng trị đối với tướng Ca-ve-nhắc. Sau này, tôi sẽ có dịp nghiên cứu kỹ hơn thái độ của nông dân đối với cách mạng Pháp.

Thời kỳ từ 20 tháng Chạp 1848 cho đến lúc Quốc hội lập hiến bị giải tán vào tháng Năm 1849 là thời kỳ bao quát lịch sử thất bại của những người cộng hòa tư sản. Sau khi họ đã xây dựng lên một nền cộng hòa cho giai cấp tư sản, đã đuổi giai cấp vô sản cách mạng ra khỏi vũ đài, và đã bắt buộc giai cấp tiểu tư sản dân chủ phải tạm thời im tiếng, thì chính những người cộng hòa tư sản ấy lại bị cả cái khối đông giai cấp tư sản loại trừ ra, - khối đông này có đầy đủ quyền chiếm lấy nền cộng hòa ấy làm *tài sản riêng của mình.* Nhưng cái khối quần chúng tư sản này lại có xu hướng *bảo hoàng.* Một bộ phận quần chúng tư sản đó là những tên đại địa chủ đã từng thống trị dưới thời *phục tích* và vì vậy họ thuộc phái *chính thống.* Còn một bộ phận khác, tức là bọn quý tộc tài chính và bọn chủ công nghiệp lớn, thì đã từng thống trị dưới thời Quân chủ tháng Bảy, bởi vậy họ theo phái *Oóc-lê-ăng.* Những quan chức cao cấp trong quân đội, trong trường đại học, trong nhà thờ, trong giới luật sư, trong viện hàn lâm và

trong giới báo chí đều phân ra theo hai phái ấy, tùy theo những tỷ lệ khác nhau. Cả hai bộ phận ấy của giai cấp tư sản đều coi nền cộng hòa tư sản không mang cái tên *Buốc-bông,* cũng không mang cái tên *Oóc-lê-ăng,* mà lại mang cái tên *Tư bản,* là hình thức nhà nước mà trong đó họ đều có thể *cùng chung* thống trị được. Cuộc khởi nghĩa tháng Sáu đã thống nhất họ lại thành "đảng trật tự". Bây giờ đã đến lúc phải loại trừ cái tập đoàn cộng hòa tư sản đang còn chiếm giữ vị trí ở trong Quốc hội đi. Trước kia những người cộng hòa thuần túy ấy tỏ ra tàn bạo bao nhiêu trong việc lạm dụng bạo lực chống lại nhân dân, thì giờ đây, khi cần phải bảo vệ lý tưởng cộng hòa của mình và quyền lập pháp của mình chống lại quyền hành pháp và bọn bảo hoàng, thì họ lại thụt lùi và tỏ ra hèn nhát, rụt rè, bạc nhược, bất lực, không có năng lực chiến đấu bấy nhiêu. Ở đây tôi không kể lại làm gì lịch sử thảm hại của sự tan rã của họ. Đó là một sự biến mất, chứ không phải là một sự diệt vong. Họ đã đóng xong vĩnh viễn vai trò của họ, và trong thời kỳ sau đó, ở trong hay ở ngoài Quốc hội, họ chỉ còn là những chiếc bóng của quá khứ, - những chiếc bóng hình như có vẻ sống lại khi người ta lại nói đến cái tên cộng hòa và mỗi khi cuộc xung đột cách mạng có cơ sắp xẹp xuống mức thấp nhất. Nhân tiện tôi xin nhắc qua rằng tờ báo "National" mà cái tên đã được dùng để mệnh danh cho đảng đó, thì trong thời kỳ tiếp đó đã ngả sang phía chủ nghĩa xã hội.

Trước khi từ biệt thời kỳ này, chúng ta còn cần phải nhìn lại hai thế lực đã sống với nhau trong mối quan hệ vợ chồng từ ngày 20 tháng Chạp 1848 cho đến khi Quốc hội lập hiến bị giải tán, nhưng đến ngày 2 tháng Chạp 1851 thì thế lực nọ lại tiêu diệt thế lực kia. Chúng tôi muốn nói đến một bên là Lu-i Bô-na-pác-tơ, và một bên là phe những người bảo hoàng liên minh, tức là đảng trật tự, đảng của giai cấp đại tư sản. Khi bắt đầu nhận chức tổng thống, Bô-na-pác-tơ liền lập ngay một nội các thuộc đảng trật tự, đứng đầu nội các này là Ô-đi-lông Ba-rô-xin chú ý là Ô-đi-lông Ba-rô, nguyên thủ lĩnh bộ phận có xu hướng tự do chủ nghĩa nhất của giai cấp tư sản nghị trường. Thế là rốt cuộc, ông Ba-rô đã

tóm được cái ghế nội các đã ám ảnh hắn như một bóng ma từ hồi năm 1830, và hơn nữa, y lại còn tóm được cái ghế thủ tướng nội các đó, nhưng hắn đạt được điều đó không phải với tư cách là thủ lĩnh cấp tiến nhất của phe đối lập trong nghị viện như hắn đã từng mơ ước hồi còn ở dưới thời Lu-i - Phi-líp, mà với tư cách là đồng minh của những kẻ tử thù của hắn trước kia, tức là bọn dòng Tên và bọn bảo hoàng chính thống, và với nhiệm vụ giết chết một nghị viện. Cuối cùng, Ba-rô cũng đã dắt được cô vợ chưa cưới về nhà, nhưng chỉ sau khi cô ta đã bị thất trinh. Còn bản thân Bô-na-pác-tơ thì dường như hoàn toàn giấu mặt. Đã có phe trật tự hành động thay cho hắn.

Ngay trong phiên họp đầu tiên của hội đồng bộ trưởng, người ta đã quyết định cử một đội quân viễn chinh đến La Mã, nhưng người ta lại làm việc đó ở đằng sau lưng Quốc hội, và viện những lý do dối trá để bắt Quốc hội phải cấp kinh phí. Như thế là nội các đã mở đầu hoạt động của mình bằng việc lừa gạt Quốc hội và bí mật âm mưu với các cường quốc quân chủ chuyên chế khác chống lại nước Cộng hòa cách mạng La Mã. Chính cũng bằng cách ấy và cũng với những thủ đoạn ấy, Bô-na-pác-tơ đã chuẩn bị cuộc chính biến của hắn ngày 2 tháng Chạp chống lại cái Quốc hội lập pháp bảo hoàng và chế độ cộng hòa lập hiến của nó. Chúng ta chớ nên quên rằng chính cái đảng đã đứng ra lập nội các Bô-na-pác-tơ ngày 20 tháng Chạp 1848, là đảng chiếm đa số trong Quốc hội lập pháp vào ngày 2 tháng Chạp 1851.

Trong tháng Tám, Quốc hội lập hiến đã quyết định chỉ tự giải tán sau khi đã thảo xong và ban bố cả một loạt những đạo luật tổ chức nhằm bổ sung cho bản hiến pháp. Ngày 6 tháng Giêng 1849, đảng trật tự, thông qua đại biểu của mình là Ra-tô, đã đề nghị với Quốc hội hãy để yên các đạo luật tổ chức và quyết định *tự giải tán* thì tốt hơn. Chẳng những nội các do ông Ô-đi-lông Ba-rô cầm đầu, mà tất cả các đại biểu bảo hoàng trong Quốc hội giờ đây đều nói với Quốc hội bằng một giọng ra lệnh rằng việc giải tán Quốc hội là cần thiết để phục hồi sự tín nhiệm, để củng

cố trật tự, để chấm dứt tình trạng tạm bợ hiện thời và tạo ra một cái gì dứt khoát; rằng Quốc hội gây trở ngại cho công việc có hiệu quả của chính phủ mới, rằng nó muốn kéo dài sự tồn tại của nó chỉ vì ngoan cố, rằng cả nước đều đã chán ngấy Quốc hội lắm rồi. Bô-na-pác-tơ ghi nhớ cẩn thận tất cả những lời đả kích đó đối với quyền lập pháp và học thuộc lòng những lời ấy, rồi đến ngày 2 tháng Chạp l851, hắn chứng tỏ cho bọn bảo hoàng trong nghị viện biết rằng hắn đã học được một cái gì đó của chúng. Bô-na-pác-tơ đã dùng chính ngay những khẩu hiệu của bọn bảo hoàng để đập lại bọn bảo hoàng.

Nội các Ba-rô và đảng trật tự còn đi xa hơn nữa. Họ xúi giục nhân dân khắp nước Pháp gửi những *thư thỉnh nguyện lên Quốc hội,* yêu cầu một cách rất thân ái Quốc hội nên tự giải tán đi. Như thế là họ đã dẫn đám quần chúng vô tổ chức xông vào trận đánh chống lại Quốc hội, tức là chống lại biểu hiện có tổ chức đó của ý dân theo đúng hiến pháp. Họ đã dạy cho Bô-na-pác-tơ biết cách kêu gọi nhân dân chống lại các viện. Cuối cùng, ngày 29 tháng Giêng l849 đã đến, ngày mà Quốc hội lập hiến phải quyết định vấn đề tự giải tán. Trụ sở Quốc hội bị quân đội chiếm đóng; tướng Săng-gác-ni-ê, thuộc đảng trật tự, người nắm cả trong tay quyền tổng chỉ huy đội cận vệ quốc gia lẫn quân đội thường trực, đi duyệt nhiều đạo quân ở Pa-ri làm như sắp có một cuộc đánh nhau đến nơi, còn bọn bảo hoàng hợp nhất thì đe dọa là sẽ dùng đến vũ lực nếu Quốc hội lập hiến không tỏ ra ngoan ngoãn. Quốc hội đã tỏ ra ngoan ngoãn, và chỉ cò kè xin sống thêm một thời gian ngắn ngủi nữa thôi. Ngày 29 tháng Giêng là gì, nếu không phải coup d'état[1*] ngày 2 tháng Chạp 1851, chỉ có điều là do bọn bảo hoàng liên minh với Bô-na-pác-tơ thực hiện, để chống lại Quốc hội cộng hòa? Các ngài bảo hoàng đã không nhận thấy hay không muốn nhận thấy rằng Bô-na-pác-tơ đã lợi dụng ngày 29 tháng Giêng 1849 để bắt một bộ phận quân đội diễu qua trước mặt hắn tại điện Tuyn-lơ-ri, rằng hắn đã khao khát nắm lấy việc công khai

1* - cuộc đảo chính

sử dụng đến lực lượng quân đội lần đầu tiên đó nhằm chống lại quyền lực của nghị viện, để báo trước cho họ về cái điểm Ca-li-gu-la[62] xuất thế. Lẽ dĩ nhiên, các ngài bảo hoàng lúc đó chỉ thấy có Săng-gác-ni-ê của họ mà thôi.

Một trong những lý do đặc biệt thúc đẩy đảng trật tự dùng vũ lực để rút ngắn cuộc đời của Quốc hội lập hiến là những đạo luật *tổ chức* bổ sung cho bản hiến pháp - đạo luật về giáo dục, đạo luật về tín ngưỡng, v.v.. Điều cực kỳ quan trọng đối với bọn bảo hoàng hợp nhất là tự mình soạn ra những đạo luật ấy, chứ không để cho những người cộng hòa đã trở thành đa nghi ban hành những đạo luật đó. Vả lại, trong các đạo luật tổ chức ấy, có một đạo luật nói về trách nhiệm của tổng thống nước cộng hòa. Năm 1851, chính giữa lúc Quốc hội lập pháp đang lo thảo ra đạo luật ấy, thì Bô-na-pác-tơ đã tiến hành cái coup[1*] ngày 2 tháng Chạp của mình để ngăn ngừa coup đó. Trong thời gian chiến dịch mùa đông năm 1851 của họ ở nghị viện có cái gì mà bọn bảo hoàng hợp nhất lại không đem ra đổi lấy để có sẵn được một đạo luật về trách nhiệm của tổng thống, dù cho đạo luật ấy do một Quốc hội thuộc phái cộng hòa có thái độ nghi kỵ, thù địch soạn ra chăng nữa!

Ngày 29 tháng Giêng 1849, sau khi Quốc hội lập hiến đã tự mình bẻ gãy cái vũ khí cuối cùng của mình, thì nội các Ba-rô và những người bạn của trật tự đã dồn Quốc hội vào thế cùng; họ không bỏ qua một cơ hội nào để làm nhục Quốc hội, và buộc cái Quốc hội cùng đường và tuyệt vọng phải thông qua những đạo luật khiến cho nó mất nốt uy tín cuối cùng còn sót lại của nó trong nhân dân. Bô-na-pác-tơ bị ám ảnh bởi cái tư tưởng Na-pô-lê-ông của hắn, đã có đủ can đảm để công khai lợi dụng bước thất thế đó của quyền lực đại nghị. Cụ thể là, ngày 8 tháng Năm 1849, khi Quốc hội bỏ phiếu khiển trách nội các về việc tướng U-đi-nô chiếm Si-vi-ta Vê-ki-a, và ra lệnh phải đưa cuộc viễn chinh ở La Mã quay trở lại cái mục đích đã quy định cho nó[63], thì ngay tối

1* - đòn, hành động kiên quyết

hôm đó, Bô-na-pác-tơ công bố trên tờ "Moniteur" một bức thư gửi cho U-đi-nô, khen ngợi viên tướng này về những chiến công anh hùng của hắn, và trái ngược với bọn nghị sĩ chuyên vẽ vời trên giấy, hắn đã làm ra vẻ mình là kẻ bảo trợ hào hiệp của quân đội. Bọn bảo hoàng đã chế giễu việc đó; họ tin rằng Bô-na-pác-tơ đã mắc mưu họ. Cuối cùng, khi Ma-ra-xtơ, chủ tịch Quốc hội lập hiến trong một lúc nào đó cảm thấy sự an toàn của Quốc hội bị đe dọa, đã dựa vào hiến pháp để ra lệnh điều động một đại tá cùng với trung đoàn của y đến bảo vệ cho Quốc hội, thì viên đại tá này từ chối bằng cách viện vào kỷ luật quân đội và đề nghị Ma-ra-xtơ đến gặp Săng-gác-ni-ê, tướng Săng-gác-ni-ê khước từ lệnh của Ma-ra-xtơ và nhận xét một cách mỉa mai rằng ông ta không thích những baionnettes intelligentes[1*]. Tháng Mười một 1851, khi bọn bảo hoàng liên minh chuẩn bị mở đầu một trận sống mái với Bô-na-pác-tơ, thì trong *bản dự luật nổi tiếng của các chủ nhân văn phòng Quốc hội*[64] của họ, họ mưu toan làm cho Quốc hội thông qua nguyên tắc chủ tịch Quốc hội có quyền trực tiếp điều động quân đội. Một viên tướng của họ là Lơ Phlô đã ký vào bản dự luật đó. Nhưng Săng-gác-ni-ê đã uổng công bỏ phiếu tán thành dự luật đó, và Chi-e đã uổng công tán dương sự khôn ngoan thận trọng của Quốc hội lập hiến cũ. *Xanh Ác-nô, Bộ trưởng chiến tranh* đã trả lời hắn cũng giống như trước kia Săng-gác-ni-ê đã trả lời Ma-ra-xtơ và câu trả lời đó đã được phái Núi vỗ tay tán thành!

Bản thân *đảng trật tự,* khi nó chỉ mới là nội các thôi chứ chưa phải là Quốc hội, đã làm sỉ nhục *chế độ đại nghị* như thế đó, và nó đã gào thét lên, khi cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 trục xuất chế độ đó ra khỏi nước Pháp;

Chúng ta chúc cho nó thượng lộ bình an!

1* - những lưỡi lê biết suy nghĩ

III

Quốc hội lập pháp họp ngày 28 tháng Năm 1849. Nó bị giải tán ngày 2 tháng Chạp 1851. Thời kỳ này là thời kỳ *cộng hòa lập hiến hay cộng hòa đại nghị.*

Trong cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất, sau sự thống trị *của đảng lập hiến* là sự thống trị của *phái Gi-rông-đanh,* và sau sự thống trị của *phái Gi-rông-đanh* là sự thống trị của *phái Gia-cô-banh.* Mỗi đảng trên đều dựa vào đảng tiến bộ hơn. Một khi mỗi đảng trong các đảng đó đã đẩy cách mạng đi khá xa khiến nó không thể theo kịp cách mạng nữa, - chứ đừng nói gì lãnh đạo cách mạng, - thì liền bị bạn đồng minh dũng cảm hơn đi sau nó loại bỏ và đưa lên máy chém. Như vậy, cách mạng vận động theo một con đường đi lên.

Trong cuộc cách mạng 1848, tình hình xảy ra ngược lại. Đảng vô sản hồi này chỉ là một vật phụ thuộc của đảng dân chủ tiểu tư sản. Đảng dân chủ tiểu tư sản đã phản bội nó và đẩy nó tới chỗ thất bại ngày 16 tháng Tư, ngày 15 tháng Năm và trong những ngày tháng Sáu. Đảng dân chủ, đến lượt mình, lại dựa vào vai đảng cộng hòa tư sản. Đảng cộng hòa tư sản mới vừa cảm thấy đứng vững được, thì đã vội từ bỏ người bạn đường phiền nhiễu của mình và tự mình dựa vào đảng trật tự. Đảng trật tự nghiêng vai hất đổ đảng cộng hòa tư sản và bản thân vội vàng ngồi lên

lực lượng vũ trang, đảng trật tự cứ tưởng là mình vẫn ngồi trên vai lực lượng ấy, cho đến một buổi sáng kia, nó mới nhận ra rằng những cái vai đó đã biến thành những lưỡi lê. Mỗi đảng đều đá hậu cái đảng muốn đẩy mình lên phía trước, đồng thời lại dựa vào lưng cái đảng đẩy lùi mình lại đằng sau. Không lấy gì làm lạ rằng, ở vào thế buồn cười như vậy thì mỗi đảng đều mất thăng bằng và đổ lăn kềnh ra, co giật nhăn nhó và làm những động tác kỳ lạ. Như vậy là cách mạng vận động theo một con đường đi xuống. Nó đã rơi vào sự vận động thụt lùi đó ngay cả trước khi chiến lũy cuối cùng của cuộc cách mạng tháng Hai bị dẹp đi và ngay cả trước lúc chính quyền cách mạng đầu tiên được thành lập.

Thời kỳ mà chúng ta đang nghiên cứu bao hàm một sự trộn lẫn hỗn tạp nhất những mâu thuẫn nổi bật: trước mắt chúng ta là phái lập hiến, nhưng lại công khai mưu đồ chống lại hiến pháp, phái cách mạng nhưng lại công khai tự nhận mình là những người ủng hộ những hành động lập hiến, một Quốc hội muốn có quyền lực vô hạn nhưng vẫn luôn luôn hành động trong khuôn khổ đại nghị; phái Núi, nhưng lại coi sứ mệnh của mình là nhẫn nại, và tự an ủi về những thất bại hiện tại của mình bằng cách tiên đoán thắng lợi trong tương lai; những người bảo hoàng, nhưng lại đóng vai những patres conscripti[1*] của chế độ cộng hòa, do vì tình thế bắt buộc phải duy trì ở nước ngoài những triều đình cừu địch nhau mà họ ủng hộ, và phải duy trì ở nước Pháp chế độ cộng hòa mà họ căm ghét; một quyền hành pháp coi sức mạnh của mình là ở trong sự hèn yếu của mình, và coi uy tín của mình nằm trong sự khinh miệt do mình gây ra, một chế độ cộng hòa, nhưng thực ra chỉ là sự kết hợp của những mặt đê tiện nhất của hai nền quân chủ - thời phục tích và nền Quân chủ tháng Bảy - với một nhãn hiệu đế chế, những cuộc liên minh mà cơ sở là sự chia rẽ; những cuộc đấu tranh mà luật lệ cơ bản là không đấu tranh đến cùng; một sự cổ động không có nội dung - nhân danh sự yên tĩnh; một sự tuyên truyền hết sức trịnh trọng cho sự yên tĩnh - nhân danh

1* - nguyên lão nghị viên thời cổ La Mã

cách mạng; những nhiệt tình không có chân lý; những chân lý không có nhiệt tình; những anh hùng không có chiến công; lịch sử không có sự biến; một sự phát triển mà động lực duy nhất hình như chỉ là cuốn lịch, gây mệt mỏi do lắp đi lắp lại một cách buồn tẻ cũng những trạng thái căng thẳng và hòa dịu ấy; những mâu thuẫn từng chu kỳ một đạt tới điểm cao nhất, nhưng hình như chỉ là để yếu dần đi và tự thủ tiêu mà không được giải quyết; những nỗ lực được đem ra phô trương một cách hợm hĩnh và nỗi lo sợ tiểu thị dân trước ngày tận thế, trong khi những vị cứu thế lại mải mê với những mưu kế nhỏ nhen nhất và những trò hề trong cung đình, mà với sự vô tư của mình làm cho người ta nghĩ tới thời kỳ Phrông-đơ hơn là nghĩ tới ngày phán xét cuối cùng; toàn bộ thiên tài chính thức của cả nước Pháp bị làm nhục bởi sự ngu ngốc xảo quyệt của một cá nhân; ý chí chung của dân tộc cứ mỗi khi thể hiện trong đầu phiếu phổ thông thì lại tìm cho mình một biểu hiện thích đáng trong những kẻ thù ngoan cố đối với lợi ích của quần chúng, cho đến khi, cuối cùng, nó tìm được biểu hiện ấy trong sự tùy tiện của một tên cướp biển. Nếu có một thời lịch sử nào đó được mô tả bằng những mầu xám xịt, thì đó là thời kỳ này. Người và sự biến hiện ra y như những anh chàng Slê-mi-lơ lộn ngược, y như những cái bóng đã mất hình[65]. Bản thân cách mạng lại làm tê liệt những đại biểu của chính nó, và chỉ đem lại bạo lực hăng say cho những kẻ thù của nó mà thôi. Nếu cái "bóng ma đỏ" mà lâu nay bọn phản cách mạng không ngớt gọi lên và cầu khẩn, cuối cùng đã hiện về, thì nó hiện về không phải với cái mũ phri-gi vô chính phủ ở trên đầu, mà lại mặc bộ đồng phục của trật tự, mặc *quần đỏ.*

Như chúng ta đã thấy: nội các do Bô-na-pác-tơ thành lập ngày 20 tháng Chạp 1848, ngày hắn thăng thiên là một nội các của đảng trật tự, nội các liên minh của phái bảo hoàng chính thống và bảo hoàng Oóc-lê-ăng. Nội các Ba-rô Phan-lu ấy - đã rút ngắn cuộc đời của Quốc hội lập hiến cộng hòa ít nhiều bằng bạo lực - vẫn còn sống sót và vẫn còn nắm chính quyền. Săng-gác-ni-ê, viên tướng của bọn bảo hoàng liên minh, vẫn tập trung trong tay mình

quyền tổng chỉ huy sư đoàn 1 và đội cận vệ quốc gia Pa-ri. Sau hết, cuộc tổng tuyển cử đã đảm bảo cho đảng trật tự chiếm được đa số lớn trong Quốc hội lập pháp. Tại đây, các nghị sĩ và các vị quý tộc của Lu-i-Phi-líp đã gặp một đạo quân thần thánh của phái chính thống, đối với bọn này thì vô số những lá phiếu bầu cử của quốc dân đã biến thành những giấy vào cửa để bước lên vũ đài chính trị. Số nghị sĩ thuộc cánh Bô-na-pác-tơ thì quá ít nên không thể lập thành một đảng độc lập ở nghị viện được. Bọn họ chỉ là Mauvaise queue[1*] của đảng trật tự mà thôi. Như vậy, là đảng trật tự đã nắm được quyền lực chính phủ, quân đội và cơ quan lập pháp - tóm lại là nắm được trong tay toàn bộ quyền lực nhà nước, quyền lực này được củng cố về mặt tinh thần bởi một cuộc tổng tuyển cử làm như thể sự thống trị của phe trật tự là biểu hiện của ý chí toàn dân, và bởi sự thắng lợi đồng thời của thế lực phản cách mạng trên toàn lục địa châu Âu.

Chưa bao giờ có một chính đảng bắt đầu cuộc vận động với những phương tiện mạnh mẽ hơn thế, và với những điềm lành hơn thế cả.

Trong số *những người cộng hòa thuần túy* bị đắm thuyền, tại Quốc hội lập pháp chỉ còn sống sót có một tập đoàn chừng năm chục người, đứng đầu là các tướng đã từng ở châu Phi: Ca-ve-nhắc, La-mô-ri-xi-e, Bê-đô. Nhưng đảng đối lập lớn nhất là *phái Núi*. Phái Núi là tên hiệu của đảng *dân chủ - xã hội* ở Quốc hội. Trong số 750 ghế ở Quốc hội, đảng này chiếm hơn 200 ghế và vì vậy ít ra nó cũng mạnh bằng bất cứ một phái nào trong ba phái của đảng trật tự tách riêng ra. Sự thiểu số tương đối của đảng dân chủ - xã hội so với toàn thể khối liên minh bảo hoàng hình như đã được cân bằng lại bởi nhiều hoàn cảnh đặc biệt. Chẳng riêng gì các cuộc tuyển cử ở tỉnh chứng tỏ rằng đảng này có một số đông người ủng hộ trong dân cư ở nông thôn. Hầu hết các nghị sĩ ở Pa-ri cũng đều ở trong hàng ngũ của nó; thông qua việc bầu ba hạ sĩ quan, quân đội đã biểu thị xu hướng dân chủ của họ, còn

1* - cái đuôi thảm hại

Lơ-đruy-Rô-lanh, thủ lĩnh phái Núi, - khác với tất cả các đại biểu của đảng trật tự - thì đã được đưa lên cái chức vị cao quý là nghị viên Quốc hội do 5 tỉnh đã bỏ phiếu cho ông ta. Như vậy, ngày 28 tháng Năm 1849, với những sự xung đột không thể tránh khỏi giữa các phần tử bảo hoàng với nhau, cũng như giữa toàn thể đảng trật tự với Bô-na-pác-tơ, phái Núi hình như đã có được mọi yếu tố thành công. Thế nhưng, hai tuần sau, nó đã mất hết, kể cả danh dự nữa.

Trước khi trình bày tiếp lịch sử chế độ đại nghị, chúng ta cần phải nêu vài nhận xét để tránh khỏi những sai lầm thường hay phạm phải trong việc đánh giá tính chất chung của thời kỳ mà chúng ta đang nghiên cứu. Theo quan điểm của phái dân chủ, thì trong thời kỳ Quốc hội lập pháp, cũng như trong thời kỳ Quốc hội lập hiến, vấn đề chỉ là cuộc đấu tranh giữa phe cộng hòa và phe bảo hoàng. Còn bản thân phong trào ấy thì phái dân chủ tóm tắt bằng một từ: *"bọn phản động"* - đêm tối, lúc đó con mèo nào cũng xám và phái dân chủ có thể dễ dàng thốt ra những sáo ngữ tầm thường xứng đáng là của bọn tuần canh ban đêm. Dĩ nhiên, mới thoạt nhìn thì đảng trật tự có vẻ như là một đám hổ lốn các phái bảo hoàng khác nhau, chúng chẳng những bầy mưu lập kế chống đối lẫn nhau, để đưa dòng vua của mình lên ngai vàng và gạt bỏ dòng vua của phía đối địch, mà tất cả còn liên kết nhau lại trong một mối căm thù chung đối với "chế độ cộng hòa" và trong cuộc tấn công chung chống chế độ này. Ngược lại với âm mưu đó của các phái bảo hoàng, phái Núi, về phía mình, lại có vẻ như là kẻ bảo vệ "chế độ cộng hòa". Đảng trật tự hình như lúc nào cũng mải lo công việc "phản động" - giống hệt như ở Phổ - nhằm chống lại báo chí, chống lại các hội, v.v. và - điều này cũng lại giống hệt như ở Phổ - được thực hiện dưới dạng một sự can thiệp thô bạo có tính chất cảnh sát của bộ máy quan liêu, của hiến binh và của tòa án. Phái "Núi", về phía mình, cũng mải lo đánh lui những sự tấn công ấy, mải lo bảo vệ những "quyền vĩnh cửu của con người", giống như mọi đảng gọi là đảng nhân dân ít nhiều đã từng làm trong vòng một thế kỷ rưỡi nay. Nhưng nếu phân tích tình

hình và các đảng phái kỹ hơn thì cái vẻ bề ngoài đang che đậy cuộc *đấu tranh giai cấp* và cái diện mạo đặc biệt của thời kỳ này, sẽ biến mất.

Như đã nói, phái bảo hoàng chính thống và phái bảo hoàng Oóc-lê-ăng là hai phái lớn trong đảng trật tự. Vậy thì cái gì đã gắn các phái ấy với những người có tham vọng lên ngôi báu và đã chia rẽ họ với nhau ? Phải chăng đó chỉ là những bông hoa huệ và lá cờ tam tài, là họ Buốc-bông và họ Oóc-lê-ăng, những màu sắc khác nhau của phái bảo hoàng là cái tín ngưỡng bảo hoàng nói chung? Dưới thời Buốc-bông thì *chế độ sở hữu ruộng đất lớn* đã thống trị với những giáo sĩ và những tôi tớ của nó; dưới thời Oóc-lê-ăng, thì bọn quý tộc tài chính, đại công nghiệp, đại thương nghiệp, nghĩa là *tư bản,* đã thống trị với đoàn tùy tòng của nó gồm những luật sư, giáo sư và những tay ăn nói giỏi. Nền quân chủ chính thống chẳng qua chỉ là biểu hiện chính trị của nền thống trị thế tập của những người sở hữu ruộng đất, cũng như nền Quân chủ tháng Bảy chỉ là biểu hiện chính trị của sự thống trị tiếm đoạt của bọn tư sản mới phất. Như vậy, những phái đó chia rẽ nhau hoàn toàn không phải do những cái gọi là nguyên tắc, mà là do những điều kiện tồn tại vật chất của họ, do hai loại sở hữu khác nhau, chúng bị chia rẽ bởi sự đối lập lâu đời giữa thành thị và nông thôn, bởi sự cạnh tranh giữa tư bản và sở hữu ruộng đất. Đồng thời còn có những hồi ức cũ, những tư thù tư oán, những lo âu và hy vọng, những thiên kiến và ảo tưởng, những thiện cảm và ác cảm, những tín niệm, tín điều và những nguyên tắc, đã gắn bó với họ với dòng vua này hay dòng vua kia, - điều đó có ai chối cãi đâu? Cả một kiến trúc thượng tầng những cảm giác, những ảo tưởng, những lối suy nghĩ và quan niệm sống khác nhau và độc đáo đã mọc lên trên những hình thức sở hữu khác nhau, trên các điều kiện sinh hoạt xã hội. Toàn thể giai cấp tạo ra và hình thành nên tất cả những cái đó trên cơ sở những điều kiện vật chất của mình và trên những quan hệ xã hội tương ứng. Một cá nhân, qua truyền thống hoặc do giáo dục mà tiếp thu được

những tình cảm và quan điểm ấy, có thể tưởng tượng rằng những cái ấy là những động cơ thực sự và là xuất phát điểm của sự hoạt động của mình. Nếu trước kia phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống, mỗi phái ra sức tự thuyết phục mình và những người khác rằng sở dĩ họ chia rẽ nhau chính là vì họ gắn bó với hai dòng vua khác nhau, thì về sau, các sự kiện đã chứng minh rằng, ngược lại, sự đối lập về lợi ích của họ đã khiến cho hai dòng vua không thể hợp nhất được với nhau. Cũng giống như trong đời sống thường ngày, người ta phân biệt những điều mà một người nào đó nói hay nghĩ về mình với nhân cách thực sự và việc làm thực sự của người đó, trong những cuộc đấu tranh lịch sử, người ta lại càng phải phân biệt những câu nói và những ảo tưởng của các đảng phái với cấu tạo thực sự của họ và những lợi ích thực sự của họ, phân biệt quan niệm của họ về bản thân họ và bản chất thực tế của họ. Trong chế độ cộng hòa, hai phái Oóc-lê-ăng và chính thống cùng đứng bên nhau, và có những tham vọng như nhau. Nếu mỗi phái đều có ý định *lập lại* triều đại *riêng* của mình đối lập với phái bảo hoàng kia, thì điều đó cũng chỉ có nghĩa là *hai lợi ích lớn* mà *giai cấp tư sản* đã phân thành - sở hữu ruộng đất và tư bản - lợi ích nào cũng cố sức tái lập ưu thế thống trị của mình và bắt lợi ích kia phải phục tùng. Chúng tôi nói hai phái tư sản, bởi vì sở hữu ruộng đất lớn, mặc dầu cái kiểu làm đỏm phong kiến của nó và sự kiêu hãnh về huyết thống của nó, cũng đã hoàn toàn tư sản hóa, do ảnh hưởng sự phát triển của xã hội hiện đại. Ví dụ, ở nước Anh phái bảo thủ từ lâu vẫn cứ tưởng mình là những người nhiệt tình gắn bó với nhà vua, giáo hội và những điều tốt đẹp của hiến pháp cổ của nước Anh, mãi cho đến cái ngày mà sự nguy hiểm buộc họ phải thú nhận rằng, họ chỉ là những người có nhiệt tình gắn bó với *địa tô* mà thôi.

Bọn bảo hoàng liên minh âm mưu chống nhau trên báo chí, ở Em-xơ, ở Clê-môn-tơ[66], bên ngoài nghị viện. Ở đằng sau sân khấu, chúng lại mặc lại bộ chế phục bảo hoàng Oóc-lê-ăng và chính thống cổ của chúng và phục hồi lại những trận đấu cổ của chúng. Nhưng

trên sân khấu công cộng, trong những hành động chủ yếu, có tầm quan trọng nhà nước của chúng, với tư cách là chính đảng lớn ở nghị trường, thì chúng đánh tháo khỏi các triều đại của mình chỉ bằng những cái chào cung kính và hoãn việc phục hồi nền quân chủ lại in infinitum[1*]. Chúng làm những công việc thực sự của chúng với tư cách là *đảng trật tự,* nghĩa là dưới một danh hiệu *xã hội,* chứ không phải dưới một danh hiệu *chính trị,* với tư cách là những đại biểu của trật tự thế giới tư sản, chứ không phải với tư cách là những chàng hiệp sĩ của những nàng công chúa đi ngao du, với tư cách là giai cấp tư sản đối lập với các giai cấp khác, chứ không phải với tư cách phái bảo hoàng đối lập với phái cộng hòa. Và với tư cách là đảng trật tự, họ có một quyền lực không hạn chế hơn và cứng rắn hơn đối với các giai cấp khác trong xã hội, so với bất kỳ lúc nào trước kia, dưới thời phục tích hay dưới thời Quân chủ tháng Bảy; sự thống trị ấy nói chung chỉ có thể có được dưới hình thức cộng hòa đại nghị, vì chỉ có dưới hình thức đó, hai bộ phận lớn của giai cấp tư sản Pháp mới có thể liên hợp được với nhau và do đó, mới đặt được sự thống trị của giai cấp mình vào chương trình nghị sự, thay cho sự thống trị của phái có đặc quyền trong giai cấp ấy. Tuy thế, nếu với tư cách là đảng trật tự họ cũng thóa mạ chế độ cộng hòa và không che đậy sự ghê tởm của họ đối với chế độ ấy, thì đó không phải chỉ do những hồi ức bảo hoàng của họ. Bản năng của họ đã dạy cho họ thấy rằng chế độ cộng hòa tuy hoàn thành sự thống trị chính trị của họ, nhưng đồng thời nó cũng phá hủy những cơ sở xã hội của sự thống trị ấy, bởi vì giờ đây họ phải đối đầu với những giai cấp bị nô dịch, và phải đấu tranh với những giai cấp đó một cách trực tiếp, không còn dùng được ngai vàng làm chỗ ẩn nấp, cũng không đánh lạc được sự chú ý của cả nước bằng những cuộc xung đột nhỏ nhặt giữa bọn họ với nhau, và giữa bọn họ với quyền lực nhà vua. Chính cái cảm giác yếu đuối đã buộc họ phải rút lui trước những điều kiện thuần túy của sự thống trị giai cấp của chính

1* - cho đến một ngày vô định.

bọn họ và mong ước quay trở lại phía sau, quay trở lại những hình thức kém hoàn bị hơn, kém phát triển hơn, và do đó, ít nguy hiểm hơn của sự thống trị của họ. Ngược lại, mỗi lần phái bảo hoàng liên minh xung đột với kẻ lăm le lên ngôi báu thù địch với họ, tức là với Bô-na-pác-tơ, mỗi lần họ tưởng là quyền lực nghị trường toàn năng của họ bị quyền hành pháp đe dọa, do đó, mỗi khi họ buộc phải đưa lên hàng đầu sự hợp pháp về mặt chính trị của sự thống trị của họ thì họ lại hành động với tư cách là *những phần tử cộng hòa*, chứ không phải với tư cách là *những phần tử bảo hoàng,* - từ Chi-e, phần tử thuộc phái Oóc-lê-ăng, là kẻ đã cam đoan với Quốc hội rằng vấn đề chế độ cộng hòa là vấn đề ít chia rẽ họ nhất, cho đến phần tử chính thống là Be-ri-ê, kẻ ngày 2 tháng Chạp 1851, đã khoác băng tam tài vào mình, và trong vai của một hộ dân quan, đã nhân danh nền cộng hòa diễn thuyết trước dân chúng lúc đó tập hợp trước nhà thị chính quận Mười. Thật ra mọi người đã đáp lại hắn một cách chế nhạo: Henri V! Henri V![1*].

Đối lập với khối liên minh tư sản đã hình thành khối liên minh giữa những người tiểu tư sản và công nhân, tức cái gọi là đảng *dân chủ - xã hội.* Sau những ngày tháng Sáu 1848, những người tiểu tư sản thấy mình bị đánh lừa, những lợi ích vật chất của họ bị đe dọa, còn những đảm bảo dân chủ cho phép họ bảo vệ những lợi ích vật chất đó thì bị phe phản cách mạng đặt thành vấn đề. Vì thế, họ dịch lại gần công nhân. Mặt khác, số đại biểu của giai cấp tiểu tư sản ở nghị viện, tức *phái Núi,* trước đây bị gạt ra rìa trong thời kỳ chuyên chính của phái cộng hòa tư sản, thì trong nửa sau thời kỳ Quốc hội lập hiến, đã lấy lại được uy tín đã mất nhờ cuộc đấu tranh của mình chống Bô-na-pác-tơ và những bộ trưởng bảo hoàng. Phái Núi đã liên minh với các lãnh tụ xã hội chủ nghĩa. Tháng Hai năm 1849, hai bên đã tổ chức những bữa tiệc hòa giải. Người ta đã thảo ra một cương lĩnh chung, thành lập những ban tuyển cử chung và đưa ra những người ứng cử

1* - Hăng-ri V! Hăng-ri V!

chung. Những yêu sách xã hội của giai cấp vô sản bị cắt mất cái mũi nhọn cách mạng của chúng và mang một màu sắc dân chủ, còn những yêu sách dân chủ của giai cấp tiểu tư sản thì mất cái hình thức thuần túy chính trị của chúng và mang màu sắc xã hội chủ nghĩa, *đảng dân chủ - xã hội* đã xuất hiện như vậy đó. *Phái Núi* mới, kết quả của sự thỏa hiệp trên, vẫn bao gồm - trừ một vài nhân vật không quan trọng xuất thân từ giai cấp công nhân và một vài phần tử bè phái xã hội chủ nghĩa - những phần tử của phái Núi cũ, chỉ có điều là số lượng đông hơn trước. Nhưng trong quá trình phát triển, phái Núi cũng thay đổi cùng với giai cấp mà nó đại diện. Tính chất độc đáo của đảng dân chủ - xã hội thể hiện ra ở chỗ nó đòi các thể chế cộng hòa dân chủ không phải để thủ tiêu hai cực - tức là tư bản và lao động làm thuê - mà để giảm nhẹ sự đối kháng giữa hai cực ấy và biến nó thành một sự hòa hợp. Dù người ta có đưa ra những biện pháp như thế nào chăng nữa để đạt mục đích đó, dù mục đích đó có khoác những quan điểm ít nhiều cách mạng chăng nữa, thì bản chất cũng vẫn thế; cải biến xã hội theo con đường dân chủ, nhưng là một sự cải biến trong khuôn khổ tiểu tư sản. Chỉ có điều là không nên rơi vào cái quan niệm thiển cận cho rằng dường như về nguyên tắc, giai cấp tiểu tư sản muốn thực hiện một thứ lợi ích giai cấp vị kỷ. Trái lại, giai cấp đó tin rằng những điều kiện *đặc thù* để giải phóng cho nó đồng thời cũng là những điều kiện *chung* mà chỉ có chúng thì mới có thể cứu vãn được xã hội hiện đại và xóa bỏ được đấu tranh giai cấp. Cũng không nên tưởng rằng tất cả các đại biểu dân chủ đều là những chủ hiệu hoặc là những kẻ sùng bái bọn này. Do trình độ văn hóa và địa vị cá nhân của họ, họ có thể cách xa bọn chủ hiệu một trời một vực. Điều làm cho họ trở thành đại biểu của giai cấp tiểu tư sản, chính là vì tư tưởng của họ không thể vượt quá được những giới hạn mà những người tiểu tư sản không vượt qua được, và vì vậy, về mặt lý luận, những đại biểu dân chủ cũng đi tới chính những vấn đề và những giải pháp mà trong thực tiễn lợi ích vật chất và địa vị xã hội của người tiểu tư sản đã dẫn họ tới. Nói chung, mối quan hệ giữa

những đại biểu chính trị và *văn học* của một giai cấp với giai cấp mà họ đại diện là như thế đó.

Sau những điều đã nói, rất dễ hiểu là khi phái Núi luôn luôn đấu tranh chống đảng trật tự để bảo vệ chế độ cộng hòa và những cái gọi là quyền của con người, thì mục đích cuối cùng của phái Núi chẳng phải là nền cộng hòa, cũng chẳng phải là quyền của con người, cũng ví như một đạo quân bị người ta muốn tước vũ khí và buộc phải chống cự lại, thì không phải chỉ vì để giữ vũ khí của mình mà họ giao chiến với kẻ địch.

Đảng trật tự khiêu khích phái Núi ngay từ khi Quốc hội khai mạc. Giờ đây giai cấp tư sản cảm thấy cần phải thanh toán giai cấp tiểu tư sản dân chủ, cũng như một năm trước đây, nó cảm thấy cần phải thanh toán giai cấp vô sản cách mạng. Duy có điều là tình hình đối phương lúc này có khác. Lực lượng của đảng vô sản là ở ngoài đường phố, lực lượng của giai cấp tiểu tư sản lại ở ngay trong Quốc hội. Bởi vậy, cần làm thế nào để nhử được lực lượng tiểu tư sản từ Quốc hội ra ngoài đường phố, và buộc bản thân nó phải phá vỡ cái lực lượng nghị trường của nó trước khi nó có thời giờ và cơ hội củng cố lực lượng đó. Phái Núi cứ cắm đầu mà xông vào bẫy.

Việc quân đội Pháp bắn phá La Mã là miếng mồi người ta nhử phái Núi vào cạm bẫy. Việc bắn phá đó vi phạm điều V trong hiến pháp[67], tức là điều cấm nước Cộng hòa Pháp không được dùng lực lượng quân sự của mình để chống các quyền tự do của một dân tộc khác. Hơn nữa, điều 54 cũng cấm quyền hành pháp tuyên chiến nếu không được Quốc hội thỏa thuận, và Quốc hội lập hiến đã lên án cuộc viễn chinh ở La Mã bằng nghị quyết ngày 8 tháng Năm. Trên cơ sở đó, ngày 11 tháng Sáu 1849, Lơ-đruy Rô-lanh đã đưa ra một bản cáo trạng chống Bô-na-pác-tơ và những bộ trưởng của hắn. Bị kích bởi những lời châm chọc của Chi-e, ông thậm chí đã dọa sẽ dùng đủ mọi biện pháp để bảo vệ hiến pháp, kể cả bằng vũ lực. Toàn thể phái Núi nhất tề đứng lên và lắp lại lời hiệu triệu dùng vũ lực đó. Ngày 12 tháng Sáu, Quốc hội bác bản cáo

trạng nói trên, và phái Núi liền bỏ nghị trường ra về. Mọi người đều biết những sự biến ngày 13 tháng Sáu; một bộ phận trong phái Núi tuyên bố đặt Bô-na-pác-tơ và các bộ trưởng của hắn "ra ngoài hiến pháp"; những binh sĩ dân chủ trong đội cận vệ quốc gia tuần hành thị uy ngoài đường phố không có vũ khí và đã bỏ chạy tán loạn khi đụng đầu với quân đội của Săng-gác-ni-ê, v.v.. Một bộ phận của phái Núi trốn ra nước ngoài, một bộ phận khác bị đưa ra truy tố trước Tòa án tối cao ở Buốc-giơ, số còn lại thì bị quy chế nghị viện đặt dưới sự giám sát nhỏ nhặt, kiểu thầy giáo đối với học trò của chủ tịch Quốc hội. Pa-ri lại bị đặt trong tình trạng thiết quân luật và bộ phận dân chủ trong đội cận vệ quốc gia bị giải tán. Thế là ảnh hưởng của phái Núi ở nghị viện và lực lượng của giai cấp tiểu tư sản ở Pa-ri đã bị đạp vỡ.

Thành phố Li-ông, nơi mà những sự biến ngày 13 tháng Sáu đã là hiệu lệnh bùng nổ một cuộc khởi nghĩa đẫm máu của công nhân, cũng bị thiết quân luật cùng với năm tỉnh chung quanh. Tình trạng giới nghiêm đó vẫn còn kéo dài mãi cho đến lúc này.

Đa số của phái Núi đã phản bội lại đội tiền phong của mình, khi không chịu ký tên vào bản tuyên bố. Báo chí cũng đào ngũ; chỉ có hai tờ báo là đã dám đưa tin về cuộc chính biến đó. Những người tiểu tư sản đã phản lại các đại biểu của họ: các đội cận vệ quốc gia đã vắng mặt hôm đó, còn ở chỗ nào mà họ có mặt, thì họ lại ngăn cản việc xây dựng chiến lũy. Các đại biểu đã lừa dối những người tiểu tư sản: những đồng minh tưởng tượng trong quân đội không thấy xuất hiện ở đâu cả. Sau hết, đáng lẽ thu hút thêm sức mạnh ở trong giai cấp vô sản, thì đảng dân chủ lại đem tính nhu nhược của mình truyền cho giai cấp vô sản, và như thường thấy, khi có những hành động lớn của phái dân chủ, là các lãnh tụ của họ được dịp tha hồ mà buộc tội "nhân dân" của họ là phản bội, còn nhân dân thì lại được dịp tha hồ mà buộc tội các lãnh tụ của mình là lừa gạt.

Ít khi có một hành động nào được báo trước một cách ầm ĩ như cuộc tiến quân sắp tới của phái Núi, và ít khi có một sự biến

nào được người ta đánh trống thổi kèn báo trước quá sớm và quá tin chắc như sự thắng lợi tất nhiên của phe dân chủ. Không còn nghi ngờ gì nữa, những người dân chủ tin vào sức mạnh của những tiếng kèn đã từng làm sụp đổ những bức thành ở Giê-ri-khôn. Và mỗi lần họ đứng trước những thành trì của chế độ chuyên chế, thì họ lại ra sức diễn lại cái phép lạ ấy. Nếu muốn chiến thắng ở nghị viện, thì phái Núi không nên kêu gọi dùng vũ lực. Nếu ở nghị viện phái Núi đã kêu gọi dùng vũ lực, thì ở ngoài đường phố nó không được xử sự theo lối nghị trường. Nếu nó thực sự có ý định biểu dương lực lượng một cách hòa bình, thì thật là ngu ngốc nếu không thấy trước rằng cuộc biểu dương ấy sẽ được tiếp đón bằng vũ lực. Nếu nó nghĩ đến một cuộc chiến đấu thực sự mà lại đi hạ vũ khí dùng để chiến đấu, thì quả thật là kỳ quặc. Nhưng vấn đề là ở chỗ những sự đe dọa có vẻ cách mạng của những người tiểu tư sản và của những đại biểu dân chủ của họ chẳng qua chỉ là những mưu toan dọa kẻ địch mà thôi. Và nếu họ bị dồn vào thế bí, họ đã đi quá xa đến mức buộc phải thực hiện những lời đe dọa của mình, thì họ lại hành động một cách mập mờ nước đôi, hết sức tránh những thủ đoạn có thể dẫn đến mục đích và ra công tìm kiếm lý do bào chữa cho sự thất bại. Khúc nhạc mở đầu inh ỏi báo trước cuộc chiến đấu, biến thành một tiếng càu nhàu sợ sệt một khi cuộc chiến đấu cần phải bắt đầu; các diễn viên hết làm ra vẻ quan trọng, và hồi kịch lắng xuống, xẹp đi như một cái bong bóng đầy hơi bị người ta lấy kim châm thủng.

Không một đảng phái nào lại phóng đại những phương tiện của mình như đảng dân chủ, không một đảng phái nào lại bị mắc lừa một cách nhẹ dạ như đảng dân chủ về tình thế lúc bấy giờ. Nếu một bộ phận quân đội bỏ phiếu cho phái Núi thì phái này đã tin rằng quân đội sẽ nổi dậy ủng hộ mình. Nhưng vì lý do gì? Vì một lý do mà xét theo quan điểm của quân đội, thì chỉ có một ý nghĩa - đó chính là việc những người cách mạng đã đứng về phía binh lính La Mã chống lại binh lính Pháp. Mặt khác, những ký ức về những ngày tháng Sáu 1848 đang còn quá sốt dẻo, khiến cho

giai cấp vô sản không thể không ghê tởm đội cận vệ quốc gia, và khiến cho những lãnh tụ của các hội bí mật không thể không có một mối ngờ vực sâu sắc đối với những lãnh tụ đảng dân chủ. Để xóa nhòa những mâu thuẫn ấy, thì cần phải có những lợi ích chung to lớn bị uy hiếp. Sự vi phạm một điều khoản trừu tượng nào đó trong hiến pháp không thể làm thức tỉnh thứ lợi ích đó. Như chính những người dân chủ đã nói, hiến pháp há chẳng đã từng bị vi phạm nhiều lần rồi đó sao? Những tờ báo có uy tín lớn nhất đã chẳng lên án hiến pháp là một mưu kế của bọn phản cách mạng đó sao? Nhưng người dân chủ, đại diện cho giai cấp tiểu tư sản, nghĩa là một *giai cấp trung gian,* trong đó lợi ích của hai giai cấp làm cho nhau cùn đi - vì vậy mà cứ tưởng rằng nói chung mình đứng trên sự đối kháng giai cấp. Những người dân chủ cho rằng đối lập với họ có một giai cấp được hưởng đặc quyền đặc lợi, nhưng cùng với bộ phận còn lại trong nước, họ cấu thành *nhân dân.* Cái mà họ bảo vệ là *quyền của nhân dân;* họ đại diện cho *lợi ích của nhân dân.* Cho nên trước cuộc chiến đấu sắp diễn ra, họ không cần phải nghiên cứu lợi ích và tình cảnh của các giai cấp khác nhau. Họ không cần phải cân nhắc quá tỉ mỉ những phương tiện của bản thân họ. Bởi vì họ chỉ cần ra hiệu một cái, là *dân chúng* tức khắc nhảy xổ vào *bọn áp bức* mình với tất cả những phương tiện vô tận của mình. Nhưng, nếu những lợi ích của họ hóa ra lại chẳng được ai quan tâm đến, và nếu lực lượng của họ lại hóa ra là sự bất lực, thì lỗi hoặc là tại những bọn ngụy biện tai hại đã chia rẽ *khối nhân dân thống nhất* thành nhiều phe đối địch; hoặc là tại quân đội đã trở nên quá tàn bạo, quá mù quáng nên không thấy những mục đích thuần túy của phe dân chủ là lợi ích của bản thân mình, hoặc là tất cả mọi việc đều sụp đổ do một chi tiết nào đó trong việc thực hiện; hoặc sau hết, là một sự ngẫu nhiên không dự kiến trước nào đó lần này đã gây nên thất bại. Dù sao đi nữa thì người dân chủ vẫn ra khỏi một sự thất bại nhục nhã nhất, mà vẫn trong trắng, vẫn ngây thơ như khi bước vào đấu tranh, họ ra khỏi với một niềm tin mới củng cố thêm là rồi đây họ nhất định sẽ chiến thắng, là không phải

bản thân họ và đảng của họ sẽ phải vứt bỏ cái quan điểm cũ của mình đi, mà trái lại, vì các điều kiện nhất định sẽ phát triển tới cái quan điểm ấy.

Bởi vậy, chúng ta đừng coi phái Núi bị thưa thớt hẳn đi, bị đánh gục và bị quy chế mới của nghị viện làm nhục, là đã quá bất hạnh. Nếu ngày 13 tháng Sáu đã gạt những thủ lĩnh phái Núi ra, thì mặt khác ngày ấy cũng dọn chỗ cho những “tài năng" hàng thứ yếu mà địa vị mới đó làm cho rất khoái chí. Nếu trước kia sự bất lực của họ ở nghị viện là điều chẳng còn phải nghi ngờ gì nữa, thì giờ đây họ có quyền giới hạn hoạt động của mình bằng những cuộc bùng nổ của cơn phẫn nộ đạo đức và bằng những lời tuyên bố khoa trương mà thôi. Nếu đảng trật tự mô tả họ như là những kẻ đại diện chính thức cuối cùng của cách mạng, là hiện thân của tất cả những sự khủng khiếp của trạng thái vô chính phủ, thì trên thực tế, họ lại càng có thể tỏ ra là tầm thường hơn và khiêm tốn hơn. Còn về sự thất bại ngày 13 tháng Sáu thì họ tự an ủi bằng cái luận điệu thâm thúy này: "Chỉ thử động đến chế độ đầu phiếu phổ thông mà xem! Lúc đó sẽ biết tay chúng ta. Nous verrons![1*]".

Về những người của phái Núi chạy trốn ra nước ngoài, ở đây chúng ta chỉ cần nhận xét rằng Lơ-đruy Rô-lanh, kẻ trong vòng chưa đầy hai tuần lễ đã hủy diệt không gì cứu vãn được một chính đảng mạnh do y đứng đầu, giờ đây lại tự coi mình là có sứ mệnh thành lập một chính phủ Pháp in partibus[2*], rằng hình bóng của y ở chốn xa xôi ở bên ngoài trường hoạt động, dường như ngày càng to thêm, theo mức độ mà phong trào cách mạng ngày càng xẹp xuống và những nhân vật quan phương lỗi lạc của nước Pháp quan phương cứ ngày càng trở thành những chàng lùn; rằng y có thể trở thành người ứng cử của phe cộng hòa trong kỳ tuyển cử năm 1852 sắp tới; rằng y thỉnh thoảng vẫn gửi những bản thông cáo cho dân Va-la-ki và cho các dân tộc khác, trong đó y đe dọa

---

1* - Rồi sẽ biết!

2* - thuần túy danh nghĩa, lưu vong ở nước ngoài

những tên bạo chúa của lục địa bằng những chiến công của y và những chiến công của những đồng minh của y. Lẽ nào Pru-đông đã hoàn toàn sai, khi nói với các ngài đó rằng: "Vous n'êtes que des blagueurs! "[1*]?

Ngày 13 tháng Sáu, đảng trật tự chẳng những đã đánh ngã phái Núi, mà đồng thời còn thực hiện nguyên tắc *hiến pháp phải phục tùng những quyết nghị của đa số trong Quốc hội nữa.* Nó quan niệm chế độ cộng hòa như sau: trong chế độ cộng hòa, giai cấp tư sản thống trị dưới những hình thức đại nghị, nhưng nó không bị hạn chế bởi quyền phủ quyết của quyền hành pháp hay quyền giải tán nghị viện như dưới thời quân chủ nữa. Đó là chế độ *cộng hòa đại nghị,* như Chi-e từng gọi. Nhưng, nếu ngày 13 tháng Sáu giai cấp tư sản đã đảm bảo cho mình một quyền lực không hạn chế ở trong nghị viện, thì liệu nó có giáng một đòn chí tử vào chính ngay nghị viện hay không, khi làm cho nghị viện đó suy yếu đi một cách không thể cứu vãn nổi trước quyền hành pháp và nhân dân, bằng cách trục xuất những đại biểu có uy tín nhất ra khỏi nghị viện? Khi thẳng tay giao nhiều nghị sĩ cho tòa án xét xử, giai cấp tư sản đã xóa bỏ quyền bất khả xâm phạm của chính mình ở trong nghị trường. Quy chế nhục nhã mà nó buộc phái Núi phải phục tùng, càng hạ thấp mỗi đại biểu của nhân dân xuống bao nhiêu thì lại càng nâng cao tổng thống của nước cộng hòa lên bấy nhiêu. Khi lên án cuộc khởi nghĩa có mục đích bảo vệ hiến pháp là một hành động vô chính phủ nhằm lật đổ xã hội, giai cấp tư sản đã tự tước mất của mình khả năng kêu gọi khởi nghĩa trong trường hợp nếu quyền hành pháp vi phạm hiến pháp chống lại giai cấp ấy. Và lịch sử mới mỉa mai làm sao! Tướng *U-đi-nô,* người trước đây được sự ủy nhiệm của Bô-na-pác-tơ, đã bắn phá La Mã và do đó tạo cái cớ trực tiếp cho cuộc bạo động bảo vệ hiến pháp ngày 13 tháng Sáu, thì ngày 2 tháng Chạp 1851 lại được đảng trật tự khẩn thiết đưa ra giới thiệu - nhưng vô hiệu - với dân chúng là viên tướng bảo vệ hiến pháp chống lại Bô-na-pác-tơ.

1* - “Các anh chỉ là bọn nói khoác!”

Một nhân vật khác trong ngày 13 tháng Sáu, là *Vi-ây-ra* mà người ta đã khen ngợi từ trên diễn đàn Quốc hội về những hành động tàn bạo mà hắn đã thi thố trong khi hắn dẫn đầu một lũ cận vệ quốc gia thuộc bọn quý tộc tài chính đến phá phách trụ sở các báo dân chủ, - chính cái tên Vi-ây-ra ấy đã biết rõ cuộc âm mưu đảo chính của Bô-na-pác-tơ và đã góp phần rất lớn vào việc làm cho Quốc hội không thể nhận được sự cứu viện của đội cận vệ quốc gia trong giờ phút nguy kịch của nó.

Ngày 13 tháng Sáu còn có một ý nghĩa khác nữa. Phái Núi đòi truy tố Bô-na-pác-tơ trước tòa án. Vì thế, sự thất bại của phái Núi cũng là một thắng lợi trực tiếp của Bô-na-pác-tơ, là một thắng lợi lớn của cá nhân hắn đối với những kẻ thù dân chủ của hắn. Đảng trật tự giành được thắng lợi ấy, - còn Bô-na-pác-tơ thì chỉ còn có việc thu lấy thắng lợi ấy cho mình. Chính Bô-na-pác-tơ đã làm như thế. Ngày 14 tháng Sáu, trên các bức tường ở Pa-ri, người ta có thể đọc một bản tuyên cáo nói rằng, tổng thống, - làm như thể là không dính dáng gì đến tất cả những chuyện đó, làm như thể là bị bất đắc dĩ, chỉ vì sức ép của các sự kiện, - đã buộc phải rời khỏi cuộc sống tu hành đơn độc của mình, phàn nàn với cái giọng của một đạo đức chưa được thừa nhận, về những điều vu khống của những địch thủ của mình, và làm ra vẻ đồng nhất con người của mình với sự nghiệp của trật tự, nhưng trên thực tế thì lại đồng nhất sự nghiệp của trật tự với con người của mình. Thêm nữa, mặc dầu sau này Quốc hội cũng đã phê chuẩn cuộc viễn chinh La Mã, nhưng Bô-na-pác-tơ cũng đã là kẻ đã khởi xướng ra cuộc viễn chinh ấy. Sau khi đã đưa giáo chủ tối cao Xa-mu-in trở về Va-ti-căng, Bô-na-pác-tơ có thể hy vọng ngự trị ở điện Tuyn-lơ-ri như vua Đa-vít[68]. Hắn đã tranh thủ được các giáo sĩ đứng về phía mình.

Cuộc bạo động ngày 13 tháng Sáu chỉ thu hẹp trong cuộc biểu tình hòa bình ở ngoài đường phố, như chúng ta đã thấy. Vậy không thể nói đến những sự vinh quang về mặt quân sự trong việc chống lại nó. Thế nhưng, trong cái thời buổi hiếm anh hùng và ít biến

cố ấy, đảng trật tự đã biến trận đánh không đổ máu ấy thành một trận Ô-xtéc-lít thứ hai. Diễn đàn và báo chí đã đề cao quân đội như là sức mạnh của trật tự, đối lập lại với quần chúng nhân dân là biểu hiện của sự bất lực của trạng thái vô chính phủ, và đã ca ngợi Săng-gác-ni-ê như là "thành trì của xã hội" - một sự lừa bịp mà rồi cuối cùng chính Săng-gác-ni-ê cũng tin là thật. Trong khi đó người ta ngấm ngầm đẩy những đơn vị có vẻ đáng ngờ ra khỏi Pa-ri; những trung đoàn nào bộc lộ những tình cảm dân chủ mạnh nhất trong cuộc bầu cử thì đều bị đẩy đi khỏi nước Pháp sang An-giê-ri; những phần tử đáng lo ngại trong quân đội thì bị đưa vào các đội phạm binh; sau hết, người ta ngăn không cho báo chí thâm nhập vào trại lính, và ngăn trại lính không cho liên hệ với xã hội công dân.

Giờ đây, chúng ta đã đi tới một bước ngoặt quyết định trong lịch sử đội cận vệ quốc gia Pháp. Năm 1830, đội cận vệ quốc gia đã quyết định số phận của thời phục tích. Dưới thời Lu-i-Phi-líp mỗi một cuộc bạo động đều thất bại nếu đội cận vệ quốc gia đứng về phía quân đội. Trong những ngày tháng Hai 1848, khi đội cận vệ quốc gia giữ một thái độ tiêu cực đối với cuộc khởi nghĩa và có một thái độ mập mờ đối với Lu-i-Phi-líp thì Lu-i-Phi-líp tự cho là mình đã bị tiêu diệt và quả thật đã bị tiêu diệt. Vì thế mà đã nảy sinh một niềm tin sâu sắc rằng nếu *không có* đội cận vệ quốc gia thì cách mạng không thể thắng lợi, và quân đội không thể thắng được, nếu đội cận vệ quốc gia *chống lại* nó. Đó là một quan niệm có tính cách mê tín của quân đội vào sức mạnh toàn năng của xã hội công dân. Những ngày tháng Sáu 1848, khi toàn thể đội cận vệ quốc gia cùng với quân đội chủ lực đánh tan cuộc khởi nghĩa, đã củng cố thêm sự mê tín ấy. Sau khi Bô-na-pác-tơ lên nắm chính quyền, vị trí của đội cận vệ quốc gia đã giảm sút chút ít do chỗ thống nhất một cách trái với hiến pháp việc chỉ huy đội cận vệ quốc gia với việc chỉ huy sư đoàn chính quy thứ nhất, vào trong tay Săng-gác-ni-ê.

Giống như việc chỉ huy đội cận vệ quốc gia bây giờ có vẻ chỉ là một thuộc tính của bộ tư lệnh quân sự tối cao, bản thân đội

cận vệ quốc gia cũng chỉ là một vật phụ thuộc của quân đội chính quy. Cuối cùng, ngày 13 tháng Sáu, đội cận vệ quốc gia ấy đã bị phá vỡ - không phải chỉ vì từ ngày đó nó dần dần bị giải tán từng phần một ở khắp mọi nơi trên nước Pháp cho đến khi nó chỉ còn lại những mảnh vụn mà thôi. Cuộc tuần hành thị uy ngày 13 tháng Sáu, trước hết, là một cuộc tuần hành thị uy của bộ phận dân chủ trong đội cận vệ quốc gia. Quả thật là họ đã chống lại quân đội không phải bằng vũ khí mà chỉ bằng bộ quân phục của họ; nhưng chính cái bùa hộ mệnh lại nằm trong bộ quân phục đó. Quân đội đã thấy rõ rằng bộ quân phục đó chẳng qua chỉ là một mảnh giẻ len như mọi bộ quân phục khác. Các phù phép đã tan biến mất. Trước kia, trong những ngày tháng Sáu 1848, giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản, mà đại biểu là đội cận vệ quốc gia, đã liên hợp với quân đội để chống lại giai cấp vô sản. Ngày 13 tháng Sáu 1849, giai cấp tư sản đã dùng quân đội để đánh tan đội cận vệ quốc gia tiểu tư sản, ngày 2 tháng Chạp 1851, chính đội cận vệ quốc gia của giai cấp tư sản cũng không còn nữa, và sau này khi Bô-na-pác-tơ ký sắc lệnh giải tán nó thì hắn cũng chỉ xác nhận một sự việc đã xảy ra mà thôi. Như vậy là bản thân giai cấp tư sản đã tự đập tan cái vũ khí cuối cùng của nó dùng để chống lại quân đội, nhưng nó đã phải làm điều đó từ khi giai cấp tiểu tư sản không còn đứng ở đằng sau lưng nó với tư cách là một chư hầu nữa, mà đã đứng lên chống lại nó với tư cách là một kẻ phản nghịch. Cũng như, nói chung, giai cấp tư sản đã buộc phải tự tay mình phá hoại tất cả những phương tiện bảo vệ của mình chống lại chế độ chuyên chế, một khi nó đã trở thành chuyên chế.

Trong khi ấy, đảng trật tự lại ăn mừng việc giành lại được một chính quyền - mà năm 1848 nó đã để mất đi, dường như là chỉ để đến năm 1849, lại thu hồi nó trở lại dưới cái dạng đã thoát khỏi mọi sự hạn chế - bằng cách thóa mạ chế độ cộng hòa và hiến pháp, nguyền rủa tất cả các cuộc cách mạng trước kia, hiện nay và về sau, kể cả những cuộc cách mạng do chính những kẻ cầm đầu đảng trật tự đã làm, và bằng cách ban bố những điều

luật bịt mồm miệng báo chí, bãi bỏ quyền tự do lập hội, và thừa nhận việc thiết quân luật như là một thể chế bình thường. Rồi Quốc hội tuyên bố nghỉ họp từ giữa tháng Tám đến giữa tháng Mười, sau khi đã cử ra một ban thường trực làm việc suốt trong thời kỳ Quốc hội vắng mặt. Trong thời gian Quốc hội đi nghỉ đó, phái chính thống đã âm mưu với Em-xơ, phái Oóc-lê-ăng với Clê-môn-tơ, còn Bô-na-pác-tơ thì âm mưu bằng những chuyến đi theo kiểu đế vương, và các hội đồng hàng tỉnh cũng âm mưu trong các cuộc họp bàn về vấn đề xét lại hiến pháp. Đó là những việc xẩy ra đều đặn trong các dịp nghỉ định kỳ của Quốc hội, và tôi sẽ chỉ bàn chi tiết đến chúng một khi chúng trở thành những biến cố. Ở đây, chỉ cần chú ý rằng Quốc hội đã hành động một cách vô chính trị, khi vắng mặt trên vũ đài trong một thời gian dài, và chỉ để lại đứng đầu nền cộng hòa có mỗi một nhân vật, dầu là một nhân vật thảm hại như Lu-i Bô-na-pác-tơ, trong khi đó thì đảng trật tự đã mất mặt trước công chúng do sự phân chia thành những cánh bảo hoàng khác nhau với những khát vọng phục hưng thù địch nhau. Trong những kỳ nghỉ như thế, cứ mỗi lần im tiếng tranh luận ồn ào ở *nghị viện,* và các nghị sĩ chia tay nhau về các nơi trong nước, thì người ta lại thấy rõ rằng chỉ còn thiếu có mỗi một điều để cho bộ mặt thật của chế độ cộng hòa đó lộ ra đầy đủ, đó là: làm cho những lần nghỉ của *nghị viện* trở thành liên tục, và thay thế khẩu hiệu: Liberté, égalité, fraternité![1*] *của nó* bằng những tiếng không chút mập mờ: Infanterie, Cavalerie, Artillerie![2*].

1* - Tự do, bình đẳng, bác ái

2* - Bộ binh, Kỵ binh, Pháo binh!

IV

Quốc hội họp trở lại vào giữa tháng Mười 1849. Ngày 1 tháng Mười một, Bô-na-pác-tơ làm cho Quốc hội kinh ngạc bởi bức thông điệp trong đó hắn tuyên bố giải tán nội các Ba-rô-Phan-lu và thành lập một nội các mới. Chưa bao giờ người ta đuổi tôi tớ trong nhà một cách trắng trợn như Bô-na-pác-tơ đã đuổi các bộ trưởng của hắn. Những cái đá đít dành cho Quốc hội thì, trong khi chờ đợi, chính Ba-rô và bè lũ đã hứng lấy.

Như chúng ta đã thấy, nội các Ba-rô gồm những người của phe chính thống và phe Oóc-lê-ăng, đó là một nội các của đảng trật tự. Bô-na-pác-tơ đã cần đến nội các ấy để giải tán Quốc hội lập hiến cộng hòa, thực hiện cuộc viễn chinh đánh La Mã và đập tan lực lượng của đảng dân chủ. Lúc bấy giờ hình như hắn ẩn mình sau lưng nội các ấy, bỏ mặc quyền hành chính phủ cho đảng trật tự, và đeo cái mặt nạ khiêm tốn mà những viên quản lý chịu trách nhiệm của các báo dưới thời Lu-i Phi-líp vẫn đeo, cái mặt nạ của một homme de paille[1*]. Giờ đây Bô-na-pác-tơ đã trút bỏ cái mặt nạ đó ra rồi, vì từ một tấm voan mỏng cho phép che được bộ mặt của hắn, nó đã trở thành một cái mặt nạ bằng sắt cản trở hắn biểu lộ cái chân tướng của hắn ra. Bô-na-pác-tơ đã đưa

---

1* - bù nhìn.

nội các Ba-rô lên cầm quyền để nhân danh đảng trật tự thủ tiêu Quốc hội cộng hòa; và hắn bãi bỏ nội các ấy đi là để tỏ rõ rằng tên tuổi của hắn không lệ thuộc vào Quốc hội của đảng trật tự.

Chẳng thiếu gì lý do có vẻ chính đáng để làm việc đó. Nội các Ba-rô thậm chí đã không thèm chú ý đến những quy tắc xã giao mà người ta phải tuân thủ đối với tổng thống nước cộng hòa với tư cách là một quyền lực bên cạnh Quốc hội. Trong thời gian Quốc hội nghỉ họp, Bô-na-pác-tơ công bố một bức thư gửi cho Ét-ga Nây, trong đó hắn tỏ vẻ không tán thành những hành động không có tính chất tự do chủ nghĩa của giáo hoàng[1*], cũng như trước kia, ngược lại với Quốc hội lập hiến, hắn đã công bố một bức thư khen ngợi U-đi-nô về việc tấn công vào Cộng hòa La Mã. Và khi Quốc hội biểu quyết dự toán ngân sách cho cuộc viễn chinh La Mã, thì Vích-to Huy-gô, để tỏ ra mình là theo chủ nghĩa tự do, đã nêu bức thư đó lên thành vấn đề thảo luận. Bằng những tiếng la ó hoài nghi và khinh bỉ, đảng trật tự đã dập tắt ngay cả cái ý nghĩ cho rằng dường như những hành vi ngông cuồng của Bô-na-pác-tơ có thể có một ý nghĩa chính trị nào đấy và không có ai trong các bộ trưởng dám nhận lời thách thức của Bô-na-pác-tơ. Một lần khác, với những lời lẽ thống thiết trống rỗng vốn có của hắn, từ trên diễn đàn, Ba-rô đã tự cho phép mình công phẫn nói đến "những âm mưu ghê tởm", mà theo hắn nói thì đang được tiến hành trong giới thân cận nhất của tổng thống. Cuối cùng, trong khi nội các Ba-rô xin được Quốc hội cấp cho nữ công tước Oóc-lê-ăng một khoản trợ cấp quả phụ, thì nó lại bác bỏ mọi đề nghị tăng thêm khoản lương bổng của tổng thống. Mà, ở con người của Bô-na-pác-tơ, thì kẻ ôm ấp mộng làm vua kết hợp với kẻ phiêu lưu bị phá sản chặt chẽ tới mức là ở hắn, cái tư tưởng lớn tự cho mình có sứ mệnh phục hồi lại đế chế, luôn luôn được bổ sung bằng một tư tuởng lớn khác cho rằng nhân dân Pháp có sứ mệnh trả nợ cho hắn.

1* - Pi IX

Nội các Ba-rô - Phan-lu là một *nội các đại nghị* đầu tiên và cuối cùng do Bô-na-pác-tơ dựng lên. Bởi vậy, việc bãi bỏ nội các ấy là một bước ngoặt quyết định. Nội các đó mất đi, đảng trật tự cũng mất luôn mà không bao giờ lấy lại được nữa một thành trì không thể thiếu được để duy trì chế độ đại nghị - việc nắm quyền hành pháp. Mà ở một nước như nước Pháp, nơi mà quyền hành pháp chi phối cả một đạo quân quan chức hơn nửa triệu người, tức là thường xuyên bắt một số rất lớn lợi ích và sinh mệnh con người phải phụ thuộc vào nó một cách tuyệt đối nhất; nơi mà nhà nước nắm chặt, kiểm soát, chỉ huy, quản chế và bảo hộ xã hội công dân, từ những biểu hiện sinh hoạt rộng lớn nhất của họ cho đến những cử động nhỏ nhặt nhất của họ, từ những phương thức tồn tại chung nhất của nó, cho đến đời sống riêng tư của các cá nhân; nơi mà cái cơ thể ăn bám ấy, nhờ có sự tập trung hết sức phi thường, nên có mặt khắp mọi nơi và cái gì cũng biết, có được tính co giãn và tính cơ động cao, những điều này chỉ có thể đi song song với một tình trạng phụ thuộc bất lực, tình trạng rã rời không có hình thù của cơ cấu xã hội hiện thực, - ở một nước như thế, lẽ dĩ nhiên là khi mất quyền phân phối các ghế bộ trưởng, Quốc hội cũng mất mọi ảnh hưởng thực tế, nếu như nó không đồng thời đơn giản hóa bộ máy hành chính của nhà nước, giảm bớt tới mức tối đa đạo quân quan chức, và sau hết, không để cho xã hội công dân và công luận thành lập những cơ quan ngôn luận riêng của họ, độc lập đối với chính quyền. Nhưng *lợi ích vật chất* của giai cấp tư sản Pháp lại quyện rất chặt với việc duy trì cái bộ máy nhà nước rộng lớn và bao quát ấy. Chính đó là nơi mà giai cấp tư sản xếp số nhân khẩu thừa của nó vào và lấy hình thức lương bổng để bổ sung cho những cái mà giai cấp đó không thể thu được dưới hình thức lợi nhuận, lợi tức, địa tô và tiền thù lao. Mặt khác, *lợi ích chính trị* của giai cấp tư sản buộc họ ngày càng phải tăng cường đàn áp, nghĩa là phải tăng thêm phương tiện và nhân viên của chính quyền, đồng thời phải tiến hành một cuộc chiến đấu không ngừng chống lại công luận, và do không tin mà phải làm què quặt, tê liệt những cơ quan độc lập của sự vận động

xã hội, nếu không thể hoàn toàn cắt bỏ chúng đi. Như vậy, địa vị giai cấp của giai cấp tư sản Pháp đã buộc nó, một mặt, phải thủ tiêu những điều kiện tồn tại của mọi quyền lực đại nghị, và, do đó, cả quyền lực đại nghị của mình và, mặt khác, phải làm cho quyền hành pháp đối địch với nó trở thành một quyền lực vô địch.

Nội các mới được gọi là nội các đ'Ô-pu-lơ. Điều này quyết không có nghĩa là tướng đ'Ô-pu-lơ được làm thủ tướng. Cùng với việc cách chức Ba-rô, Bô-na-pác-tơ thậm chí đã bãi bỏ cái chức ấy, cái chức vị trên thực tế đã làm cho tổng thống cộng hòa phải đóng vai trò hợp pháp nhỏ bé của một ông vua lập hiến, nhưng là của một ông vua lập hiến không có ngai vàng mũ ngọc, không có ấn kiếm, không có đặc quyền bất khả xâm phạm, không có quyền thế tập giữ chức vụ cao nhất của nhà nước, và điều tồi tệ hơn cả là không có lương bổng của nhà vua. Nội các đ'Ô-pu-lơ chỉ có được một người có tiếng tăm ở nghị trường là gã cho vay nặng lãi *Phun-đơ,* một trong những thành viên nổi danh xấu nhất của giới quý tộc tài chính. Người ta đưa hắn lên làm Bộ trưởng tài chính. Chỉ cần xem biểu thị giá của sở giao dịch Pa-ri cũng thấy rõ rằng, kể từ ngày 1 tháng Mười một 1849, các chứng khoán Pháp lên xuống tùy theo sự lên xuống của những cổ phiếu của Bô-na-pác-tơ. Như vậy, khi đã tìm được những kẻ đồng minh ở sở giao dịch rồi, thì Bô-na-pác-tơ đồng thời cũng chiếm luôn cả sở cảnh sát, bằng cách cử Các-li-ê lên làm cục trưởng cảnh sát Pa-ri.

Tuy vậy, những hậu quả của việc thay đổi nội các chỉ bộc lộ ra trong tiến trình phát triển sau đó. Thoạt đầu, Bô-na-pác-tơ tiến lên một bước, chỉ là để bị đẩy lùi lại đằng sau một cách rõ ràng hơn. Sau khi gửi một thông điệp thô bạo cho Quốc hội, hắn lại tỏ ra phục tùng Quốc hội một cách hết sức đê hèn. Mỗi lần các bộ trưởng dám rụt rè mưu toan khoác cho những sở thích cá nhân kỳ quặc của hắn một hình thức dự luật, thì hình như chính các bộ trưởng ấy cũng chỉ vì địa vị mình mà phải miễn cưỡng thi hành những sự ủy thác khôi hài mà họ biết chắc trước là sẽ chẳng đi đến kết quả gì. Mỗi lần Bô-na-pác-tơ nấp sau lưng các bộ trưởng,

nói lên những ý định của hắn và ba hoa về các "idées napoléoniennes"[69] của hắn, thì chính những bộ trưởng của hắn lại phủ nhận hắn trên diễn đàn Quốc hội. Những khát vọng của hắn muốn tranh quyền tiếm vị hình như chỉ được đưa ra là để cho tiếng cười ác ý của những địch thủ của hắn vang lên không ngớt. Hắn làm ra vẻ hắn là một thiên tài không được thừa nhận, một thiên tài mà tất cả thiên hạ đều coi là một kẻ thộn. Chưa bao giờ Bô-na-pác-tơ trở thành đối tượng khinh bỉ sâu sắc của tất cả các giai cấp như trong thời kỳ này. Chưa bao giờ giai cấp tư sản từng thống trị một cách tuyệt đối như hồi đó, chưa bao giờ giai cấp này phô trương những dấu hiệu của sự thống trị của nó một cách kiêu căng như hồi đó.

Ở đây tôi không có nhiệm vụ viết lịch sử của sự hoạt động lập pháp của giai cấp tư sản, trong thời kỳ đó chỉ thu gọn trong hai đạo luật chính: đạo luật lập lại *thuế rượu vang,* và *đạo luật về giáo dục* xóa bỏ sự không tín ngưỡng. Khi gây khó khăn cho người Pháp trong việc dùng rượu vang, giai cấp tư sản lại thết họ một cách rộng rãi hơn bằng nước lã của cuộc sống thực tế. Nếu khi lập lại thuế rượu vang, giai cấp tư sản tuyên bố cái chế độ thuế khóa cũ đã bị chán ghét là bất khả xâm phạm, thì đồng thời nó lại ra sức dùng đạo luật về giáo dục để duy trì cái tâm trạng cũ của quần chúng khiến họ cam chịu chế độ thuế khóa đó. Người ta lấy làm ngạc nhiên khi thấy phái Oóc-lê-ăng, bọn tư sản tự do, vốn là những tín đồ cũ của chủ nghĩa Vôn-te và triết học chiết trung, lại phó thác việc cai quản tinh thần của người Pháp cho bọn dòng Tên là những kẻ thù truyền kiếp của những người tư sản. Nhưng, dù hai phe chính thống và Oóc-lê-ăng có bất đồng ý kiến với nhau như thế nào chăng nữa trong vấn đề nên đưa dòng vua nào lên ngai vàng, thì họ cũng đều hiểu rằng sự thống trị chung của họ đòi hỏi phải kết hợp những công cụ áp bức của cả hai thời đại, và cần phải lấy những thủ đoạn nô dịch của thời phục tích để bổ sung và tăng cường cho những thủ đoạn nô dịch của thời Quân chủ tháng Bảy.

Những người nông dân, bị đánh lừa trong tất cả những hy vọng của họ, bị đau khổ hơn bao giờ hết, một mặt, vì giá ngũ cốc thấp, mặt khác vì gánh nặng thuế khóa và nợ nần cầm cố cứ ngày một tăng thêm, nên đã rục rịch nổi dậy ở các tỉnh. Người ta đã trả lời họ bằng cách khủng bố các giáo viên, buộc họ phải phục tùng bọn giáo sĩ, và khủng bố các xã trưởng, buộc họ phải phục tùng các tỉnh trưởng, và cuối cùng bằng cách tổ chức cả một hệ thống mật vụ mà tất cả đều phải phục tùng. Ở Pa-ri và những thành phố lớn, bản thân thế lực phản động cũng mang dấu ấn của thời đại mình, và thách thức nhiều hơn là áp chế. Ở nông thôn, nó trở thành tầm thường, hèn hạ, nhỏ nhặt, những nhiễu và phiền hà, nói tóm lại, đã trở thành tên hiến binh. Dễ hiểu rằng, ba năm dưới một chế độ hiến binh được chế độ giáo sĩ thừa nhận, tất phải làm cho quần chúng chưa trưởng thành bại hoại tinh thần đến thế nào.

Bất chấp tất cả sự hăng say và lời lẽ hoa mỹ mà đảng trật tự đã sử dụng từ trên diễn đàn Quốc hội, để chống lại phe thiểu số, những lời nói của họ vẫn cộc lốc như lời của người theo đạo Cơ Đốc mà lời lẽ phải là mấy tiếng: Có, có, không, không! Cộc lốc cả trên diễn đàn lẫn trên báo chí; vô vị như một trò đánh đố mà người ta đã biết trước lời giải rồi. Bất luận là bàn đến vấn đề quyền thỉnh nguyện hoặc thuế rượu vang, đến tự do báo chí hoặc tự do thương mại, đến những câu lạc bộ hoặc cơ cấu thị chính, đến vấn đề bảo vệ tự do thân thể hoặc vấn đề quy định ngân sách nhà nước, thì bao giờ cũng một khẩu lệnh ấy vang lên, bao giờ cũng một chủ đề, bao giờ cũng vẫn lời phán quyết đã có sẵn và y nguyên không thay đổi ấy: *"Chủ nghĩa xã hội!"*. Cả đến chủ nghĩa tự do tư sản, văn hóa tư sản, sự cải cách tài chính theo kiểu tư sản, cũng đều bị tuyên bố là *chủ nghĩa xã hội*. Làm một con đường sắt ở chỗ đã có sông đào rồi, đó là chủ nghĩa xã hội, dùng một cái gậy để tự vệ khi người ta cầm gươm đâm chém mình, đó cũng là chủ nghĩa xã hội.

Đây không phải chỉ là một câu nói suông, một cái mốt, một sách lược đấu tranh giữa các đảng phái. Giai cấp tư sản đã hiểu

một cách đúng đắn rằng tất cả những vũ khí mà nó đã tạo ra để chống lại chế độ phong kiến, bây giờ đang quay lại chống bản thân nó, tất cả những phương tiện giáo dục mà nó đã tạo nên, bây giờ đang nổi dậy chống ngay nền văn minh của nó, tất cả những vị thần mà nó đã tạo ra bây giờ lại bỏ rơi nó. Giai cấp tư sản hiểu rằng tất cả những cái gọi là tự do công dân và thiết chế tiến bộ đều tấn công và đe dọa *nền thống trị giai cấp* của nó, cả ở cơ sở xã hội của nó lẫn ở thượng tầng chính trị của nó, do đó đã trở thành "*xã hội chủ nghĩa*". Giai cấp tư sản đã nhìn thấy rất đúng rằng cái bí quyết của chủ nghĩa xã hội là ở trong sự đe dọa và tấn công ấy, nó đánh giá ý nghĩa và xu hướng của chủ nghĩa xã hội đúng hơn cả chính ngay cái gọi là chủ nghĩa xã hội tự đánh giá mình, chủ nghĩa xã hội này không thể nào hiểu nổi tại sao giai cấp tư sản lại cứ khăng khăng quay lưng lại với nó, - không kể là nó than khóc một cách đa sầu đa cảm về những nỗi đau khổ của nhân loại, hay báo trước theo lối đạo Cơ Đốc về triều đại ngàn năm và về thời đại bác ái trên toàn thế giới, hoặc ba hoa theo kiểu nhân văn chủ nghĩa về tinh thần, học vấn và tự do, hoặc giả là bịa đặt ra một cách giáo điều một hệ thống điều hòa và thịnh vượng của tất cả giai cấp trong xã hội. Nhưng điều mà giai cấp tư sản không hiểu nổi, nếu suy luận một cách triệt để, là *cái chế độ đại nghị của bản thân nó, sự thống trị chính trị* của nó, nói chung, giờ đây cũng phải bị lên án chung như là một cái gì đó có tính chất *xã hội chủ nghĩa.* Chừng nào mà sự thống trị của giai cấp tư sản chưa được tổ chức đầy đủ, chưa có được biểu hiện chính trị thuần túy của nó, thì sự đối kháng của cái giai cấp khác chống giai cấp tư sản cũng không thể biểu hiện ra dưới một dạng thuần túy được, và ở chỗ nào mà sự đối kháng ấy biểu hiện ra thì nó cũng không thể mang hình thức một bước ngoặt nguy hiểm trong đó mọi cuộc đấu tranh chống quyền lực nhà nước biến thành một cuộc đấu tranh chống tư bản. Nếu giai cấp tư sản coi mọi biểu hiện của đời sống xã hội là một mối nguy cho sự "yên tĩnh", thì làm sao nó lại có thể muốn duy trì đứng đầu xã hội cái *chế độ không yên tĩnh*, cái chế độ của bản thân

nó, tức là *chế độ đại nghị,* cái chế độ mà theo như lời một diễn giả của giai cấp ấy thì chỉ có sống trong đấu tranh và nhờ có đấu tranh thôi? Làm sao chế độ đại nghị, sống bằng những cuộc tranh luận, lại có thể cấm tranh luận được? Trong chế độ này, mỗi lợi ích, mỗi thiết chế xã hội đều biến thành một tư tưởng chung, và được luận giải như là một tư tưởng, - vậy thì làm thế nào một lợi ích nào đó, một thiết chế nào đó lại có thể vượt lên trên tư duy và buộc người ta phải tiếp nhận như một tín điều được? Cuộc khẩu chiến trên diễn đàn gây nên những cuộc bút chiến trên báo chí, câu lạc bộ tranh luận ở nghị trường nhất thiết phải được bổ sung bằng những câu lạc bộ tranh luận ở các phòng khách và các quán rượu; các nghị viện, thường xuyên viện đến ý kiến của nhân dân, đang đem lại cho ý kiến của nhân dân cái quyền nói lên ý kiến thực sự của mình trong các thư thỉnh nguyện. Chế độ đại nghị giao tất cả cho đa số quyết định, vậy thì lẽ nào đại đa số quần chúng ở ngoài nghị viện lại không muốn chính mình cũng quyết định? Nếu trên đỉnh cao của nhà nước, người ta chơi vĩ cầm, thì làm sao lại có thể ngạc nhiên khi thấy những người đứng bên dưới nhảy múa?

Như vậy, khi lên án là *"xã hội chủ nghĩa"* những cái trước kia nó ca tụng là *"tự do chủ nghĩa",* giai cấp tư sản đồng thời cũng công nhận rằng lợi ích riêng của nó đòi hỏi nó phải tránh những nguy cơ của *chế độ tự quản;* rằng muốn lập lại sự yên tĩnh ở trong nước, thì trước hết phải làm cho nghị trường tư sản yên tĩnh đã; rằng muốn duy trì nguyên vẹn quyền lực xã hội của nó thì nó phải đập tan quyền lực chính trị của nó đi; rằng những người tư sản riêng biệt chỉ có thể tiếp tục bóc lột các giai cấp khác và yên hưởng những phúc lợi của tư hữu, gia đình, tôn giáo và trật tự, với điều kiện là giai cấp tư sản, bên cạnh các giai cấp khác, cũng phải ở vào địa vị không có chút quyền lực gì về chính trị; rằng muốn cứu vớt lấy túi bạc của mình thì nó nhất thiết phải vứt bỏ đai vàng mũ ngọc đi, và cái thanh gươm bảo vệ nó đồng thời cũng chẳng khác gì cái thanh gươm Đa-mốc-lốp treo lủng lẳng trên đầu nó vậy.

Trong lĩnh vực những lợi ích chung của giai cấp tư sản, Quốc hội đã tỏ ra bất lực đến nỗi như những cuộc tranh luận về vấn đề xây dựng con đường sắt từ Pa-ri đến A-vi-nôn, chẳng hạn, đã bắt đầu từ mùa đông 1850, thế mà mãi đến ngày 2 tháng Chạp 1851 cũng vẫn chưa ngã ngũ. Ở đâu mà Quốc hội không áp bức và không hành động một cách phản động thì nó rơi vào tình trạng bất lực không thể nào chữa được.

Trong khi nội các của Bô-na-pác-tơ một mặt chủ động đặt ra những đạo luật theo tinh thần của đảng trật tự, và mặt khác áp dụng và thi hành những đạo luật ấy một cách khắc nghiệt hơn nữa, thì về phía mình, tổng thống lại mưu toan gây uy tín bằng cách đưa ra những dự thảo phi lý theo kiểu trẻ con, để tỏ ra là hắn đối lập với Quốc hội, và hắn nói bóng nói gió đến một dự trữ bí mật nào đó mà chỉ vì hoàn cảnh còn tạm thời cản trở nên hắn chưa mở ra được cho nhân dân Pháp những kho tàng cất giấu ở trong đó. Ví dụ như Bô-na-pác-tơ đề nghị tăng lương cho hạ sĩ quan thêm bốn xu một ngày, và dự án lập một "ngân hàng cho vay danh dự" cho công nhân. Tiền bố thí và tiền cho vay - đó là cái triển vọng mà Bô-na-pác-tơ dùng để hòng mê hoặc được quần chúng. Biếu và cho vay tiền - đó là tất cả cái nghệ thuật tài chính của giai cấp vô sản lưu manh, bất luận chúng ở địa vị cao quý hay bình thường. Bô-na-pác-tơ chỉ biết sử dụng có những đòn bẩy ấy mà thôi. Chưa bao giờ một kẻ mưu đồ bá vương lại đi đầu cơ một cách tầm thường như thế cái tâm lý tầm thường của quần chúng.

Quốc hội đã nhiều lần nổi điên lên vì những mưu toan lộ liễu của Bô-na-pác-tơ muốn gây uy tín trên lưng Quốc hội, trước cái nguy cơ ngày càng tăng là cái gã phiêu lưu ấy, bị nợ nần thúc bách và chẳng cần giữ tiếng tăm gì, sẽ dám giở một ngón táo tợn nào đó. Sự bất đồng giữa đảng trật tự và tổng thống đã mang một tính chất nguy hiểm, khi ấy một biến cố bất ngờ xảy đến lại buộc tổng thống hối hận ngả vào vòng tay của đảng trật tự. Chúng tôi muốn nói đến *cuộc tuyển cử bổ sung ngày 10 tháng Ba 1850.*

Cuộc tuyển cử này được tiến hành là để thay thế những nghị sĩ đã bị tù hay bị đi đày sau ngày 13 tháng Sáu. Pa-ri chỉ bầu cho những ứng cử viên của đảng dân chủ - xã hội. Thậm chí Pa-ri còn bỏ phiếu nhiều nhất cho Đơ Phlốt, một người đã tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848. Giai cấp tiểu tư sản Pa-ri, liên minh với giai cấp vô sản, đã trả thù lại cuộc thất bại ngày 13 tháng Sáu 1849 như vậy đó. Giai cấp tiểu tư sản dường như chỉ biến đi trong giây lát hiểm nguy khỏi vũ đài đấu tranh chỉ để rồi xuất hiện trở lại vào thời cơ thuận lợi, với những lực lượng chiến đấu đông hơn, và với một khẩu hiệu táo bạo hơn. Một tình hình nữa dường như làm cho thắng lợi của cuộc tuyển cử này càng thêm nguy hiểm; ở Pa-ri, quân đội bỏ phiếu cho một người tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, mà không bỏ cho La Ít-tơ, một trong những bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ, và ở các tỉnh, đa số quân đội đã bỏ phiếu cho phái Núi, phái này cũng đã thắng các địch thủ của họ cả ở đây nữa, mặc dù là không phải với một ưu thế quyết định như ở Pa-ri.

Bô-na-pác-tơ bỗng nhiên thấy mình mặt đối mặt với cách mạng. Ngày 10 tháng Ba 1850, - cũng như trước kia, ngày 29 tháng Giêng 1849 và ngày 13 tháng Sáu 1849 - hắn lại nấp sau lưng đảng trật tự. Hắn cúi mình khúm núm xin lỗi, tỏ ra sẵn sàng cử bất cứ nội các nào theo lệnh của đa số trong Quốc hội; thậm chí hắn còn van lơn bọn cầm đầu các phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng như bọn Chi-e, Be-ri-ê, Brôi, Mô-lê, tóm lại là những kẻ gọi là các tướng giữ thành[70], cầu khẩn chúng tự mình cầm lấy tay lái của con thuyền quốc gia. Đảng trật tự đã không biết nắm lấy cơ hội ngàn năm có một ấy. Chẳng những họ không biết mạnh dạn nắm lấy chính quyền mà người ta đã dâng cho họ, mà thậm chí cũng không biết buộc Bô-na-pác-tơ phải phục hồi cái nội các mà hắn đã bãi bỏ ngày 1 tháng Mười một; họ tự thỏa mãn với việc làm nhục Bô-na-pác-tơ bằng cách xá lỗi cho hắn và đưa ông *Ba-rô-sơ* vào nội các đ'Ô-pu-lơ. Chính ngài Ba-rô-sơ này, trước kia với tư cách là ủy viên công tố trong Pháp viện tối cao ở Buốc-giơ,

đã thẳng tay buộc tội, lần thứ nhất, những người cách mạng trong sự biến ngày 15 tháng Năm, và lần thứ hai, những người dân chủ trong sự biến ngày 13 tháng Sáu; cả hai lần, hắn đều buộc những người đó vào tội mưu hại Quốc hội. Ấy thế mà về sau này, không một bộ trưởng nào trong nội các của Bô-na-pác-tơ lại làm nhục Quốc hội hơn là Ba-rô-sơ, và, sau ngày 2 tháng Chạp 1851, chúng ta lại thấy tên ấy giữ cái chức vị cao và được trả lương hậu là chức vị phó chủ tịch thượng nghị viện. Ba-rô-sơ đã nhổ vào món xúp của những người cách mạng để cho Bô-na-pác-tơ có thể ăn món xúp đó.

Về phía đảng dân chủ - xã hội thì hình như họ chỉ tìm cơ hội để đem sự thắng lợi của họ ra đánh bài may rủi và làm giảm giá trị cuộc thắng lợi ấy. Vi-đan, một trong những nghị sĩ Pa-ri mới trúng cử, đồng thời cũng trúng cử ở Stơ-ra-xbua. Đảng này thuyết phục Vi-đan khước từ việc trúng cử ở Pa-ri để tiếp nhận việc trúng cử ở Stơ-ra-xbua. Như vậy, đáng lẽ phải làm cho thắng lợi của mình trong cuộc bầu cử có một tính chất quyết định và, do đó, buộc đảng trật tự phải tức khắc đấu tranh với mình trong nghị viện, đáng lẽ phải buộc địch thủ của mình phải giao chiến với mình trong lúc nhân dân đang đầy phấn khởi và tinh thần trong quân đội đang thuận lợi, thì đảng dân chủ lại làm cho nhân dân Pa-ri mệt mỏi vì một cuộc vận động tranh cử mới suốt trong tháng Ba và tháng Tư; nó đã để cho nhiệt tình đã được kích thích của nhân dân bị khô kiệt đi trong tấn trò tranh cử mới nhất thời đó, đã làm cho nghị lực cách mạng bị dập tắt đi bởi những thành tựu hợp hiến, đã lãng phí nó vào những âm mưu nhỏ nhặt, vào những lời tuyên bố rỗng tuếch và vào một phong trào hư ảo; nó đã để cho giai cấp tư sản có thời giờ hồi tỉnh lại, và tìm cách đối phó; cuối cùng, nó đã làm giảm ý nghĩa của cuộc tuyển cử tháng Ba bằng sự bình luận đa cảm của cuộc tuyển cử bổ sung hồi tháng Tư, bằng việc bầu cho Ơ-gien Xuy. Nói tóm lại, đảng dân chủ đã chơi cho ngày 10 tháng Ba một vố đánh lừa như trong tiết mồng một tháng Tư.

Phe đa số ở Quốc hội đã biết rõ chỗ yếu của đối phương. Mười bẩy vị tướng giữ thành của đảng trật tự - vì Bô-na-pác-tơ đã cho phép đảng này chỉ huy và chịu trách nhiệm về cuộc tấn công - liền thảo ra một đạo luật tuyển cử mới, và giao cho ông Phô-sê - người muốn được cái vinh dự này - đưa ra trước Quốc hội. Ngày 8 tháng Năm, hắn đệ trình dự luật bãi bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông, đòi cử tri phải cư trú đủ ba năm nơi bầu cử, hơn nữa lại đặt việc xác nhận thời gian cư trú của công nhân tùy thuộc vào giấy chứng nhận của những người chủ của họ.

Trong cuộc tranh cử theo khuôn khổ hiến pháp, đảng dân chủ càng xao xuyến và sôi sục cách mạng bao nhiêu, thì bây giờ đây, khi cần phải cầm vũ khí trong tay để chứng minh ý nghĩa trọng đại của thắng lợi của họ trong cuộc tuyển cử, họ lại tuyên truyền một cách hợp hiến bấy nhiêu cho trật tự, cho sự bình tĩnh trang nghiêm (calme majestueux), cho phương thức hành động hợp pháp, nghĩa là cho việc nhắm mắt phục tùng ý chí của bọn phản cách mạng đang tự gọi mình là pháp luật. Trong các cuộc tranh luận, phái Núi đã làm cho đảng trật tự phải xấu hổ bằng cách đem thái độ vô tư của một tiểu thị dân trung thực trên miếng đất luật pháp để đối lập lại với thái độ hăng say cách mạng của đảng trật tự, và đánh cho đảng đó một đòn thí mạng bằng cách trách cứ nó một cách đáng sợ là đã hành động theo kiểu cách mạng. Cả đến những nghị sĩ mới trúng cử cũng hết sức giữ một thái độ lịch sự và biết điều để chứng tỏ rằng thật là bất công biết bao nếu bêu giếu họ là những phần tử vô chính phủ và coi việc họ được tái cử vào Quốc hội là một thắng lợi của cách mạng. Ngày 31 tháng Năm, dự luật mới về chế độ tuyển cử được thông qua. Phái Núi tự thỏa mãn với việc lén lút nhét một bản kháng nghị vào túi áo chủ tịch Quốc hội. Tiếp theo đạo luật về chế độ tuyển cử, là một đạo luật mới về báo chí, thủ tiêu hoàn toàn mọi báo chí cách mạng[71]. Báo chí cách mạng thực đã đáng kiếp. Sau nạn hồng thủy này, còn lại hai tờ báo tư sản "National" và "Presse"[72] với tư cách là những tiền đồn xa nhất của cách mạng.

Chúng ta đã thấy, hồi tháng Ba và tháng Tư, các thủ lĩnh phái dân chủ đã làm tất cả để đưa nhân dân Pa-ri vào một cuộc đấu tranh giả tưởng cũng giống như sau ngày 8 tháng Năm họ đã làm tất cả để giữ không cho nhân dân Pa-ri đấu tranh thật sự. Hơn nữa, cũng không nên quên rằng năm 1850 là thời kỳ phồn vinh nhất về công nghiệp và thương nghiệp, vì thế giai cấp vô sản Pa-ri đã có việc làm đầy đủ. Nhưng đạo luật tuyển cử ngày 31 tháng Năm 1850 đã gạt giai cấp vô sản ra khỏi việc tham gia chính quyền. Thậm chí nó còn ngăn không để cho giai cấp vô sản đến trường đấu tranh. Đạo luật ấy đẩy lùi công nhân trở lại cái địa vị những người cùng khổ mà họ đã ở vào trước cuộc cách mạng tháng Hai. Đứng trước một sự kiện như vậy, khi tự để cho các lãnh tụ dân chủ điều khiển mình, và quên mất lợi ích cách mạng của giai cấp mình vì một phúc lợi nhất thời, công nhân đã khước từ cái vinh dự là một lực lượng chinh phục, họ đã chịu khuất phục số mệnh, đã chứng tỏ rằng cuộc thất bại hồi tháng Sáu 1848 đã làm cho họ mất khả năng chiến đấu trong nhiều năm, và tiến trình lịch sử trong thời gian tới một lần nữa lại phải *vượt qua* đầu họ mà tiếp tục tiến lên. Còn về phần phái dân chủ tiểu tư sản, những người đã kêu lên trong ngày 13 tháng Sáu: "Hãy cứ thử động đến chế độ đầu phiếu phổ thông xem, hãy cứ động đến xem!", thì bây giờ họ lại tự an ủi rằng miếng đòn mà bọn phản cách mạng đã đánh vào họ hoàn toàn không phải là một miếng đòn, và đạo luật ngày 31 tháng Năm hoàn toàn không phải là một đạo luật. Ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm 1852, mỗi người dân Pháp sẽ đi đến nơi bỏ phiếu, một tay cầm lá phiếu, một tay cầm gươm. Phái dân chủ đã tự an ủi mình bằng lời tiên tri ấy. Sau hết, quân đội cũng bị cấp trên của họ trừng trị vì cuộc tuyển cử hồi tháng Ba và tháng Tư 1850, cũng như họ đã bị trừng trị vì những cuộc tuyển cử ngày 28 tháng Năm l849. Nhưng lần này, quân đội dứt khoát tự bảo mình rằng: "Cách mạng sẽ không lừa dối chúng ta lần thứ ba nữa đâu!"

Đạo luật ngày 31 tháng Năm 1850 là một coup d'état của giai cấp tư sản. Tất cả những thắng lợi trước kia của giai cấp tư sản

đối với cách mạng chỉ có một tính chất tạm thời. Những thắng lợi ấy trở thành đáng nghi vấn, mỗi lần Quốc hội hiện tại bước ra khỏi diễn đài. Những thắng lợi ấy đều tùy thuộc ở những sự ngẫu nhiên của các cuộc tổng tuyển cử mới, và lịch sử những cuộc tuyển cử, từ năm 1848, đã chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng sự thống trị thực tế của giai cấp tư sản càng củng cố bao nhiêu thì sự thống trị tinh thần của giai cấp này đối với quần chúng nhân dân lại càng giảm sút bấy nhiêu. Quyền đầu phiếu phổ thông ngày 10 tháng Ba đã biểu thị thái độ trực tiếp chống lại sự thống trị của giai cấp tư sản, - giai cấp tư sản bèn trả lời lại bằng cách xóa bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông. Do đó, đạo luật ngày 31 tháng Năm là một trong những biểu hiện tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp. Mặt khác, hiến pháp đã quy định rằng, muốn cho cuộc bầu cử tổng thống nước Cộng hòa được công nhận là có giá trị, thì tối thiểu phải có được 2 triệu phiếu. Trong trường hợp không có ai trong những người ứng cử tổng thống có đủ số phiếu tối thiểu ấy, thì Quốc hội được quyền lựa chọn một trong năm người được nhiều phiếu nhất làm tổng thống. Vào lúc Quốc hội lập hiến đưa ra đạo luật ấy, thì có 10 triệu người được ghi tên trong các danh sách cử tri. Do đó, theo tinh thần của đạo luật ấy, chỉ cần một phần năm tổng số những người được quyền bỏ phiếu cho cũng đủ khiến việc bầu cử tổng thống có giá trị. Đạo luật ngày 31 tháng Năm đã gạt bỏ ít nhất là 3 triệu cử tri khỏi danh sách bầu cử, đã thu hẹp con số cử tri lại còn 7 triệu người, nhưng vẫn giữ con số tối thiểu hợp pháp là 2 triệu lá phiếu đối với việc bầu cử tổng thống. Như vậy, đạo luật ấy đã tăng con số tối thiểu hợp pháp từ một phần năm tổng số phiếu lên gần một phần ba tổng số phiếu, nghĩa là nó làm đủ mọi cách để lén lút chuyển việc bầu cử tổng thống từ tay nhân dân vào tay Quốc hội. Do vậy, đảng trật tự dường như đã nhờ đạo luật tuyển cử ngày 31 tháng Năm mà đã củng cố sự thống trị của mình được thêm gấp đôi, bằng cách giao phó việc tuyển cử Quốc hội và tuyển cử tổng thống nước cộng hòa cho bộ phận bảo thủ trong xã hội.

V

Khi cuộc khủng hoảng cách mạng đã qua và chế độ đầu phiếu phổ thông đã bị bãi bỏ thì cuộc đấu tranh giữa Quốc hội và Bô-na-pác-tơ lại tiếp diễn ngay.

Hiến pháp đã ấn định số lương bổng của Bô-na-pác-tơ là 600000 phrăng. Sau khi giữ chức tổng thống chưa đầy sáu tháng, Bô-na-pác-tơ đã làm cho số tiền ấy tăng lên gấp đôi. Thực vậy, Ô-đi-lông Ba-rô đã bắt Quốc hội lập hiến phụ cấp thêm một số tiền hàng năm 600000 phrăng cho cái gọi là những chi phí tiếp tân. Sau ngày 13 tháng Sáu, Bô-na-pác-tơ lại đưa ra những yêu cầu như thế nữa, nhưng lần này Ba-rô không đồng tình. Giờ đây, sau ngày 31 tháng Năm, hắn lập tức lợi dụng cơ hội thuận lợi và ra lệnh cho các bộ trưởng của hắn đề nghị với Quốc hội chuẩn y số tiền lương 3 triệu phrăng trong một năm. Cuộc đời lang bạt lâu ngày của một kẻ phiêu lưu đã tạo ra cho hắn cái tài đánh hơi cực kỳ nhạy bén, khiến hắn có thể chớp được những thời điểm gay go để moi tiền của những tay tư sản. Hắn đã làm công việc tống tiền một cách hợp lệ. Quốc hội với sự giúp sức và đồng lõa của hắn đã xúc phạm đến chủ quyền của nhân dân. Hắn dọa sẽ tố giác tội ác đó trước tòa án nhân dân nếu Quốc hội không chịu mở túi tiền ra và mua lấy sự làm thinh của hắn bằng số tiền 3 triệu hàng năm. Quốc hội đã tước quyền bầu cử của 3 triệu người Pháp. Cứ mỗi người

Pháp bị mất giá trị về mặt chính trị, Bô-na-pác-tơ lại đòi phải trả một phrăng có đầy đủ giá trị, như vậy là vừa đúng 3 triệu phrăng. Hắn là người được 6 triệu nhân dân bầu lên, hắn đòi số tiền thưởng về những lá phiếu mà về sau người ta đã đánh cắp của hắn. Ủy ban thường trực Quốc hội đã khước từ con người hay quấy rầy ấy. Báo chí của phe Bô-na-pác-tơ liền đe dọa. Liệu Quốc hội có thể đoạn tuyệt với tổng thống nước cộng hòa được chăng, một khi chính Quốc hội đã đoạn tuyệt một cách cơ bản và dứt khoát với quần chúng trong nước? Quả thật là Quốc hội đã bác số lương bổng hàng năm, nhưng lại chuẩn y một số tiền phụ cấp một lần thôi là 2160000 phrăng. Như thế là Quốc hội đã phạm tội hai lần nhu nhược: một mặt đã đồng ý cấp tiền, và mặt khác bằng thái độ bực bội của mình, Quốc hội đã tỏ ra là chỉ đồng ý một cách bất đắc dĩ. Sau này, chúng ta sẽ biết Bô-na-pác-tô cần dùng số tiền kia để làm gì. Sau cái kết cục khó chịu đó, diễn ra ngay sau việc bãi bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông và trong đó Bô-na-pác-tơ đã thay cái thái độ quỵ lụy của hắn trong thời gian cuộc khủng hoảng hồi tháng Ba và tháng Tư bằng một thái độ thách thức ngạo mạn đối với nghị viên tiếm quyền, thì Quốc hội nghỉ họp 3 tháng, từ ngày 11 tháng Tám đến ngày 11 tháng Mười một. Quốc hội cử một ban thường trực để làm việc thay cho mình gồm 28 ủy viên, trong đó không có một người nào của cánh Bô-na-pác-tơ, nhưng lại có một số người thuộc phái cộng hòa ôn hòa. Ban thường trực Quốc hội năm 1849 chỉ gồm toàn những người của đảng trật tự và của cánh Bô-na-pác-tơ. Nhưng hồi đó, đảng trật tự tuyên bố thường xuyên chống lại cách mạng. Lần này thì chính cái chế độ cộng hòa đại nghị lại tuyên bố thường xuyên chống lại tổng thống. Sau khi đạo luật ngày 31 tháng Năm đã ban hành, đảng trật tự chỉ còn đương đầu với địch thủ duy nhất ấy nữa thôi.

Khi Quốc hội lại họp trở lại vào tháng Mười một 1850, thì thay cho những cuộc va chạm nhỏ trước kia giữa Quốc hội và tổng thống, giờ đây hình như không thể tránh khỏi một cuộc ác chiến, một cuộc đấu tranh một mất một còn giữa hai thế lực ấy.

Cũng như năm 1849, trong vụ nghỉ của nghị viện năm nay, đảng trật tự lại chia thành từng nhóm khác nhau, mỗi nhóm đều âm mưu lập lại dòng vua của mình, - những âm mưu đó lại có được một miếng đất nuôi dưỡng mới nhân cái chết của Lu-i-Phi-líp. Tên vua của phái chính thống, Hăng-ri V, thậm chí còn thành lập một nội các hẳn hoi đóng tại Pa-ri, trong đó có cả những ủy viên của ủy ban thường trực Quốc hội tham gia. Vì vậy, về phía mình, Bô-na-pác-tơ cũng có quyền tổ chức những cuộc đi kinh lý các tỉnh nước Pháp, và tùy theo tâm trạng dân chúng trong những thành phố được vinh dự đón tiếp hắn, khi thì kín đáo, khi thì công khai, thổ lộ kế hoạch phục tích của hắn và tranh thủ các lá phiếu cho bản thân. Trong những cuộc đi kinh lý như thế, - những cuộc kinh lý mà lẽ dĩ nhiên tờ báo lớn chính thức, tờ "Moniteur"[73], và những tờ báo nhỏ riêng của Bô-na-pác-tơ đã ca tụng như những cuộc diễu hành thắng lợi, - Bô-na-pác-tơ đã luôn luôn được bọn hội viên *Hội ngày 10 tháng Chạp* cùng đi theo. Hội này được thành lập năm 1849. Lấy cớ lập một hội từ thiện, người ta đã tổ chức bọn vô sản lưu manh ở Pa-ri thành những nhóm bí mật, mỗi nhóm do một tên tay sai của Bô-na-pác-tơ lãnh đạo, còn đứng đầu toàn hội đó là một viên tướng thuộc phái Bô-na-pác-tơ. Trong hội đó, bên cạnh những bọn ăn chơi đã sạt nghiệp, với nguồn sinh sống mập mờ và lai lịch cũng khả nghi, bên cạnh những tay du thủ du thực trong số những cặn bã thối nát của giai cấp tư sản, người ta thấy có những tên du đãng, những lính tráng bị thải hồi, những tù hình sự được tha, tù khổ sai vượt ngục, những tên bịp bợm, những tên hề, những lát-xa-rô-ni, những tên móc túi, những tên làm trò ảo thuật, những tay cờ bạc, những tên ma cô, những tên trùm nhà thổ, những phu khuân vác, những bọn bồi bút, những kẻ quay đàn hộp rong, những kẻ đi nhặt giẻ rách, những người mài dao kéo, những người hàn nồi, những người ăn mày, - nói tóm lại, là tất cả cái đám người vô định, ô hợp, bị hoàn cảnh xô đẩy từ chỗ này qua chỗ kia, mà người Pháp gọi là

la bohème[1*]. Bằng những phần tử gần gũi với hắn như thế, Bô-na-pác-tơ đã tạo nên cái bộ phận trung kiên của Hội ngày 10 tháng Chạp, tức là "Hội từ thiện" bởi vì tất cả các hội viên, cũng hệt như Bô-na-pác-tơ, đều cảm thấy nhu cầu phải thỏa mãn bản thân bằng cách sống dựa trên lưng quần chúng lao động trong nước. Cái gã Bô-na-pác-tơ trở thành *kẻ đứng đầu giai cấp vô sản lưu manh*, chỉ trong giai cấp đó mới tìm thấy, dưới một hình thức đông đảo, những lợi ích mà chính bản thân hắn hằng theo đuổi; cái gã coi chính cái đám rác rưởi ấy, cái cặn bã ấy, của tất cả mọi giai cấp xã hội, là giai cấp duy nhất mà hắn có thể hoàn toàn dựa vào được, - chính gã đó mới là Bô-na-pác-tơ thật sự, Bô-na-pác-tơ sans phrase[2*].

Là một tên phóng đãng già bất trị, hắn coi cuộc sống lịch sử của các dân tộc và tất cả những tấn kịch của nó như là một tấn hài kịch theo cái nghĩa tầm thường nhất của danh từ này, như một vũ hội hóa trang, trong đó những bộ quần áo lộng lẫy, những câu nói, những cử chỉ chỉ dùng để che giấu những hành vi đê tiện nhất mà thôi. Ví dụ, trong cuộc đi của hắn đến Stơ-ra-xbua, con diều hâu Thụy Sĩ thuần dưỡng đã đóng vai con phượng hoàng Na-pô-lê-ông. Khi hắn đổ bộ lên Bu-lông, hắn đã cho mấy tên đầy tớ người Luân Đôn mặc binh phục Pháp, để đóng vai quân đội[74]. Trong cái Hội ngày 10 tháng Chạp của hắn, Bô-na-pác-tơ đã tập hợp được 10000 tên du thủ du thực, để đóng vai nhân dân, hệt như anh chàng thợ dệt O-xnô-va[75] định đóng vai sư tử vậy. Giữa lúc mà chính ngay giai cấp tư sản đang đóng một tấn hài kịch thuần túy, nhưng đóng một cách nghiêm chỉnh nhất, không vi phạm một quy tắc nào trong những quy tắc rởm đời nhất của kịch trường Pháp, giữa lúc mà bản thân giai cấp tư sản đang nửa bị lừa gạt, nửa bị thuyết phục bởi sự trịnh trọng trang nghiêm của những trò đóng kịch của họ, - giữa lúc như thế, thì đương nhiên

1* - dân lang thang, lưu đãng

2* - chính cống.

là tên phiêu lưu ấy phải thắng họ, vì hắn coi hài kich hoàn toàn chỉ là hài kịch thôi. Chỉ sau khi hắn đã thanh toán được kẻ địch trịnh trọng của hắn, khi đến lượt mình hắn coi cái vai trò hoàng đế của hắn là một việc nghiêm chỉnh và tưởng rằng mình là Na-pô-lê-ông thật dưới cái mặt nạ Na-pô-lê-ông, - thì lúc đó chính hắn mới trở thành nạn nhân của thế giới quan của hắn, trở thành anh chàng hề nghiêm nghị không còn coi lịch sử toàn thế giới là một tấn hài kịch nữa, mà lại coi chính tấn hài kịch của hắn là lịch sử toàn thế giới. Những công xưởng quốc gia trước kia có ý nghĩa như thế nào đối với những công nhân xã hội chủ nghĩa, đội cận vệ cơ động trước kia có ý nghĩa như thế nào đối với bọn cộng hòa tư sản thì Hội ngày 10 tháng Chạp, lực lượng chiến đấu có tính chất đảng phái, riêng của Bô-na-pác-tơ, cũng có ý nghĩa như thế ấy đối với hắn. Trong những cuộc kinh lý của hắn, những hội viên của tổ chức đó được bố trí thành từng nhóm tại các ga xe lửa, phải đóng vai quần chúng không chuẩn bị từ trước, biểu hiện nhiệt tình của nhân dân, hò hét: "Vive l'Empereur!"[1*], sỉ nhục và đánh đập những người cộng hòa - dĩ nhiên là với sự che chở của cảnh sát.

Khi Bô-na-pác-tơ trở về Pa-ri, đám hội viên Hội ngày 10 tháng Chạp lại có trách nhiệm làm đội tiền vệ, ngăn chặn hoặc giải tán những cuộc biểu tình thù địch. Hội ngày 10 tháng Chạp là của riêng của Bô-na-pác-tơ, là tác phẩm *của hắn,* là tư tưởng thật sự của hắn. Còn trong tất cả những cái khác thì những cái mà Bô-na-pác-tơ chiếm đoạt được đều là nhờ hoàn cảnh đưa đến cho hắn, những cái mà hắn làm được đều là nhờ hoàn cảnh làm hộ cho hắn, hoặc giả hắn chỉ làm cái việc là rập theo hành động của người khác mà thôi. Nhưng công khai tung ra trước bọn tư sản những câu nói chính thức về trật tự, tôn giáo, gia đình, sở hữu, và bí mật dựa vào cái hội của những tên Su-phte-lơ và Spi-ghen-béc-gơ[76], vào cái hội của sự vô trật tự, đĩ điếm và trộm

---

1* - "Hoàng đế muôn năm!"

cấp, - thì ở đây Bô-na-pác-tơ là một kẻ độc đáo, và lịch sử của Hội ngày 10 tháng Chạp là lịch sử của chính hắn ta. Thậm chí đã có lần xảy ra một trường hợp đặc biệt: một số nghị sĩ của đảng trật tự được nếm gậy của những hội viên Hội ngày 10 tháng Chạp. Hơn thế nữa, viên cảnh sát trưởng I-ông, người được ủy nhiệm bảo vệ sự an ninh của Quốc hội, đã căn cứ theo lời khai của một tên A-le nào đấy mà báo cáo với ủy ban thường trực Quốc hội rằng một chi hội của Hội ngày 10 tháng Chạp đã quyết định ám sát tướng Săng-gác-ni-ê và Đuy-panh, chủ tịch Quốc hội, và đã chỉ định những người để thi hành quyết định ấy. Có thể hình dung ông Đuy-panh đã hoảng sợ đến mức nào. Một cuộc điều tra của Quốc hội về Hội ngày 10 tháng Chạp, tức là việc vạch trần cái thế giới bí mật của Bô-na-pác-tơ, dường như không tránh khỏi. Lập tức ngay trước khi Quốc hội họp, Bô-na-pác-tơ liền thận trọng giải tán cái hội của hắn đi, nhưng cố nhiên là chỉ giải tán trên giấy tờ, vì mãi cho đến cuối năm 1851, viên cảnh sát trưởng Các-li-ê trong một bản báo cáo tỉ mỉ, vẫn còn ra sức - nhưng vô hiệu - khuyên Bô-na-pác-tơ giải tán thực sự cái hội ấy đi.

Hội ngày 10 tháng Chạp vẫn cứ là đội quân riêng của Bô-na-pác-tơ cho mãi đến khi hắn biến được quân đội quốc gia thành Hội ngày 10 tháng Chạp. Bô-na-pác-tơ thực hiện mưu toan đầu tiên theo hướng ấy sau khi Quốc hội vừa nghỉ được ít lâu, hơn nữa là bằng số tiền vừa bóp nặn được chính ngay của Quốc hội. Là một kẻ tin vào định mệnh, hắn cho rằng có những sức mạnh tối cao nào đó mà con người, nhất là người lính, không thể nào chống cự lại được. Trong số những sức mạnh tối cao ấy, cái mà hắn xếp vào hàng đầu là xì gà và rượu sâm banh, thịt gia cầm nguội, và xúc xích ướp tỏi. Bởi thế cho nên hắn khởi sự bằng cách đãi các sĩ quan và hạ sĩ quan các món thịt gia cầm nguội, và xúc xích ướp tỏi tại các phòng khách của điện Ê-li-dê. Ngày 3 tháng Mười, hắn giở lại cái trò ấy đối với quân đội trong cuộc duyệt binh ở Xanh - Mô-rê, và ngày 10 tháng Mười, trong cuộc duyệt binh ở Xa-tô-ri, hắn lại giở cái trò ấy ra một lần nữa với một quy mô còn rộng

lớn hơn. Trước kia người bác nhớ đến những cuộc hành quân của A-lếch-xan-đrơ ở châu Á, thì nay người cháu lại nhớ đến những cuộc chinh phạt Va-cu-xơ cũng ở đất nước ấy. Nhưng thật ra A-lếch-xan-đrơ chỉ là một á thần, chứ Va-cu-xơ lại là một vị thần chính cống và, hơn thế nữa, là vị thần bảo hộ Hội ngày 10 tháng Chạp.

Sau cuộc duyệt binh ngày 3 tháng Mười, ủy ban thường trực Quốc hội triệu tập Bộ trưởng chiến tranh đ'Ô-pu-lơ đến để chất vấn. Đ'Ô-pu-lơ hứa rằng những việc vi phạm kỷ luật như thế sẽ không xảy ra nữa. Mọi người đều biết là trong ngày 10 tháng Mười. Bô-na-pác-tơ đã giữ lời hứa của đ'Ô-pu-lơ như thế nào. Tướng Săng-gác-ni-ê, với tư cánh là tổng tư lệnh quân đội Pa-ri, đã chỉ huy hai cuộc duyệt binh nói trên. Vừa là một ủy viên trong ủy ban thường trực Quốc hội, vừa là tư lệnh đội cận vệ quốc gia, là vị “cứu tinh” của ngày 29 tháng Giêng và 13 tháng Sáu, là “thành trì của xã hội”, là người của đảng trật tự đưa ra ứng cử tổng thống, được coi là tướng Môn-cơ của hai triều đại quân chủ, Săng-gác-ni-ê từ trước tới nay chưa bao giờ thừa nhận là mình phải phục tùng Bộ trưởng chiến tranh, hắn luôn luôn ra mặt chế giễu hiến pháp cộng hòa và theo dõi Bô-na-pác-tơ với một thái độ bảo hộ kiêu ngạo và mập mờ nước đôi. Thế mà bấy giờ Săng-gác-ni-ê bỗng nhiệt tình bảo vệ kỷ luật chống lại Bộ trưởng chiến tranh, và bảo vệ hiến pháp chống lại Bô-na-pác-tơ. Ngày 10 tháng Mười, khi một đơn vị kỵ binh hô lên: “Vive Napoléon! Vivent les saucissons!”[1*], thì Săng-gác-ni-ê đã ra lệnh khiến cho ít ra là số bộ binh đang điều hành dưới quyền chỉ huy của bạn mình là tướng Nơ-may-ơ, cũng phải im lặng như tờ. Để trừng phạt tướng Nơ-may-ơ, Bộ trưởng chiến tranh, theo lời xui giục của Bô-na-pác-tơ, đã cách chức của Nơ-may-ơ ở Pa-ri, lấy cớ là giao cho y việc chỉ huy sư đoàn 14 và sư đoàn 15. Nơ-may-ơ không chịu nhận sự thuyên chuyển ấy và do đó, đã buộc phải từ chức. Về phần Săng-gác-ni-ê

1* - “Na-pô-lê-ông muôn năm! Xúc-xích muôn năm!”

thì, ngày 2 tháng Mười một, hắn đã công bố một bản nhật lệnh cấm quân đội khi đứng trong hàng ngũ thì không được la ó và biểu tình chính trị. Các báo ủng hộ Ê-li-dê[77] liền công kích Săng-gác-ni-ê, các báo thuộc đảng trật tự lại công kích Bô-na-pác-tơ, ủy ban thường trực Quốc hội mở hết phiên họp kín này đến phiên họp kín khác, trong đó người ta đã nhiều lần đề nghị tuyên bố Tổ quốc lâm nguy; quân đội hình như chia thành hai phe đối địch nhau , với hai bộ tham mưu đối địch, một bộ tham mưu đóng ở điện Ê-li-dê là nơi ở của Bô-na-pác-tơ, còn bộ tham mưu khác thì đóng ở điện Tuyn-lơ-ri là nơi ở của Săng-gác-ni-ê. Hình như người ta chỉ còn chờ Quốc hội họp là ra hiệu lệnh chiến đấu. Công chúng Pháp đã đánh giá những sự va chạm giữa Bô-na-pác-tơ và Săng-gác-ni-ê giống như một ký giả Anh kia đã nhận định tính chất của những cuộc va chạm ấy như sau:

"Các con sen chính trị của nước Pháp dùng chổi cùn để quét phún thạch nóng bỏng của cách mạng, và cãi lộn nhau om sòm trong khi làm công việc ấy".

Trong thời gian đó, Bô-na-pác-tơ vội vàng cách chức Bộ trưởng chiến tranh đ'Ô-pu-lơ và phái ngay đ'Ô-pu-lơ sang An-giê-ri, đồng thời cử tướng Sram giữ chức Bộ trưởng chiến tranh thay đ'Ô-pu-lơ. Ngày 12 tháng Mười một, Bô-na-pác-tơ gửi cho Quốc hội một bức thông điệp trường giang đại hải theo kiểu Mỹ, đầy những chuyện lặt vặt, sặc mùi trật tự, khao khát điều hòa, ngoan ngoãn phục tùng hiến pháp, bàn đến tất cả mọi việc chỉ trừ những questions brulantes[1*] trước mắt. Trong bức thông điệp ấy, hắn tựa hồ nhân tiện mà nhận xét rằng, theo quy đinh rõ ràng của hiến pháp, thì chỉ một mình tổng thống là có quyền sử dụng quân đội. Bản thông điệp kết thúc bằng những lời tuyên bố trịnh trọng như sau:

"*Nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh... Riêng một mình ràng buộc bởi lời tuyên thệ, tôi sẽ giữ đúng giới hạn chật hẹp mà lời tuyên thệ đã vạch cho tôi...* Về phần tôi, được nhân dân bầu lên, và chỉ nhờ nhân dân tôi mới có quyền hành, tôi sẽ luôn luôn phục tùng ý chí của nhân dân biểu thị một cách hợp pháp. Nếu trong phiên họp này, quý ngài định

1* - những vấn đề nóng hổi

xét lại hiến pháp, thì một Quốc hội lập hiến sẽ được triệu tập để quy định vị trí của quyền hành pháp. Nếu không thì năm 1852, nhân dân sẽ trịnh trọng công bố quyết định của mình. Nhưng dù cho tương lai sẽ định đoạt như thế nào chăng nữa, chúng ta cũng hãy cứ đồng tâm nhất trí với nhau để đừng bao giờ lòng hăng say, sự bất ngờ hay bạo lực quyết định vận mệnh một dân lộc lớn... Điều khiến cho tôi quan tâm trước tiên, không phải là vấn đề ai sẽ lên cầm quyền ở Pháp năm 1852, mà là vấn đề dùng cái thời gian mà tôi chi phối được để làm cho từ nay tới đó sẽ không xảy ra một sự náo động và rối loạn nào. Tôi đã chân thành tỏ bày tâm sự với quý ngài, mong rằng quý ngài sẽ đáp lại sự chân thành của tôi bằng tấm lòng tin cậy của quý ngài, đáp lại thiện ý của tôi bằng sự hợp tác của quý ngài, còn thì sẽ do Thượng đế định đoạt".

Lời lẽ lương thiện, ôn hòa giả dối, đầy những sáo ngữ nhân từ của giai cấp tư sản, đã bộc lộ cái ý nghĩa hết sức sâu xa của nó trong cửa miệng của tên vua chuyên chế đó của Hội ngày 10 tháng Chạp, và của vị anh hùng của các cuộc cắm trại ở Xanh - Mô-re và Xa-tô-ri.

Các tướng giữ thành của đảng trật tự không một phút nào lầm lẫn về việc những lời giãi bày tâm sự ấy đáng tin đến mức nào. Từ lâu họ đã chán tai với những lời thề thốt rồi, vì trong bọn họ có những tay kỳ cựu, tài hoa về nghề phản bội lời thề chính trị, còn những lời lẽ nói về quân đội cũng không lọt khỏi sự chú ý của bọn họ. Họ lấy làm phẫn nộ nhận thấy bức thông điệp kể lể dài dòng những đạo luật vừa mới ban hành, nhưng lại cố tình làm ngơ không đả động đến đạo luật quan trọng nhất, tức là đạo luật bầu cử; hơn thế nữa: trong trường hợp không có việc xét lại hiến pháp, đạo luật ấy lại trao cho nhân dân quyền bầu cử tổng thống trong năm 1852. Luật bầu cử là một quả tạ nặng đeo vào chân đảng trật tự, cản trở bước đi của nó, và lại càng cản trở nó trong các trận xung kích! Thêm nữa, khi chính thức giải tán Hội ngày 10 tháng Chạp và cách chức Bộ trưởng chiến tranh của đ'Ô-pu-lơ, Bô-na-pác-tơ cũng đã tự tay dâng những con vật tế thần lên bàn thờ tổ quốc. Hắn đã xóa bỏ điểm gay cấn nhất trong cuộc xung đột sẽ bùng nổ. Sau hết, chính ngay đảng trật tự cũng nhút nhát, tìm cách tránh né, giảm nhẹ, dập tắt mọi cuộc xung đột có tính chất quyết định với quyền hành pháp. Vì sợ mất những cái đã giành được trong cuộc đấu tranh chống cách mạng, nên đảng trật

tự đã để cho địch thủ chiếm lấy những kết quả ấy. "Nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh". Hồi tháng Hai[1*] đảng trật tự đã kêu gọi cách mạng như vậy, giờ đây trong bức thông điệp của hắn, Bô-na-pác-tơ cũng kêu gọi đảng trật tự như vậy. "Nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh". Bô-na-pác-tơ đã thực hiện những hành vi nhằm tiếm vị, nhưng đảng trật tự lại là kẻ phạm tội "gây rối" khi nó làm ầm ĩ về những hành vi ấy và giải thích những hành vi ấy một cách lo âu thái quá. Những khúc xúc xích ở Xa-tô-ri sẽ vẫn câm như hến nếu không có ai nhắc nhở đến chúng. "Nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh". Bởi lẽ đó, Bô-na-pác-tơ yêu cầu người ta cứ để yên cho hắn hành động, còn đảng nghị trường thì đã bị hai điều sợ sệt làm cho tê liệt: sợ gây nên một lần nữa những biến động cách mạng, và sợ trở thành kẻ phạm tội gây rối trước con mắt của giai cấp của mình, tức là giai cấp tư sản. Bởi vì nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh, cho nên đảng trật tự không dám đáp lại tiếng "hòa bình" trong bức thông điệp của Bô-na-pác-tơ bằng hai tiếng "chiến tranh". Công chúng mong chờ những điều tai tiếng lớn khi Quốc hội họp lại, nhưng đã bị thất vọng. Yêu cầu của các nghị sĩ phái đối lập đòi ủy ban thường trực trình bày những biên bản của mình về những biến cố hồi tháng Mười, đã bị đa số bác bỏ. Về nguyên tắc người ta tránh mọi cuộc tranh luận có thể gây kích động. Công việc của Quốc hội trong tháng Mười một và tháng Chạp 1850 chẳng có gì đáng chú ý cả.

Sau hết, vào cuối tháng Chạp, mới bắt đầu xảy ra những cuộc xung đột nhỏ chung quanh một vài vấn đề về quyền hạn của nghị viện. Từ khi giai cấp tư sản tự nó đã thanh toán cuộc đấu tranh giai cấp bằng cách xóa bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông, thì cuộc vận động chỉ thu hẹp lại thành những vụ cãi lộn nhỏ nhặt về những quyền hạn của hai quyền lực.

Một nghị sĩ, tên là Mô-ganh, bị tòa kết án về tội mắc nợ. Theo lời yêu cầu của viên chánh án, Bộ trưởng tư pháp Ru-ê tuyên bố

1* - năm 1848

cứ việc thẳng thừng ra lệnh tống giam người mắc nợ, - và thế là Mô-ganh bị tống vào nhà tù giam các con nợ. Khi biết được vụ xúc phạm này vào quyền bất khả xâm phạm của các nghị sĩ, Quốc hội đã nổi trận lôi đình. Chẳng những Quốc hội ra lệnh thả ngay Mô-ganh, mà ngay buổi tối hôm đó, Quốc hội còn phái viên lục sự của mình dùng sức mạnh kéo Mô-ganh ra khỏi nhà tù Kli-si. Tuy nhiên, mặt khác, để chứng minh lòng tin của mình vào tính chất thiêng liêng của chế độ tư hữu, và với cái ẩn ý là trong trường hợp cần thiết, sẽ có sẵn một chỗ nương thân cho những thành viên phái Núi đã trở nên rầy rà khó chịu, nên Quốc hội tuyên bố có thể bắt những nghị sĩ mắc nợ, nhưng với điều kiện là phải được Quốc hội cho phép trước. Quốc hội đã quên không ra sắc lệnh nói rằng ngay đến tổng thống cũng có thể bị cầm tù vì mắc nợ. Nó đã thủ tiêu cái bóng dáng cuối cùng của quyền bất khả xâm phạm của các thành viên của nó.

Chúng ta còn nhớ là viên cảnh sát trưởng I-ông, căn cứ theo lời khai của một tên A-le nào đó, đã tố cáo việc một chi hội của Hội ngày 10 tháng Chạp mưu sát Đuy-panh và Săng-gác-ni-ê. Vì vậy, ngay trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội, các vị chủ nhiệm văn phòng của Quốc hội đã đề nghị thành lập một đội cảnh sát riêng của Quốc hội, do ngân quỹ riêng của Quốc hội đài thọ, và hoàn toàn độc lập đối với cục trưởng cảnh sát. Ba-rô-sơ, Bộ trưởng nội vụ, đã phản đối hành vi xâm phạm đó vào quyền hạn của mình. Thế là người ta đi đến một thỏa hiệp thảm hại, theo nó thì viên cảnh sát trưởng của Quốc hội tuy do ngân quỹ riêng của Quốc hội đài thọ và do các vị chủ nhiệm văn phòng của Quốc hội chỉ định và bãi miễn, nhưng chỉ sau khi được Bộ trưởng nội vụ đồng ý. Trong khi đó, A-le bị chính phủ đưa ra tòa, và ở đây chính phủ đã biến một cách dễ dàng những lời tố cáo của A-le thành một trò bày đặt của hắn, và thông qua cửa miệng của viên công tố đã đặt Đuy-panh, Săng-gác-ni-ê, I-ông và toàn thể Quốc hội vào một hoàn cảnh lố bịch. Sau đó, ngày 29 tháng Chạp, Bộ trưởng Ba-rô-sơ gửi cho Đuy-panh một bức thư đòi phải cách chức I-ông. Ban thường vụ Quốc hội quyết định để I-ông giữ nguyên chức cũ,

nhưng Quốc hội vốn hoảng sợ vì hành vi thô bạo của mình trong vụ Mô-ganh, và cứ mỗi lần Quốc hội đánh một đòn vào quyền hành pháp thì thường bị quyền hành pháp đánh trả lại hai đòn, cho nên Quốc hội không duyệt y quyết định đó. Quốc hội cách chức I-ông để thưởng công lao phục vụ mẫn cán của hắn và tự tước bỏ mất cái đặc quyền đại nghị hoàn toàn cần thiết, khi phải đối phó với một kẻ ban đêm không suy nghĩ điều hắn sẽ làm ban ngày, mà lại suy nghĩ ban ngày và thực hiện vào ban đêm những kế hoạch của mình.

Chúng ta đã thấy, trong thời gian tháng Mười một và tháng Chạp, trong những trường hợp quan trọng và cấp thiết, Quốc hội đã tránh né và nhịn không tiến hành đấu tranh với quyền hành pháp như thế nào. Bây giờ chúng ta lại thấy Quốc hội buộc phải nhận đấu tranh với quyền hành pháp vì những lý do nhỏ nhặt nhất. Trong vụ Mô-ganh, về nguyên tắc, Quốc hội đã cho phép được bắt những nghị sĩ mắc nợ, nhưng lại dành cho mình cái khả năng chỉ áp dụng nguyên tắc đó đối với những nghị viên mà Quốc hội không ưa thôi, và đã tranh chấp với bộ trưởng tư pháp vì cái đặc quyền bỉ ổi ấy. Đáng lẽ lợi dụng cái tin về vụ mưu sát để ra lệnh mở một cuộc điều tra những hoạt động của Hội ngày 10 tháng Chạp và thẳng tay vạch trần chân tướng của Bô-na-pác-tơ là một tên cầm đầu bọn vô sản lưu manh Pa-ri trước nước Pháp và trước toàn châu Âu, thì Quốc hội lại đi hạ thấp cuộc xung đột ấy xuống thành một cuộc tranh cãi giữa Quốc hội và Bộ trưởng nội vụ để xem quyền chỉ định và bãi miễn một viên cảnh sát trưởng thuộc về bên nào. Như vậy, chúng ta thấy suốt trong thời kỳ ấy, do vị trí không rõ ràng của nó, đảng trật tự đã buộc phải tiêu hao, phân tán cuộc đấu tranh của nó chống quyền hành pháp thành những chuyện xích mích nhỏ nhen về thẩm quyền, những vụ cãi cọ vụn vặt, những sự kiện tụng không ngừng, những cuộc tranh chấp về giới hạn, và biến những vấn đề hình thức vô vị nhất thành nội dung hoạt động của mình. Đảng trật tự không dám tiếp nhận cuộc chiến đấu vào lúc mà đấu tranh có ý nghĩa về nguyên tắc, vào lúc mà quyền hành pháp đã thực sự tự lột bỏ

mặt nạ rồi, vào lúc mà sự nghiệp của Quốc hội có thể trở thành sự nghiệp của quốc dân. Vì nếu như thế thì đảng trật tự sẽ ra hiệu lệnh cho quốc dân đứng lên đấu tranh, nhưng nó lại không sợ gì hơn là thấy quốc dân nổi dậy. Bởi vậy, trong những trường hợp như thế, nó bác bỏ những đề nghị của phái Núi và chuyển sang những vấn đề khác trong chương trình nghị sự. Sau khi đảng trật tự từ chối cuộc đấu tranh trên quy mô lớn, thì quyền hành pháp cứ việc bình tĩnh đợi thời cơ để có thể mở đầu trở lại cuộc đấu tranh ấy vì những lý do nhỏ nhặt, vô nghĩa lý, tức là khi vấn đề có thể nói là chỉ còn có tính chất nghị trường, cục bộ mà thôi. Lúc bấy giờ, cơn giận giữ của đảng trật tự, cố nén từ lâu, liền nổ bùng ra, khi đó nó liền xé toang tấm màn che khuất hậu trường, nó tố cáo tổng thống, tuyên bố nền cộng hòa lâm nguy, nhưng khi đó cả những lời thống thiết của nó cũng tỏ ra phi lý, lý do đấu tranh - là một cớ giả dối hoặc nói chung chẳng đáng để đấu tranh. Cơn bão táp nghị trường hóa ra là một cơn bão táp trong cốc nước, cuộc đấu tranh là một âm mưu, cuộc xung đột là một sự bê bối. Trong khi các giai cấp cách mạng vui mừng độc địa về sự nhục nhã của Quốc hội - vì họ cũng rất quan tâm đến các đặc quyền của nghị viện chẳng khác gì Quốc hội quan tâm đến các quyền tự do xã hội, - thì giai cấp tư sản ở ngoài nghị viện không hiểu tại sao giai cấp tư sản ở trong nghị viện lại có thể lãng phí thời giờ vào những cuộc cãi lộn nhỏ nhặt đến như thế, lại có thể quấy rối sự yên tĩnh bằng những sự kình địch thảm hại đến như thế với tổng thống. Giai cấp tư sản ở ngoài nghị viện bị rối trí vì một chiến lược trong đó hòa bình được ký kết vào lúc mọi người đều mong đợi chiến tranh và cuộc tấn công nổ ra vào lúc mọi người tưởng rằng hòa bình đã được ký kết.

Ngày 20 tháng Chạp, Pa-xcan Đuy-pra chất vấn Bộ trưởng nội vụ về cuộc xổ số lấy vàng thoi. Cuộc xổ số ấy là "con đẻ của điện Ê-li-dê"[78]. Bô-na-pác-tơ và bọn tay chân của hắn đã cho nó ra đời, và cảnh sát trưởng Các-li-ê đã chính thức bảo trợ cho nó, mặc dầu luật pháp của nước Pháp cấm tất cả mọi cuộc xổ số, trừ những cuộc xổ số có mục đích từ thiện. Người ta đã in ra bảy

triệu số, mỗi số một phrăng, còn tiền lời của cuộc xổ số ấy thì người ta bảo là dùng để đưa bọn du thủ du thực Pa-ri sang Ca-li-phoóc-ni-a. Một mặt, người ta muốn thay thế những ước mơ xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản Pa-ri bằng những giấc mộng vàng, và thay thế cái quyền lao động có tính chất lý thuyết bằng cái triển vọng hấp dẫn trúng số độc đắc. Lẽ cố nhiên là trong những thoi vàng Ca-li-phoóc-ni-a sáng lóa đó, công nhân Pa-ri đã không nhận ra được những đồng phrăng xấu xí mà người ta đã bòn rút ở túi họ ra. Nói chung, cuộc xổ số kia chỉ là một vụ lừa đảo thuần túy. Bọn du đãng muốn khai mỏ vàng Ca-li-phoóc-ni-a mà không phải rời khỏi Pa-ri, chính là Bô-na-pác-tơ và những thuộc hạ nợ nần như chúa Chổm của hắn. Số tiền ba triệu do Quốc hội chuẩn y đã bị tiêu sạch, và giờ đây, bằng cách này hay cách khác, lại phải bổ sung cho đầy đủ két. Bô-na-pác-tơ đã hoài công mở một cuộc lạc quyên trong toàn quốc để xây những cái gọi là cités ouvrières[1*] và đứng ra ghi tên đầu tiên với một số tiền quyên lớn. Những tên tư sản lòng sắt dạ đá nghi ngờ chờ đợi Bô-na-pác-tơ đóng góp số tiền mà hắn ghi quyên, và vì lẽ dĩ nhiên là điều đó đã không diễn ra nên vụ đầu cơ việc xây dựng những lâu đài xã hội chủ nghĩa trên bãi cát đã bị sụp đổ tan tành. Những thoi vàngCa-li-phoóc-ni-a thì thu được nhiều kết quả hơn. Bô-na-pác-tơ và bọn đồng loã đã không thỏa mãn với việc bỏ túi một phần trong số tiền lãi còn lại sau khi trừ giá trị của những thoi vàng phát hành trong cuộc xổ số vào số bảy triệu phrăng; chúng còn làm phiếu xổ số giả, phát hành mười, mười lăm cho đến hai mươi phiếu cùng một số, - thật là một thủ đoạn làm tiền hoàn toàn theo đúng tinh thần của Hội ngày 10 tháng Chạp! Ở đây, Quốc hội có trước mắt mình không phải một vị tổng thống cộng hòa trên danh nghĩa nữa,mà là Bô-na-pác-tơ chính cống, bằng thịt bằng xương. Ở đây, Quốc hội có thể bắt quả tang Bô-na-pác-tơ vi phạm Code pénale[2*] chứ không phải vi phạm hiến pháp nữa. Nếu Quốc hội đã đáp lại

---

1* - khu công nhân

2* - Bộ luật hình

lời chất vấn của Đuy-pra bằng cách chuyển sang những vấn đề khác của chương trình nghị sự, thì nó đã làm điều đó không phải chỉ vì lời đề nghị của Gi-rác-đanh nên tuyên bố mình "hài lòng" đã nhắc nhở cho đảng trật tự nhớ đến tình trạng tham nhũng có hệ thống đang ngự trị trong hàng ngũ của chính nó. Con người tư sản, và trước hết là con người tư sản được nâng lên địa vị nhân vật quốc gia, thì thường đem lối khoa trương về lý luận để bổ sung cho sự đê tiện của hắn trong các công việc thực tiễn. Với tư cách là một nhân vật quốc gia, người tư sản, giống như chính quyền nhà nước đối địch với nó, trở thành một nhân vật tối cao mà người ta chỉ có thể đấu tranh chống lại bằng những phương pháp cao quý, trọng thể mà thôi.

Với tư cách là con một gã lang thang lưu đãng, một tên vô sản lưu manh vương giả, Bô-na-pác-tơ có được cái ưu thế so với kẻ tư sản bịp bợm là hắn có thể tiến hành đấu tranh bằng những thủ đoạn hèn hạ được; giờ đây, sau khi chính ngay Quốc hội đã giúp hắn đi qua được một cách bình an vô sự cái mảnh đất trơn tuột, tức là những buổi tiệc chiêu đãi binh sĩ, những cuộc duyệt binh, Hội ngày 10 tháng Chạp, và sau hết là Code pénal, thì hắn thấy đã đến lúc có thể chuyển từ thế phòng thủ bề ngoài sang thế tiến công. Hắn ít bận tâm tới những sự thất bại nhỏ mà các bộ trưởng tư pháp, chiến tranh, hải quân, tài chính đã vấp phải hồi đó, những sự thất bại trong đó Quốc hội biểu lộ sự bất bình cáu kỉnh của mình. Chẳng những hắn ngăn cản các bộ trưởng từ chức và do đó thừa nhận sự lệ thuộc của quyền hành pháp đối với nghị viện, giờ đây hắn còn có thể hoàn thành công cuộc mà hắn đã bắt đầu trong thời gian Quốc hội nghỉ, tức là tách quyền lực quân sự ra khỏi tay nghị viện: hắn *cách chức Săng-gác-ni-ê.*

Một tờ báo của điện Ê-li-dê công bố một bản nhật lệnh dường như là gửi cho sư đoàn thứ nhất hồi tháng Năm, do đó, là nhật lệnh của Săng-gác-ni-ê, - trong đó người ta khuyên các sĩ quan là trong trường hợp có phản loạn thì nhất thiết không được khoan hồng, với những kẻ phản bội trong hàng ngũ quân đội, phải xử

bắn chúng ngay tức khắc, và không điều quân đội theo yêu cầu của Quốc hội. Ngày 3 tháng Giêng 1851, nội các bị chất vấn về bản nhật lệnh đó. Lúc đầu nội các yêu cầu một thời hạn là ba tháng, sau đó là một tuần, và cuối cùng chỉ hai mươi bốn tiếng đồng hồ, để tìm hiểu vấn đề. Quốc hội khẩn thiết đòi nội các phải giải thích vấn đề ngay tức khắc. Săng-gác-ni-ê đứng dậy và tuyên bố rằng bản nhật lệnh kia không hề có bao giờ cả. Săng-gác-ni-ê còn nói thêm rằng mình luôn luôn sẵn sàng thực hiện yêu cầu của Quốc hội, và một khi có xảy ra xung đột, Quốc hội có thể trông cậy vào hắn. Quốc hội tiếp nhận lời tuyên bố đó của Săng-gác-ni-ê bằng những loạt vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt, và bỏ phiếu tín nhiệm hắn. Quốc hội đã vứt bỏ quyền lực của mình, đã tuyên bố sự bất lực của chính mình và thừa nhận quyền lực vạn năng của quân đội bằng cách tự đặt mình dưới sự bảo hộ riêng của một viên tướng. Nhưng viên tướng này đã nhầm khi hắn đem đặt dưới quyền sử dụng của Quốc hội một quyền lực mà hắn đã nhận được, cũng từ chính tay Bô-na-pác-tơ, để chống lại Bô-na-pác-tơ, khi hắn lại trông mong vào sự bảo hộ của nghị viện ấy, tức là của kẻ được bảo hộ đang cần đến sự bảo hộ của hắn. Nhưng Săng-gác-ni-ê đã tin vào sức mạnh huyền bí mà giai cấp tư sản đã ban cho hắn từ ngày 29 tháng Giêng 1849. Hắn tự xem mình là một quyền lực thứ ba bên cạnh hai quyền lực kia của nhà nước. Hắn cũng chịu chung một số phận với những vị anh hùng khác, hay nói cho đúng hơn, với những vị thánh của thời đại bấy giờ, mà sự vĩ đại chỉ là sự đánh giá cao một cách thiên lệch về họ, do đảng phái của họ tung ra, và một khi tình thế yêu cầu họ làm những kỳ tích thì hóa ra họ chỉ là những nhân vật tầm thường mà thôi. Nói chung, sự vô tín ngưỡng là kẻ tử thù của các anh hùng giả và các vị thánh thực ấy. Do đó nên họ mới có thái độ phẫn nộ có tính cách đạo đức và cao thượng đối với những kẻ hay châm chọc và những kẻ nhạo báng thiếu nhiệt tình.

Ngay buổi tối hôm đó, các bộ trưởng được triệu tập đến điện Ê-li-dê. Bô-na-pác-tơ đòi phải cách chức Săng-gác-ni-ê; năm bộ trưởng từ chối không ký. Tờ “Moniteur” báo tin cuộc khủng hoảng

nội các, và báo chí đảng trật tự hăm dọa thành lập một đạo quân của nghị viện dưới sự chỉ huy của Săng-gác-ni-ê. Theo hiến pháp thì đảng trật tự có quyền làm như thế. Đảng này chỉ cần cử Săng-gác-ni-ê lên làm chủ tịch Quốc hội và điều bao nhiêu quân đội đến cũng được để bảo đảm sự an toàn của Quốc hội. Đảng trật tự càng chắc chắn có thể làm được như vậy, vì Săng-gác-ni-ê vẫn còn thực sự đứng đầu quân đội và đội cận vệ quốc gia Pa-ri, chỉ còn chờ được điều động cùng với quân đội nữa mà thôi. Báo chí phe Bô-na-pác-tơ cũng còn chưa dám phủ nhận quyền của Quốc hội được trực tiếp điều động quân đội, - một sự nghi ngờ về mặt pháp lý như thế trong hoàn cảnh ấy thường không hứa hẹn một thành công nào cả. Có thể tin chắc là quân đội sẽ tuân theo mệnh lệnh của Quốc hội, nếu chú ý rằng Bô-na-pác-tơ đã phải mất cả tuần mới tìm kiếm khắp trong Pa-ri được hai viên tướng - là Ba-ra-ghê đ'In-li-ê và Xanh-Giăng đ'Ăng-giê-li - tuyên bố sẵn sàng tiếp ký vào lệnh cách chức Săng-gác-ni-ê. Nhưng trái lại, liệu đảng trật tự có kiếm được ngay trong hàng ngũ mình và trong nghị viện đủ số phiếu cần thiết để thông qua một quyết định như thế không, - điều đó rất đáng nghi, nếu ta chú ý rằng, một tuần lễ sau, 286 lá phiếu đã tách khỏi đảng đó và cả tháng Chạp 1851 phái Núi cũng đã bác một đề nghị tương tự như thế ngay cả trong giây phút quyết định cuối cùng. Tuy nhiên, lúc đó các "tướng giữ thành" có lẽ còn có thể vận động được đại đa số quần chúng đảng viên của họ đứng lên lập một chiến công anh hùng, tức là nấp vào sau một rừng lưỡi lê và nhận sự giúp đỡ của một đạo quân đã chạy sang phe mình. Đáng lẽ làm như vậy, thì tối mồng 6 tháng Giêng các vị tướng giữ thành lại đến điện Ê-li-dê, hòng dùng thủ đoạn và lý lẽ ngoại giao để thuyết phục Bô-na-pác-tơ đừng cách chức Săng-gác-ni-ê. Thuyết phục người nào là công nhận người đó làm chủ tình thế. Bô-na-pác-tơ, phấn chấn lên vì mưu toan đó của các vị tướng giữ thành, ngày 12 tháng Giêng đã cử ra một nội các mới, trong đó vẫn còn có những thủ lĩnh của nội các cũ là Phun-đơ và Ba-rô-sơ. Xanh-Giăng đ'Ăng-giê-li được cử làm Bộ trưởng chiến tranh. Tờ "Moniteur" công bố sắc lệnh cách chức

Săng-gác-ni-ê. Quyền chỉ huy của Săng-gác-ni-ê được chia ra cho Ba-ra-ghê đ'In-li-ê, chỉ huy sư đoàn thứ nhất, và cho Pe-rô chỉ huy đội cận vệ quốc gia. "Thành trì của xã hội" bị bãi chức, và nếu không có một viên đá nào rơi từ trên mái nhà xuống thì, trái lại, thị giá hối phiếu ở sở giao dịch lại lên cao.

Khước từ quân đội được trao vào tay mình mà Săng-gác-ni-ê là đại biểu, và bằng cách đó, đã vĩnh viễn trao quân đội lại cho tổng thống, đảng trật tự đã chứng minh rằng giai cấp tư sản đã mất hết khả năng thống trị. Nội các theo chế độ đại nghị không còn tồn tại nữa. Giờ đây, khi đảng trật tự đã mất mọi quyền lực đối với quân đội và đội cận vệ quốc gia, thì nó còn lại những phương tiện bạo lực nào để vừa bảo vệ được cái quyền lực có tính chất tiếm đoạt của nghị viện đối với nhân dân, lại vừa bảo vệ được cái quyền lực hiến chế của nghị viện chống lại tổng thống? Chẳng còn một phương tiện nào cả. Đảng trật tự chỉ còn một cách là kêu gọi đến những nguyên tắc vô hiệu lực, mà bản thân nó bao giờ cũng chỉ coi là những quy tắc chung dành cho những người khác, để bản thân mình được tự do hành động hơn. Với việc Săng-gác-ni-ê bị cách chức và việc chuyển quyền lực quân sự vào tay Bô-na-pác-tơ thì giai đoạn thứ nhất của thời kỳ mà chúng ta đang nghiên cứu, thời kỳ đấu tranh giữa đảng trật tự và quyền hành pháp, cũng kết thúc. Giờ đây cuộc chiến đấu giữa hai quyền lực ấy được công khai tuyên bố, công khai tiến hành, nhưng chỉ sau khi đảng trật tự đã mất cả vũ khí lẫn binh lính. Không có nội các, không có quân đội, không có nhân dân, không có công luận, không còn đại biểu của quốc dân có chủ quyền nữa kể từ khi ban bố đạo luật tuyển cử ngày 31 tháng Năm, không có mắt, không có tai, không có răng, không có gì cả, - Quốc hội đã dần dần biến thành một *Pháp viện kiểu cũ*[79], là nghị viện để cho chính phủ hành động, còn mình thì tự thỏa mãn với những kháng nghị bực dọc post festum[1*] mà thôi.

1* - sau ngày hội, sau khi việc đã rồi

Đảng trật tự đã đón tiếp nội các mới bằng một cơn giông tố phẫn nộ. Tướng Bê-đô đã nhắc đến cái thái độ dịu dàng của ủy ban thường trực Quốc hội trong thời gian Quốc hội nghỉ họp và đến việc nó đã tỏ ra quá tế nhị khi từ chối không chịu công bố những biên bản hội họp của mình. Lúc bấy giờ Bộ trưởng nội vụ tự mình cũng khẩn thiết yêu cầu công bố những biên bản ấy, những biên bản ngày nay dĩ nhiên đã trở nên vô vị khác nào nước ao tù, chẳng vạch trần được một sự thật nào mới và chẳng gây nên được một chút ấn tượng nào đối với đám quần chúng đã chán ngấy. Theo lời đề nghị của Rê-muy-da, sau cuộc thảo luận trong các tiểu ban, Quốc hội chỉ định một "Ủy ban những biện pháp đặc biệt". Pa-ri vẫn không đi chệch khỏi quỹ đạo bình thường của nó, nhất là vì lúc bấy giờ thương nghiệp đang phồn thịnh, các công xưởng đang hoạt động, giá ngũ cốc hạ, lương thực dồi dào, và quỹ tiết kiệm ngày nào cũng nhận được thêm tiền gửi. Những "biện pháp đặc biệt" mà nghị viện đã báo trước một cách ầm ỹ như thế, kết thúc bằng một cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm nội các ngày 18 tháng Giêng, hơn nữa trong đó người ta thậm chí không hề đả động gì tới tướng Săng-gác-ni-ê. Đảng trật tự buộc phải thảo bản nghị quyết không tín nhiệm của mình như vậy để đảm bảo cho mình số phiếu của những người cộng hòa: trong tất cả mọi biện pháp của nội các, những người này chỉ tán thành việc cách chức Săng-gác-ni-ê thôi, còn đảng trật tự thì thực ra không thể nào trách cứ được những biện pháp khác do chính họ đã ra lệnh cho nội các thực hiện.

Cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm ngày 18 tháng Giêng được thông qua với 415 phiếu thuận, 286 phiếu chống. Như vậy là nó được thông qua chỉ nhờ có sự *liên minh* của phái chính thống và phái Oóc lê-ăng cực đoan với những người cộng hòa thuần túy và phái Núi. Điều đó chứng tỏ rằng đảng trật tự chẳng những đã mất nội các, mất quân đội, mà trong những sự xung đột của họ với Bô-na-pác-tơ nó còn mất luôn cả đa số độc lập của mình trong nghị viện; rằng một số đại biểu đã đào ngũ khỏi phe mình vì có khuynh hướng thỏa hiệp đến mức cuồng nhiệt, vì sợ đấu tranh, vì

mệt mỏi, vì sự gắn bó thân thiết với lương bổng của nhà nước, vì đầu cơ những ghế bộ trưởng còn khuyết (Ô-đi-lông Ba-rô), vì tính vị kỷ đê tiện bao giờ cũng thúc đẩy con người tư sản tầm thường hy sinh lợi ích chung của giai cấp họ để mưu cầu một động cơ cá nhân này hay một động cơ cá nhân khác. Ngay từ đầu, các đại biểu thuộc phe Bô-na-pác-tơ chỉ liên kết với đảng trật tự trong cuộc đấu tranh chống lại cách mạng. Thủ lĩnh đảng Thiên chúa giáo Mông-ta-lăm-be, lúc bấy giờ cũng đã ném ảnh hưởng cá nhân mình vào đĩa cân phía Bô-na-pác-tơ, vì y không tin vào sức sống của đảng nghị trường. Sau hết, những thủ lĩnh các đảng đó, như Chi-e, một phần tử Oóc-lê-ăng, và Be-ri-ê, một phần tử chính thống, đều buộc lòng phải công khai tuyên bố mình là những người cộng hòa, phải thú nhận rằng mặc dầu lòng họ thuộc phái bảo hoàng nhưng đầu họ theo phái cộng hòa, rằng nền cộng hòa đại nghị của họ là hình thức thống trị duy nhất có thể có được của giai cấp tư sản nói chung. Tóm lại, họ buộc lòng phải lên án ngay trước con mắt của giai cấp tư sản, những kế hoạch phục tích mà họ tiếp tục theo đuổi một cách không mệt mỏi ở đằng sau lưng nghị viện, là những âm mưu vừa nguy hiểm vừa vô nghĩa.

Cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm ngày 18 tháng Giêng là một đòn đánh vào các bộ trưởng, chứ không phải vào tổng thống. Nhưng không phải là nội các, mà chính tổng thống đã cách chức Săng-gác-ni-ê. Liệu đảng trật tự có nên đem chính ngay Bô-na-pác-tơ ra truy tố không? Truy tố về những khát vọng phục tích của hắn ư? Nhưng những khát vọng phục tích đó chẳng qua chỉ bổ sung cho những khát vọng phục tích của chính đảng trật tự mà thôi. Về những hành động có tính chất âm mưu của hắn trong các cuộc duyệt binh và trong Hội ngày 10 tháng Chạp ư? Nhưng từ lâu đảng trật tự đã chôn sâu những vấn đề ấy dưới cái đống công việc cấp thiết hàng ngày rồi. Về việc cách chức vị anh hùng ngày 29 tháng Giêng và ngày 13 tháng Sáu, con người hồi tháng Năm 1850 đã từng đe dọa sẽ phóng hỏa đốt cháy Pa-ri từ bốn phía nếu xảy ra bạo động ư? Nhưng những đồng minh của đảng trật tự

trong phái Núi và Ca-ve-nhắc thậm chí đã không cho phép nó chính thức bày tỏ lời chia buồn với cái "thành trì của xã hội" đã sụp đổ. Bản thân đảng trật tự không thể phủ nhận cái quyền - do hiến pháp trao cho tổng thống - được cách chức các tướng lĩnh. Họ làm ầm lên chỉ vì tổng thống đã dùng cái quyền do hiến pháp trao cho đó để chống lại nghị viện. Nhưng chính họ há lại chẳng luôn luôn dùng những đặc quyền nghị viện của mình để phản lại hiến pháp, nhất là khi họ thủ tiêu chế độ đầu phiếu phổ thông đó sao? Do đó, đảng trật tự chẳng còn gì hơn là hành động đúng trong khuôn khổ nghị viện. Và chỉ có cái chứng bệnh đặc biệt đã lan tràn khắp lục địa châu Âu từ năm 1848, - tức là *bệnh mê tín chế độ nghị trường,* nó hãm những kẻ mắc phải bệnh đó vào một thế giới tưởng tượng và làm cho họ mất mọi lý trí, mọi trí nhớ, mọi hiểu biết về thế giới thô thiển bên ngoài, - chỉ có cái chứng bệnh mê tín chế độ nghị trường ấy mới giải thích được cái tình hình là đảng trật tự đã tự tay mình thủ tiêu tất cả mọi điều kiện của quyền lực của nghị viện và trong cuộc đấu tranh của nó chống lại các giai cấp khác tất phải thủ tiêu tất cả những điều kiện ấy, vẫn coi những thắng lợi của họ ở nghị trường là những thắng lợi thực sự và nghĩ rằng đánh vào các bộ trưởng của tổng thống là đánh bại tổng thống. Làm như thế, họ chỉ tạo cơ hội cho tổng thống làm nhục Quốc hội một lần nữa trước mắt quốc dân. Ngày 20 tháng Giêng, tờ "Moniteur" đăng tin là sự từ chức của toàn thể nội các đã được chấp nhận. Viện cớ là không một đảng nào chiếm được đa số trong nghị viện nữa, - như cuộc bỏ phiếu ngày 18 tháng Giêng, kết quả của sự liên minh giữa phái Núi và phe bảo hoàng, đã chứng tỏ, - và cần chờ cho một đa số mới hình thành, Bô-na-pác-tơ đã chỉ định cái gọi là nội các quá độ, trong đó không hề có một nghị sĩ Quốc hội nào mà chỉ gồm toàn những kẻ hoàn toàn vô danh tiểu tốt, một nội các gồm toàn những nhân viên chào hàng và thơ lại. Giờ đây đảng trật tự có thể tiêu phí sức lực của mình vào việc gây gổ với những con rối ấy, còn quyền hành

pháp thì coi việc được đại diện một cách nghiêm túc trước Quốc hội chẳng có ý nghĩa gì nữa. Các bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ càng là những tên ngồi làm vì, thì hắn lại càng công nhiên tập trung toàn bộ quyền hành pháp vào tay hắn, và càng dễ lợi dụng quyền lực ấy vào những mục đích riêng của hắn.

Đảng trật tự, liên minh với phái Núi, đã trả thù lại bằng cách bác bỏ đề nghị phụ cấp số tiền 1800000 phrăng cho tổng thống, đề nghị mà tên cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp đã ra lệnh cho những tên bộ trưởng chào hàng của hắn đưa ra nghị viện. Lần này, vấn đề được giải quyết bằng một đa số vẻn vẹn chỉ có 102 phiếu, do đó, từ ngày 18 tháng Giêng đến nay, đảng trật tự còn mất thêm 27 phiếu nữa: sự tan rã của nó đã tăng lên. Đồng thời, để cho thiên hạ khỏi có một sự hiểu lầm nào về ý nghĩa của sự liên minh của họ với phái Núi, đảng trật tự thậm chí đã không thèm đưa bản đề nghị đại xá các tù chính trị, do 189 đảng viên phái Núi ký tên, ra bàn luận. Chỉ cần viên Bộ trưởng nội vụ, một tên Va-ít-xơ nào đó, tuyên bố rằng sự yên tĩnh chỉ là cái vẻ bề ngoài thôi, rằng hiện nay người ta đang triển khai một cuộc cổ động bí mật mạnh mẽ, rằng nhiều hội kín đang được tổ chức khắp nơi, rằng nhiều tờ báo dân chủ đang sửa soạn tái bản, rằng đang nhận được những tin tức không thuận lợi từ các tỉnh gửi về, rằng những người tị nạn ở Giơ-ne-vơ đang đứng đầu một cuộc âm mưu lan khắp miền Nam nước Pháp thông qua Ly-ông, rằng nước Pháp đang đứng gần kề một cuộc khủng hoảng thương nghiệp và công nghiệp, rằng các chủ xưởng ở Ru-be đã rút ngắn ngày lao động, rằng tù phạm ở Be-lơ-i-lơ[80] đã nổi dậy, v.v, - chỉ cần một tên Va-ít-xơ nào đó gợi lên cái bóng ma đỏ là đảng trật tự liền bác bỏ mà không thảo luận một đề nghị chắc chắn sẽ đem lại cho Quốc hội một uy tín rất lớn và buộc Bô-na-pác-tơ phải ngả vào trong vòng tay của nó một lần nữa. Đáng lẽ đảng trật tự không nên để cho mình bị đe dọa bởi cái viễn cảnh những vụ biến loạn mới do quyền hành pháp đưa ra, mà trái lại, nên mở thêm một

địa bàn nào đó, dầu là nhỏ bé, cho cuộc đấu tranh giai cấp, để bắt quyền hành pháp phải lệ thuộc vào mình. Nhưng đảng trật tự đã cảm thấy mình không đủ sức chơi với lửa.

Trong khi đó, cái gọi là nội các quá độ kia vẫn sống vất vưởng cho mãi đến trung tuần tháng Tư. Bô-na-pác-tơ làm cho Quốc hội mệt mỏi, đánh lừa Quốc hội bằng các mưu kế luôn luôn thay đổi trong nội các. Khi thì hình như hắn muốn lập một nội các cộng hòa do La-mác-tin và Bi-ô đứng đầu; khi thì lại muốn lập một nội các đại nghị trong đó nhất định phải có Ô-đi-lông Ba-rô, mà tên tuổi không thể thiếu mỗi khi người ta cần đến một kẻ thộn; khi thì hắn muốn lập một nội các chính thống do Va-ti-mê-nin và Bơ-noa Đa-di đứng đầu; khi thì lại muốn lập một nội các Oóc-lê-ăng do Ma-lơ-vin đứng đầu . Trong khi hắn duy trì như vậy những mối quan hệ căng thẳng giữa các phe nhóm của đảng trật tự với nhau, và trong khi làm cho tất cả đảng này đều sợ hãi cái viễn cảnh là sẽ có một nội các cộng hòa và do đó sẽ có một sự phục hồi không thể tránh khỏi của chế độ đầu phiếu phổ thông, thì đồng thời Bô-na-pác-tơ cũng làm cho giai cấp tư sản tin rằng những cố gắng chân thành của hắn để tiến tới thành lập một nội các đại nghị bị tan vỡ do thái độ không nhân nhượng của các phe bảo hoàng. Nhưng cuộc tổng khủng hoảng thương nghiệp hình như càng sắp nổ ra và chiêu mộ tín đồ cho chủ nghĩa xã hội trong các đô thị, còn giá ngũ cốc thấp một cách tai hại chiêu mộ những tín đồ ấy ở nông thôn, thì giai cấp tư sản lại càng lớn tiếng đòi hỏi phải có một "chính phủ mạnh", và lại càng thấy không thể dung thứ được tình trạng để cho nước Pháp "không có quản lý". Thương nghiệp trở nên càng ngày càng tiêu điều, số người thất nghiệp tăng lên rõ ràng, ở Pa-ri, ít nhất cũng có 10000 công nhân không có bánh mì ăn, ở Ru-ăng, Muyn-hau-den[1*], Ly-ông, Ru-be, Tuốc-cu-en, Xanh Ê-chiên, En-bê-u-phơ, v.v., vô số công xưởng đã ngừng hoạt động. Trong những tình hình như thế, ngày 11 tháng Tư, Bô-na-pác-tơ đã dám lập lại nội các 18 tháng Giêng, với các ngài Ru-ê, Phun-đơ, Ba-rô-sơ, v.v., thêm vào đó còn có Lê-ông Phô-sơ, người mà trước

---

1* - Muyn-hu-dơ

kia Quốc hội lập hiến, trong những ngày cuối cứng của nó, đã nhất trí - chỉ trừ phiếu của năm bộ trưởng - lên án bằng cách bỏ phiếu không tín nhiệm, vì đã công bố những bức điện giả mạo. Như vậy là, ngày 18 tháng Giêng, Quốc hội đã thắng nội các và đã đấu tranh trong ba tháng với Bô-na-pác-tơ là để đến ngày 11 tháng Tư các ngài Phun-đơ và Ba-rô-sơ lại có thể dung nạp môn đồ thanh giáo Phô-sê làm nhân vật thứ ba trong cái đồng minh nội các của nó.

Tháng Mười một 1849, Bô-na-pác-tơ đã tự thỏa mãn với một nội các *phi đại nghị;* tháng Giêng 1851, hắn tự thỏa mãn với một nội các *siêu đại nghị,* còn ngày 11 tháng Tư thì hắn tự thấy mình đã đủ mạnh để lập một nội các *phản đại nghị,* nội các này đã kết hợp một cách hài hòa vào trong bản thân nó những cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm của cả hai Quốc hội, Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, tức là Quốc hội của phái cộng hòa và Quốc hội của phái bảo hoàng. Cái thang bậc ấy của các nội các là một cái hàn thử biểu mà nghị viện có thể dùng để xem nhiệt độ sống của bản thân đã sụt xuống như thế nào. Cuối tháng Tư nhiệt độ ấy đã xuống thấp đến nỗi Péc-xi-nhi, trong một cuộc hội kiến riêng với Săng-gác-ni-ê đã dám mời Săng-gác-ni-ê chạy sang phe tổng thống. Péc-xi-nhi quả quyết với Săng-gác-ni-ê rằng Bô-na-pác-tơ coi ảnh hưởng của Quốc hội là đã bị thủ tiêu hoàn toàn rồi và đã có sẵn một bản tuyên ngôn sẽ được công bố sau một coup d'état mà người ta đã nhất quyết tiến hành nhưng đã phải hoãn lại chỉ vì một sự ngẫu nhiên. Săng-gác-ni-ê đã thông báo cho các thủ lĩnh của đảng trật tự biết cái lời kết án tử hình ấy. Nhưng có ai lại đi tin rằng rệp đốt có thể chết người ? Và nghị viện, mặc dầu ốm yếu như thế, rã rời như thế, hầu như sắp chết đến nơi như thế, nhưng vẫn không chịu coi cuộc đọ gươm của mình với tên đầu sỏ lố bịch của cái Hội ngày 10 tháng Chạp là một cái gì khác ngoài cuộc đọ gươm với một con rệp. Nhưng Bô-na-pác-tơ, đã trả lời cho đảng trật tự, cũng như xưa kia A-giê-di-lát đã trả lời cho vua A-gít: "*Ngươi coi ta như một con kiến, nhưng một ngày kia ta sẽ là một con sư tử*"[81].

VI

Sự liên minh với phái Núi và với những phần tử cộng hòa thuần túy mà đảng trật tự phải thực hiện khi hoài công ra sức giữ lấy quyền lực quân sự và giành lại sự lãnh đạo tối cao đối với quyền hành pháp, - sự liên minh đó chứng minh một cách không thể bác bỏ được rằng đảng trật tự đã mất *đa số* độc lập *ở nghị trường.* Ngày 28 tháng Năm, sức mạnh giản đơn của cuốn lịch, chiếc kim đồng hồ đã báo hiệu sự tan rã hoàn toàn của đảng trật tự. Ngày 28 tháng Năm đã mở đầu cái năm cuối cùng của Quốc hội. Giờ đây, Quốc hội phải giải quyết vấn đề: duy trì như cũ hay là xét lại hiến pháp. Nhưng xét lại hiến pháp không phải chỉ có nghĩa là chọn giữa sự thống trị của giai cấp tư sản và sự thống trị của phái dân chủ tiểu tư sản, giữa phái dân chủ và phái vô chính phủ vô sản, giữa phái cộng hòa đại nghị và Bô-na-pác-tơ: nó còn có nghĩa là sự lựa chọn giữa dòng họ Oóc-lê-ăng và dòng họ Buốc-bông nữa! Như vậy là quả táo gây bất hòa đã rơi ngay vào giữa nghị viện, chung quanh nó tất nhiên phải công khai bùng lên ngọn lửa xung đột giữa những lợi ích chia rẽ đảng trật tự thành những phe cánh đối địch nhau. Đảng trật tự là một sự kết hợp những thành phần xã hội không đồng nhất. Vấn đề xét lại hiến pháp đã tạo ra một nhiệt độ chính trị khiến cho sự hòa hợp ấy phân giải thành những bộ phận cấu thành lúc ban đầu của nó.

Sự quan tâm của phe Bô-na-pác-tơ đối với việc xét lại hiến pháp rất dễ hiểu. Trước hết, họ muốn xóa bỏ điều khoản 45 cấm việc bầu lại Bô-na-pác-tơ và việc kéo dài quyền lực của hắn. Lập trường của phe cộng hòa cũng không kém phần dễ hiểu. Phe này nhất thiết bác bỏ mọi sự xét lại hiến pháp, coi việc đó là một âm mưu chung chống lại chế độ cộng hòa. Vì bọn họ đã chiếm *trên một phần tư số phiếu* trong Quốc hội - mà theo hiến pháp thì phải có ba phần tư tổng số phiếu mới có thể quyết định một cách hợp pháp việc xét lại hiến pháp và mới có thể triệu tập một cuộc hội nghị tiến hành việc xét lại đó - nên bọn họ chỉ việc tính số phiếu của họ để tin chắc vào thắng lợi. Và bọn họ đã tin chắc vào thắng lợi.

Ngược lại với những lập trường rõ ràng ấy, đảng trật tự lại rơi vào những mâu thuẫn không có cách gì gỡ được. Nếu nó bác bỏ việc xét lại hiến pháp, thì nó sẽ làm cho hiện trạng bị uy hiếp bằng cách mở cho Bô-na-pác-tơ một lối thoát duy nhất, tức là lối thoát bằng bạo lực, và trong giờ phút quyết định, tức là ngáy chủ nhật tuần lễ thứ hai của tháng Năm 1852, bỏ mặc nước Pháp cho tình trạng vô chính phủ cách mạng, với một tổng thống đã mất hết quyền uy, một quốc hội từ lâu chẳng còn quyền uy gì nữa và một nhân dân đang mưu toan giành lại quyền uy của mình. Nếu đảng trật tự bỏ phiếu tán thành việc xét lại hiến pháp, thì nó biết rằng có bỏ phiếu cũng chỉ là uổng công vô ích, và theo hiến pháp, nó nhất định sẽ vấp phải quyền phủ quyết của phe cộng hòa. Nếu nó tuyên bố, trái với hiến pháp, rằng chỉ cần đa số phiếu tán thành là đủ, thì nó chỉ có thể hy vọng ngăn chặn được cách mạng với điều kiện là nó phải hoàn toàn phục tùng quyền hành pháp; nhưng như thế thì nó lại để cho Bô-na-pác-tơ làm chủ hiến pháp, làm chủ việc xét lại hiến pháp, và làm chủ cả bản thân nó nữa. Nếu chỉ xét lại một phần bản hiến pháp nhằm kéo dài thêm quyền lực của tổng thống, thì như thế là dọn đường cho Bô-na-pác-tơ tiếm vị để lập nền đế chế. Nếu xét lại toàn bộ bản hiến pháp, nhằm rút ngắn sự tồn tại của nền cộng hòa, thì như thế tất nhiên sẽ dẫn đến sự xung đột giữa những tham vọng vương triều, vì

những điều kiện để phục hồi triều đại Buốc-bông và những điều kiện để phục hồi triều đại Oóc-lê-ăng chẳng những khác nhau mà lại còn bài trừ lẫn nhau nữa.

Chế độ cộng hòa đại nghị là một cái gì lớn hơn là một miếng đất trung lập trên đó hai phe cánh của giai cấp tư sản Pháp, - phe chính thống và phe Oóc-lê-ăng, giới sở hữu ruộng đất lớn và giới công nghiệp, - có thể hoành hành bên cạnh nhau, với những quyền ngang nhau. Nó là điều kiện tất yếu của sự thống trị *chung* của chúng, là hình thức nhà nước duy nhất trong đó lợi ích giai cấp chung của chúng chi phối những tham vọng của các phe phái riêng biệt của giai cấp tư sản, cũng như chi phối tất cả các giai cấp khác trong xã hội. Nhưng, với tư cách là những phần tử bảo hoàng, bọn họ lại rơi vào tình trạng đối kháng cũ của họ, vào cuộc đấu tranh giành bá quyền giữa sở hữu ruộng đất và tiền bạc, và biểu hiện tối cao của sự đối kháng ấy, hiện thân của nó, là các ông vua của họ, các triều đại của họ. Vì lẽ đó nên đảng trật tự đã chống lại việc gọi dòng vua *Buốc-bông trở về.*

Crê-tông, thuộc phái Oóc-lê-ăng, và là nghị sĩ, trong ba năm liền 1849, 1850 và 1851, đã đưa ra kiến nghị một cách đều kỳ việc xóa bỏ sắc lệnh trục xuất các hoàng gia. Và ở nghị viện cũng đều kỳ diễn ra quang cảnh một nghị viện của những phần tử bảo hoàng mà lại cứ khăng khăng đóng cổng không cho nhưng ông vua bị trục xuất của họ được trở về nước. Ngày xưa, khi giết Hen-ri VI, Ri-sớt III đã nhận xét rằng Hen-ri VI là một người quá tốt đối với thế giới này, địa vị của ông ta là ở trên thiên đường kia. Còn các phái bảo hoàng thì thừa nhận rằng nước Pháp là một nước quá xấu nên không đáng có vua trở lại. Sức mạnh của hoàn cảnh đã buộc những người bảo hoàng ấy trở thành những người cộng hòa, và nhiều lần phải phê chuẩn quyết định của nhân dân trục xuất những vị vua của chúng ra khỏi nước Pháp.

Việc xét lại hiến pháp - và hoàn cảnh buộc phải đưa vấn đề đó ra thảo luận - không những làm nguy hại đến nền cộng hòa mà còn làm nguy hại đến sự thống trị chung của hai phe trong giai

cấp tư sản; đi đôi với khả năng phục hồi chế độ quần chủ, nó còn làm thức tỉnh sự đối địch giữa những lợi ích mà chế độ quân chủ đã lần lượt là kẻ đại diện chủ yếu, và làm thức tỉnh cuộc đấu tranh giành bá quyền giữa hai phe của giai cấp tư sản. Những nhà ngoại giao của đảng trật tự hy vọng chấm dứt được cuộc đấu tranh bằng cách kết hợp hai triều đại lại, bằng cái gọi là sự *hợp nhất* các đảng bảo hoàng và các hoàng tộc của họ. Sự hợp nhất thực sự của triều Phục tích và triều Quân chủ tháng Bảy chính là chế độ cộng hòa đại nghị, trong đó các màu sắc Oóc-lê-ăng và chính thống đã bị xóa nhòa đi, và các loại tư sản khác nhau đã hòa tan trong con người tư sản nói chung, trong con người tư sản với tư cách là đại biểu của chủng loại. Nhưng giờ đây thì người theo phái Oóc-lê-ăng phải trở thành người theo phái chính thống, và người theo phái chính thống phải thành người theo phái Oóc-lê-ăng. Triều đại quân chủ, vốn là hiện thân của sự đối kháng giữa hai phe ấy, bây giờ phải là hiện thân của sự thống nhất của họ; biểu hiện của những lợi ích bè phái loại trừ lẫn nhau của họ phải trở thành lợi ích chung của giai cấp họ; chế độ quân chủ phải thực hiện cái mà chỉ có việc xóa bỏ cả hai triều quân chủ, chỉ có chế độ cộng hòa, mới có thể thực hiện được và đã thực hiện rồi. Đó là viên đá luyện vàng mà các nhà thuật sĩ của đảng trật tự đã phải nát óc mới tìm ra được. Làm như thể là một ngày nào đó, nền quân chủ chính thống có thể trở thành nền quân chủ của các nhà tư sản công nghiệp, hoặc nền quân chủ tư sản có thể trở thành nền quân chủ của giai cấp địa chủ quý tộc thế tập! Làm như thể là sở hữu ruộng đất và công nghiệp có thể kết nghĩa anh em với nhau dưới một chiếc vương miện *duy nhất,* trong khi chiếc vương miện đó chỉ có thể đội được cho một cái đầu thôi, hoặc là đầu của người anh, hoặc là đầu của người em. Làm như thể là công nghiệp, nói chung có thể hòa hoãn với sở hữu ruộng đất, trong khi sở hữu ruộng đất vẫn chưa quyết tâm tự mình trở thành công nghiệp. Nếu ngày mai đây Hăng-ri V có băng hà đi nữa, thì bá tước Pa-ri cũng vẫn không trở thành ông vua của phái chính

thống, trừ phi bá tước đó không còn là ông vua của phái Oóc-lê-ăng nữa. Song, các nhà triết học của sự hợp nhất lại càng cất cao giọng khi mà vấn đề xét lại hiến pháp ngày càng được đặt lên hàng đầu, đã biến tờ báo "Assemblée nationale" thành một tờ nhật báo chính thức của mình, và thậm chí trong giây phút này (tháng Hai 1852), họ lại bắt tay vào việc một lần nữa, - các nhà triết học của sự hợp nhất ấy đã giải thích tất cả mọi khó khăn bằng sự chống đối và ganh đua nhau giữa hai triều đại. Những mưu toan hòa giải dòng Oóc-lê-ăng với Hăng-ri V, được tiến hành ngay từ khi Lu-i - Phi-líp chết, - nhưng cũng như những âm mưu khôi phục triều đại nói chung chúng chỉ được tiến hành trong những khi Quốc hội nghỉ họp, trong những giờ giải lao, ở hậu trường và nói cho đúng ra là một sự ve vãn có tính chất tình cảm đối với một sự mê tín cũ hơn là một công việc nghiêm chỉnh, - những mưu toan ấy giờ đây đã trở thành một sự trình diễn trọng thể được đảng trật tự mang lên diễn trên sân khấu công cộng, chứ không phải chỉ diễn trên sân khấu tài tử như từ trước đến nay nữa. Công văn bay từ Pa-ri đến Vơ-ni-dơ[82], từ Vơ-ni-dơ đến Cle-rơ-mơn, từ Cle-rơ-mơn đến Pa-ri. Bá tước Sam-bo công bố một bản tuyên ngôn, trong đó không phải ông ta loan báo việc phục tích của bản thân ông ta, mà là loan báo việc phục tích "quốc gia", "với sự giúp đỡ của tất cả những người trong gia đình mình”. Phần tử Oóc-lê-ăng Xan-văng-đi phủ phục dưới chân Hăng-ri V. Các thủ lĩnh phái chính thống là Be-ri-ê, Bơ-noa Đa-di, Xanh - Pri-xtơ đến Cle-rơ-mơn để thuyết phục dòng Oóc-lê-ăng, nhưng vô hiệu. Những kẻ chủ trương hợp nhất đã nhận thấy một cách quá muộn rằng những lợi ích của cả hai phe trong giai cấp tư sản, trở nên sâu sắc hơn dưới hình thức những lợi ích của hai gia tộc, của hai triều đại, không vì thế mà kém phần loại trừ lẫn nhau, mà có thêm được tinh thần nhân nhượng. Nếu Hăng-ri V thừa nhận bá tước Pa-ri làm người kế vị của mình - đó là kết quả duy nhất mà những người chủ trương hợp nhất có thể hy vọng đạt được trong trường hợp thuận lợi nhất - thì dòng Oóc-lê-ăng cũng không

thu thêm được một quyền nào ngoài những quyền mà sự tuyệt tự của Hăng-ri V đã đảm bảo cho họ, nhưng như thế thì họ lại mất tất cả các quyền mà họ đã thu được nhờ cách mạng tháng Bảy. Như thế thì dòng Oóc-lê-ăng sẽ từ bỏ những tham vọng lâu đời của họ, từ bỏ tất cả những quyền mà nó đã giành giật được trong tay ngành trưởng Buốc-bông qua cuộc đấu tranh gần một thế kỷ, nó sẽ đánh đổi cái đặc quyền lịch sử của mình, cái đặc quyền xây dựng nền quân chủ hiện đại, để lấy cái đặc quyền dựa trên hệ tộc. Do đó, sự hợp nhất chẳng qua chỉ là việc dòng Oóc-lê-ăng tự nguyện thoái vị, từ bỏ những quyền của mình cho phái quân chủ chính thống, ăn năn sám hối từ bỏ đạo Tin lành để quay trở lại đạo Thiên chúa, - một sự cải tạo thậm chí cũng không đem lại cho dòng Oóc-lê-ăng chiếc ngai vàng đã mất, mà sẽ chỉ đem lại cho họ một nấc của chiếc ngai vàng trên đó họ đã ra đời. Những viên bộ trưởng cũ thuộc phái Oóc-lê-ăng như Ghi-dô, Đuy-sa-ten,v.v., cũng vội vã chạy đến Clê-rơ-mơn để chuẩn bị trước công việc hợp nhất - thực ra chỉ đại biểu cho cái trạng thái nôn nao khó chịu sau cuộc cách mạng tháng Bảy, cho tâm trạng thất vọng đối với nền quân chủ tư sản và vào nền quân chủ của những người tư sản, cho sự mê tín vào dòng chính thống, coi đó là lá bùa cuối cùng để chống lại trạng thái vô chính phủ. Họ tưởng rằng mình là những người trung gian giữa dòng Oóc-lê-ăng và dòng Buốc-bông, nhưng thực ra họ chẳng qua chỉ là những phần tử Oóc-lê-ăng phản bội và chính hoàng thân Gioăng-vin đã tiếp họ với tư cách là những người như thế. Còn bộ phận có sức sống, chiến đấu trong phái Oóc-lê-ăng, như Chi-e, Ba-dơ và đồng bọn, thì lại càng dễ thuyết phục cho gia tộc Lu-i - Phi-líp thấy rằng: nếu mọi việc phục tích quân chủ đều giả định phải hợp nhất hai dòng vua lại, mà mọi sự hợp nhất như thế đều đòi hỏi dòng Oóc-lê-ăng phải từ bỏ những quyền của mình, thì tạm thời thừa nhận chế độ cộng hòa và chờ đợi những biến cố cho phép biến cái ghế tổng thống thành một ngai vàng cũng là hoàn toàn phù hợp với truyền thống của tổ tiên dòng họ ấy. Thoạt tiên, người ta phao tin hoàng thân Gioăng-vin

sẽ ứng cử tổng thống, sự tò mò của công chúng được kích thích, thế rồi, mấy tháng sau, vào hồi tháng Chín, khi chủ trương đòi xét lại hiến pháp bị bác bỏ, thì việc ứng cử của hoàng thân Gioăng-vin được công bố công khai.

Như vậy, mưu toan hợp nhất hai phe bảo hoàng Oóc-lê-ăng và chính thống chẳng những đã thất bại, mà nó lại còn phá vỡ *sự hợp nhất* của họ *ở nghị trường*, phá vỡ hình thức cộng hòa chung của họ, và một lần nữa lại làm cho đảng trật tự phân hóa thành những bộ phận cấu thành ban đầu của nó. Nhưng, sự ghẻ lạnh giữa Cle-rơ-mơn và Vơ-ni-dơ càng tăng lên, mối hòa hảo giữa hai bên càng đổ vỡ thêm, sự cổ động cho Gioăng-vin càng được đẩy mạnh, thì những cuộc thương lượng giữa Phô-sê, bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ, với phe bảo hoàng chính thống cũng trở nên ráo riết hơn, nghiêm chỉnh hơn.

Sự tan rã của đảng trật tự không phải chỉ dừng lại ở sự phân giải của nó thành những bộ phận cấu thành. Mỗi phe trong hai phe lớn đó, đến lượt nó cũng lại phân nhỏ ra hơn nữa. Dường như tất cả những màu sắc cũ, trước kia đã từng đấu tranh với nhau và loại trừ lẫn nhau trong nội bộ của mỗi phe, chính thống cũng như Oóc-lê-ăng, thì bây giờ lại được phục hồi, chẳng khác gì những con thảo trùng chết khô nay gặp nước; những màu sắc cũ ấy dường như đã nhận được một nguồn sinh lực đủ để tạo thành những những nhóm riêng với những lợi ích đối lập độc lập. Phái bảo hoàng chính thống thì hồi tưởng lại thời kỳ tranh chấp giữa điện Tuyn-lơ-ri với lầu Mác-xanh, giữa Vi-len với Pô-li-nhắc[83]. Phái Oóc-lê-ăng thì nhớ lại thời đại hoàng kim của những cuộc đọ gươm giữa Ghi-dô, Mô-lê, Brôi, Chi-e và Ô-đi-lông Ba-rô.

Một bộ phận của đảng trật tự ủng hộ việc xét lại hiến pháp nhưng lại có quan điểm khác nhau về giới hạn của việc xét lại đó, bao gồm phái chính thống, một mặt, do Be-ri-ê và Phan-lu cầm đầu, và mặt khác do La-rô-sơ-giắc-cơ-lanh cầm đầu, và phái Oóc-lê-ăng đã mệt mỏi vì đấu tranh, do Mô-lê, Brôi, Mông-ta-lăm-be và Ô-đi-lông

Ba-rô cầm đầu, - bộ phận ấy đã liên kết với những đại biểu phái Bô-na-pác-tơ để đưa ra một đề nghị mơ hồ và bao quát như sau:

"Những đại biểu ký tên dưới đây đề nghị xét lại bản hiến pháp nhằm mục đích trao lại cho quốc dân việc thực hiện đầy đủ chủ quyền của mình".

Nhưng đồng thời, thông qua báo cáo viên của mình là Tốc-cơ-vin, các đại biểu này nhất trí tuyên bố rằng Quốc hội không có quyền đề nghị *bãi bỏ chế độ cộng hòa* và chỉ có một viện được triệu tập để xét lại hiến pháp, mới có quyền đó. Vả lại, theo họ thì hiến pháp chỉ có thể được xét lại *bằng con đường "hợp pháp",* nghĩa là nếu được một đa số là ba phần tư tổng số phiếu tán thành như hiến pháp đã quy định. Sau sáu ngày tranh cãi ầm ỹ, đến ngày 19 tháng Bảy, đề nghị xét lại hiến pháp bị bác bỏ như mọi người đã dự đoán. Tán thành việc xét lại có 446 phiếu, phản đối – có 278 phiếu. Phái Oóc-lê-ăng cực đoan như Chi-e, Săng-gác-ni-ê, v.v., cùng bỏ phiếu theo phái cộng hòa và phái Núi.

Như thế là đa số trong nghị viện đã tuyên bố chống lại hiến pháp, nhưng chính ngay hiến pháp ấy lại ủng hộ thiểu số trong nghị viện, và đã làm cho quyết định của thiểu số này mang tính chất bắt buộc. Nhưng ngày 31 tháng Năm l850, ngày 13 tháng Sáu 1849, đảng trật tự chẳng đã đặt đa số trong nghị viện cao hơn hiến pháp đó sao? Toàn bộ cái chính sách trước đây của đảng trật tự há chẳng đã dựa trên cơ sở bắt các điều khoản của hiến pháp phải phục tùng những quyết định của đa số nghị viện đó sao? Đảng trật tự há chẳng đã để cho phái dân chủ mê tín kiểu như kinh Cựu ước đối với từng câu từng chữ của luật pháp, và chẳng đã trừng trị phái dân chủ về sự mê tín đó, hay sao? Nhưng, trong lúc này, việc xét lại hiến pháp không có nghĩa gì khác hơn là kéo dài thời hạn quyền lực của tổng thống, còn việc kéo dài thời hạn của hiến pháp không có nghĩa gì khác hơn là lật đổ Bô-na-pác-tơ. Nghị viện đã ủng hộ Bô-na-pác-tơ, nhưng hiến pháp lại chống lại nghị viện. Do đó Bô-na-pác-tơ đã hành động theo tinh thần của nghị viện khi xé bỏ hiến pháp và hắn đã hành động theo tinh thần của hiến pháp khi hắn giải tán nghị viện.

Nghị viện đã tuyên bố hiến pháp - và cùng với hiến pháp, sự thống trị của bản thân nghị viện - là "ở ngoài đa số"; với quyết định của mình nghị viện đã thủ tiêu hiến pháp, kéo dài thời hạn quyền lực của tổng thống và đồng thời cũng tuyên bố rằng chừng nào mà bản thân nghị viện còn tồn tại, thì chừng ấy hiến pháp không thể chết được và quyền hành tổng thống cũng không thể sống được. Những kẻ trong tương lai sẽ đào huyệt chôn nghị viện đã đứng chực ở cửa nghị viện rồi. Trong khi nghị viện đang bận tranh luận vấn đề xét lại hiến pháp, thì Bô-na-pác-tơ đã cách chức Ba-ra-ghê đ'In-li-ê, tư lệnh sư đoàn một, vì tướng này đã tỏ ý lừng chừng, và cử tướng Ma-nhăng, kẻ đã chiến thắng ở Ly-ông, người anh hùng trong vụ biến động hồi tháng Chạp, một trong những tay sai của hắn, đã ít nhiều bị mất uy tín vì đã ủng hộ Bô-na-pác-tơ trong cuộc chinh phạt ở Bu-lông ngay dưới thời Lu-i - Phi-líp, - giữ chức vụ này.

Bằng quyết định của mình về vấn đề xét lại hiến pháp, đảng trật tự đã tỏ ra không biết thống trị mà cũng không biết phục tùng, không biết sống mà cũng không biết chết, không biết hòa hoãn với chế độ cộng hòa mà cũng không biết lật đổ chế độ ấy, không biết duy trì hiến pháp nguyên vẹn mà cũng không biết gạt bỏ nó, không biết cộng tác với tổng thống mà cũng không biết đoạn tuyệt với hắn. Vậy, đảng trật tự chờ ai giải quyết tất cả những mâu thuẫn ấy? Chờ thời điểm, chờ bước tiến triển của các biến cố. Đảng trật tự không còn gán cho mình cái quyền lực khống chế được các sự biến nữa. Do đó, nó đã tự để cho mình chịu sự chi phối của các sự kiện, nghĩa là chịu sự chi phối của một lực lượng mà trong cuộc đấu tranh của nó chống lại nhân dân, nó đã nhường lại hết thuộc tính này đến thuộc tính khác của quyền lực, cho đến khi chính bản thân nó bị mất hết quyền lực trước lực lượng ấy. Và để tạo cơ hội cho kẻ đứng đầu quyền hành pháp được tự do hơn trong việc vạch kế hoạch chiến đấu chống lại nó, tăng cường những phương tiện tấn công của hắn, lựa chọn vũ khí của hắn, củng cố vị trí của hắn, đảng trật tự đã quyết định rời bỏ vũ

đài chiến đấu và nghỉ họp nghị viện ba tháng, từ ngày 10 tháng Tám đến ngày 4 tháng Mười một, vào đúng cái thời điểm nguy kịch ấy.

Việc đảng nghị trường đã chia ra thành hai phái lớn, việc mỗi phái ấy đến lượt mình lại chia nhỏ ra, vẫn chưa đủ - đảng trật tự trong nghị viện còn phân kỳ với đảng trật tự ở *ngoài* nghị viện nữa. Những diễn giả và những nhà văn của giai cấp tư sản, diễn đàn và báo chí của nó, tóm lại, các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản và bản thân giai cấp ấy, những người đại biểu và những người được đại biểu, đã trở nên xa lạ nhau và không hiểu nhau nữa.

Những phần tử chính thống ở các tỉnh, với tầm mắt hạn chế và lòng hăng hái vô hạn của họ, đã buộc tội các thủ lĩnh của họ ở nghị viện, Be-ri-ê và Phan-lu là đã đào ngũ chạy sang phe Bô-na-pác-tơ và đã phản lại Hăng-ri V. Trí thông minh của những người ấy, trong trắng như hoa huệ dòng Buốc-bông, đã tin vào tội tổ tông chứ không tin vào ngoại giao.

Vô cùng nguy hại hơn và có tính quyết định hơn, là sự đoạn tuyệt giữa giai cấp tư sản thương nghiệp với những chính khách của họ. Trong khi các phần tử chính thống trách các đại biểu của họ là đã lìa bỏ nguyên tắc, thì giai cấp tư sản thương nghiệp, trái lại, đã trách các đại biểu mình là trung thành mãi với những nguyên tắc đã trở nên vô dụng.

Trên đây tôi đã chỉ rõ rằng, từ khi Phun-đơ tham gia nội các, thì bộ phận của giai cấp tư sản thương nghiệp từng nắm phần lớn quyền lực dưới thời Lu-i - Phi-líp, tức là *bọn quý tộc tài chính,* đã trở thành những kẻ đi theo Bô-na-pác-tơ. Phun-đơ chẳng những bảo vệ lợi ích của Bô-na-pác-tơ ở sở giao dịch, - hắn còn bảo vệ lợi ích của sở giao dịch trước Bô-na-pác-tơ. Lập trường của bọn quý tộc tài chính đã được miêu tả hết sức rõ rệt trong một đoạn đăng ở cơ quan ngôn luận của chúng ở châu Âu, tức là tờ "Economist" [84] ở Luân Đôn. Trong số ra ngày 1 tháng Hai 185l, tạp chí đó đã đăng một bài từ Pa-ri gửi tới:

“Giờ đây chúng ta nhận được từ khắp mọi phía những lời tuyên bố nói rằng nước Pháp trước hết cần được yên tĩnh. Tổng thống tuyên bố điều đó trong bức thông điệp gửi cho Quốc hội lập pháp; điều đó cũng được nhắc lại như một tiếng vang từ diễn đàn Quốc hội, được xác nhận trên báo chí, được công bố tại giảng đàn nhà thờ; *sự nhạy cảm của các phiếu quốc trái đối với mỗi một nguy cơ nhỏ nhất đe dọa làm rối loạn sự yên tĩnh, và sự ổn định của chúng mỗi khi quyền hành pháp thắng thế, cũng chứng minh điều đó*”.

Trong số ra ngày 29 tháng Mười một 1851, tờ "Economist" đã nhân danh nó tuyên bố:

"Trong tất cả mọi sở giao dịch ở châu Âu, tổng thống hiện được công nhận là người lính canh giữ trật tự”.

Do đó, bọn quý tộc tài chính nguyền rủa cuộc đấu tranh nghị trường do đảng trật tự tiến hành chống lại quyền hành pháp, coi đó là một sự *vi phạm trật tự,* và họ chào mừng mỗi thắng lợi của tổng thống đối với những kẻ gọi là những đại biểu của bản thân chúng, như là một *thắng lợi của trật tự.* Ở đây, không nên hiểu rằng bọn quý tộc tài chính chỉ gồm có những kẻ trung gian lớn trong việc phát hành các trái khoản và những tay đầu cơ quốc trái mà lợi ích nhất trí với lợi ích của chính quyền nhà nước, vì những lý do hoàn toàn dễ hiểu. Tất cả giới tài chính hiện đại, tất cả giới ngân hàng đều gắn rất mật thiết với tín dụng quốc gia. Một phần tư bản ngân hàng của họ tất nhiên phải được bỏ vào các chứng khoán có lãi của nhà nước có thể chuyển thành tiền mặt một cách dễ dàng. Những khoản tiền gửi ngân hàng, tức là những tư bản gửi vào các ngân hàng và do các ngân hàng phân phối cho những nhà thương nghiệp và công nghiệp, một phần là do tiền lãi của những chủ nợ của nhà nước mà ra. Nếu trong mọi thời kỳ, sự ổn định của chính quyền nhà nước đều là thánh địa thiêng liêng cũ đối với toàn bộ thị trường tiền tệ và những pháp sư của thị trường ấy, thì ngày nay, - khi mà mỗi nạn hồng thủy đều đe dọa quét khỏi mặt đất những món nợ cũ của nhà nước cùng với những nhà nước cũ, - làm sao lại có thể khác thế được?

Cả *giai cấp tư sản công nghiệp,* đang cuồng tín khao khát trật tự, cũng bất bình về những mối phân tranh giữa đảng trật tự ở

nghị viện và quyền hành pháp. Chi-e, Ăng-glét, Xanh - Bơ-vơ, v.v., sau cuộc bỏ phiếu của họ ngày 18 tháng Giêng nhân việc cách chức Săng-gác-ni-ê đã bị những cử tri của họ ở ngay những tỉnh công nghiệp, công khai khiển trách, đặc biệt là sự liên minh của họ với phái Núi đã bị lên án như là một sự phản bội nghiêm trọng đối với trật tự. Như chúng ta đã thấy, nếu những sự châm chọc khoác lác và những mưu mô nhỏ nhặt – cuộc đấu tranh của đảng trật tự chống lại tổng thống quy lại là như vậy, - không đáng được hoan nghênh hơn, thì mặt khác, bộ phận ấy của giai cấp tư sản, những kẻ đang đòi hỏi các đại biểu của họ phải ngoan ngoãn giao ngay quyền lực quân sự từ trong tay nghị viện của chính họ vào tay một tên phiêu lưu rắp tâm lên ngôi hoàng đế, thậm chí cũng không xứng đáng với những mưu mô đã được thực hiện vì lợi ích của họ nữa. Bộ phận ấy chỉ ra rằng cuộc đấu tranh cho lợi ích *công cộng* của họ, cho *lợi ích giai cấp* của chính họ, cho *quyền lực chính trị* của họ, là một trở ngại cho những công việc kinh doanh riêng của họ, chỉ đè nặng lên họ và làm cho họ khó chịu mà thôi.

Các thân hào tư sản ở các tỉnh lỵ, các ủy viên hội đồng thị chính, các viên thẩm phán tòa án thương mại v.v., hầu như không có ngoại lệ, đâu đâu cũng đều đón tiếp Bô-na-pác-tơ một cách hết sức nô lệ trong những cuộc kinh lý của hắn, - ngay cả ở Đi-giông, là nơi hắn đã công kích Quốc hội, đặc biệt là công kích đảng trật tự không chút nể nang.

Khi thương nghiệp phát đạt, - như điều đó còn diễn ra vào đầu năm 1851, - thì giai cấp tư sản thương nghiệp đả kích ầm ĩ bất kỳ cuộc đấu tranh nghị trường nào, sợ rằng nó sẽ làm hại đến công việc buôn bán của họ. Khi thương nghiệp bị đình đốn, - như tình hình vẫn thường xảy ra, bắt đầu từ cuối tháng Hai 1851, - thì giai cấp tư sản thương nghiệp lại phàn nàn về những cuộc đấu tranh ở nghị trường, cho rằng đó là nguyên nhân làm cho công việc làm ăn bị đình đốn, và họ kêu gào đòi chấm dứt những cuộc đấu tranh ấy để cho công việc buôn bán lại có thể tiếp tục. Các

cuộc tranh luận về vấn đề xét lại hiến pháp đã diễn ra đúng vào thời kỳ khó khăn này. Vì đây là vấn đề còn hay mất của hình thức nhà nước hiện tồn, cho nên giai cấp tư sản càng cho mình có quyền yêu cầu các đại biểu của họ chấm dứt cái tình trạng tạm thời đau khổ ấy và đồng thời cứ giữ nguyên tình trạng hiện tồn. Ở đây không có gì là mâu thuẫn cả. Giai cấp tư sản hiểu chấm dứt tình trạng tạm thời là kéo dài cái tình trạng tạm thời ấy, là hoãn cái giờ phút cần phải quyết định vấn đề đến một thời gian xa xăm mù mịt. Chỉ có thể giữ status quo bằng hai cách: hoặc là kéo đài thời hạn cầm quyền của Bô-na-pác-tơ, hoặc là cất quyền của Bô-na-pác-tơ đi theo đúng hiến pháp và bầu Ca-ve-nhắc. Một bộ phận trong giai cấp tư sản mong muốn cách giải quyết sau, nhưng bọ không biết khuyên các đại biểu của họ làm một cái gì tốt hơn là cứ lặng thinh và đừng đụng đến vấn đề nóng bỏng ấy. Họ nghĩ rằng nếu các đại biểu của họ không nói năng gì thì Bô-na-pác-tơ cũng sẽ không hành động gì. Họ muốn có một nghị viện đà điểu cứ giấu đầu đi để khỏi ai trông thấy mình. Một bộ phận khác của giai cấp tư sản lại muốn cứ để Bô-na-pác-tơ ở ghế tổng thống, một khi hắn đã ngồi đấy rồi, để cho mọi việc đều vẫn y nguyên như cũ. Họ nổi giận vì nghị viện của họ không công khai vi phạm hiến pháp và không chịu thẳng thừng từ bỏ quyền lực.

Các hội đồng hàng tỉnh, tức tổ chức đại diện ở tỉnh của giai cấp đại tư sản, nhóm họp trong khi Quốc hội nghỉ, từ ngày 25 tháng Tám, hầu như nhất trí tán thành việc xét lại hiến pháp, tức là chống lại nghị viện và ủng hộ Bô-na-pác-tơ.

Nhưng giai cấp tư sản còn bộc lộ sự tức giận của họ đối với các đại biểu của họ trong văn học, đối với báo chí của chính họ, một cách còn rõ ràng hơn là đối với *những đại biểu* của họ *trong nghị viện.* Không chỉ nước Pháp, mà cả châu Âu cũng đều kinh ngạc về những vụ phạt tiền quá nặng và những vụ phạt tù nhục nhã của các tòa án tư sản đối với bất kỳ nhà báo tư sản nào đã viết bài công kích những khát vọng tiếm vị của Bô-na-pác-tơ, đối

với bất kỳ báo chí nào đã mưu toan bảo vệ những quyền chính trị của giai cấp tư sản chống lại quyền hành pháp.

Như tôi đã chỉ rõ, nếu bằng những tiếng gào thét của nó đòi yên tĩnh, *đảng trật tự ở nghị viện* đã tự buộc mình phải về vườn; nếu trong cuộc đấu tranh của mình chống các giai cấp khác trong xã hội, tự tay mình thủ tiêu tất cả mọi điều kiện của chính cái chế độ của mình, tức là của chế độ đại nghị, đảng trật tự đã tuyên bố nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản là không thể dung hợp được với sự an ninh và sự tồn tại của giai cấp ấy, thì trái lại, *khối đông giai cấp tư sản ở ngoài nghị trường*, - với thái độ nô lệ của họ đối với tổng thống, với những lời lăng mạ của họ đối với nghị viện, với thái độ tàn nhẫn của họ đối với báo chí của họ, - lại khích lệ Bô-na-pác-tơ đàn áp, tiêu diệt bộ phận nói năng và viết lách của họ, những nhà chính trị và những nhà trước tác của họ, diễn đàn và báo chí của họ, - tất cả là để cho họ có thể yên tâm lo công việc làm ăn riêng của họ dưới sự bảo vệ của một chính phủ mạnh và chuyên chế. Họ tuyên bố rõ ràng rằng họ tha thiết mong muốn thoát khỏi sự thống trị của chính họ để thoát khỏi những sự vất vả và những sự nguy hiểm gắn liền với sự thống trị đó.

Và chính cái giai cấp tư sản ngoài nghị trường ấy, trước kia đã từng nổi giận về sự đấu tranh thuần túy nghị trường và bằng sách báo nhằm bảo vệ sự thống trị của chính giai cấp họ, và đã phản bội những lãnh tụ cuộc đấu tranh ấy, - chính giai cấp ấy giờ đây, sau khi việc đã rồi, lại dám buộc tội giai cấp vô sản là đã không đứng lên đấu tranh vì họ, trong một cuộc đấu tranh đổ máu, một cuộc đấu tranh một mất một còn! Cái giai cấp tư sản ấy, lúc nào cũng hy sinh lợi ích chung của giai cấp mình, nghĩa là lợi ích chính trị của giai cấp mình, để bảo vệ những lợi ích riêng tư thiển cận nhất, bẩn thỉu nhất của họ, và đòi hỏi các đại biểu của họ cũng phải hy sinh như thế, giai cấp ấy giờ đây lại gào thét rằng giai cấp vô sản đã đem những lợi ích chính trị lý tưởng của nó hy sinh cho lợi ích của mình. Giai cấp tư sản ấy làm ra

vẻ mình là kẻ có tâm hồn cao thượng mà không ai biết đến, và bị giai cấp vô sản bỏ rơi trong giờ phút quyết định, vì giai cấp này đã bị những người xã hội chủ nghĩa làm cho lầm đường lạc lối. Và những tiếng gào thét của nó đã được hưởng ứng khắp nơi trong thế giới tư sản. Dĩ nhiên, ở đây tôi không nói đến bọn chính khách quèn và bọn trí thức nửa mùa ở Đức. Ví dụ, tôi muốn nói đến cũng vẫn tờ tạp chí "Economist" ấy; tờ tạp chí này ngày 29 tháng Mười một 1851, nghĩa là chỉ bốn ngày trước cuộc chính biến, còn tuyên bố Bô-na-pác-tơ là "người lính canh giữ trật tự" và quy kết Chi-e và Be-ri-ê là "những phần tử vô chính phủ", và đến ngày 27 tháng Chạp 1851, khi Bô-na-pác-tơ dã dẹp yên được "những phần tử vô chính phủ" ấy, thì nó lại kêu tướng lên rằng "những quần chúng vô sản ngu dốt, vô giáo dục, đần độn" đã phản lại “những tài năng, sự hiểu biết, kỷ luật, ảnh hưởng tinh thần, những nguồn trí tuệ và uy tín đạo đức của các tầng lớp trung lưu và thượng lưu trong xã hội". Đám quần chúng đần độn, ngu dốt, và đê tiện ấy chẳng phải ai đâu khác, mà chính là đám quần chúng tư sản.

Năm 1851, quả thật nước Pháp đã trải qua một loại khủng hoảng nhỏ về thương nghiệp. Cuối tháng Hai, so với năm trước, xuất khẩu bị giảm sút so với năm 1850; trong tháng Ba, thương nghiệp sút kém và các công xưởng bắt đầu đóng cửa; trong tháng Tư, tình hình các tỉnh công nghiệp cơ hồ cũng nguy ngập chẳng khác gì những ngày sau sự biến tháng Hai; trong tháng Năm, tình hình vẫn chưa trở lại được như cũ; ngày 28 tháng Sáu, số tồn kho của Ngân hàng nước Pháp với sự tăng lên rất mạnh của các khoản tiền gửi ngân hàng và sự giảm xuống cũng mạnh như thế của công việc chiết khấu, đã chứng minh sự đình đốn trong sản xuất, và chỉ đến trung tuần tháng Mười, tình hình mới bắt đầu dần dần hồi phục. Giai cấp tư sản Pháp cho rằng sự đình trệ về thương nghiệp ấy là do những nguyên nhân thuần túy chính trị, là do cuộc đấu tranh giữa nghị viện và quyền hành pháp, là do sự không ổn định của một hình thức chính quyền nhà nước chỉ có tính chất

tạm thời, là do cái viễn ảnh khủng khiếp của ngày chủ nhật thứ hai trong tháng Năm 1852. Tôi không phủ nhận rằng tất cả những tình hình ấy đã ảnh hưởng đến sự giảm sút trong một số ngành công nghiệp ở Pa-ri và ở các tỉnh. Nhưng, dù sao, ảnh hưởng đó của tình hình chính trị chỉ có tính chất địa phương và không quan trọng. Chứng minh điều đó tốt hơn cả là cái sự kiện: đúng giữa lúc tình hình chính trị trở nên xấu hơn, chân trời chính trị bị mây đen bao phủ, giữa lúc mọi người đều luôn luôn chờ đợi một tia chớp lóe ra từ điện Ê-li-dê, tức là vào trung tuần tháng Mười, thì thương nghiệp lại bắt đầu phục hồi. Vả lại, trong suốt thời gian cuộc triển lãm công nghiệp ở Luân Đôn[85], con người tư sản Pháp mà "tài năng, sự hiểu biết, óc sáng suốt và nguồn trí tuệ" không vượt quá cái mũi của hắn, cũng đã có thể chạm mũi phải nguyên nhân thực sự của những tai họa thương nghiệp của hắn. Trong khi ở Pháp các công xưởng bị đóng cửa, thì ở Anh xảy ra nhiều vụ phá sản về thương nghiệp. Nếu như ở Pháp, sự hoảng loạn về công nghiệp lên đến cực điểm vào hồi tháng Tư và tháng Năm, thì ở Anh, hồi tháng Tư và tháng Năm, sự hoảng loạn về thương nghiệp lên tới cực điểm. Việc sản xuất len và công nghiệp tơ lụa ở Anh cũng bị thiệt hại chẳng khác gì ở Pháp. Mặc dầu các xưởng chế tạo bông sợi của Anh vẫn tiếp tục làm việc, nhưng chúng không còn thu được lợi nhuận như những năm 1849 và 1850 nữa. Điểm khác nhau duy nhất là ở Pháp thì khủng hoảng công nghiệp mà ở Anh thì khủng hoảng thương nghiệp, ở pháp các công xưởng ngừng hoạt động thì ở Anh các công xưởng lại mở rộng sản xuất, nhưng trong những điều kiện kém thuận lợi hơn những năm trước đây, ở Pháp bị thiệt hại nhiều nhất là xuất khẩu, còn ở Anh thì bị thiệt hại nhiều nhất là nhập khẩu. Cái nguyên nhân chung của tình hình ấy, - nguyên nhân mà lẽ dĩ nhiên người ta không nên tìm trong phạm vi tình hình chính trị nước Pháp, - đã rõ mồn một. Các năm 1849 và 1850 là những năm hết sức phồn thịnh về vật chất và sản xuất thừa, mà kết quả chỉ mãi đến năm 1851 mới bộc lộ. Vào đầu năm ấy nạn sản xuất thừa đặc biệt trở nên trầm

trọng, vì cuộc triển lãm công nghiệp sắp tới. Thêm vào đó, còn có những hoàn cảnh đặc biệt sau đây: lúc đầu là nạn mất mùa bông trong những năm 1850 và 1851, rồi sau đó là sự tin chắc được mùa bông to không ai ngờ tới; trước thì giá bông lên cao, kế đến thì giá bông lại hạ xuống đột ngột, tóm lại là những sự lên xuống trong giá bông. Thu hoạch về tơ sống, ít ra là ở nước Pháp, bị tụt xuống dưới mức trung bình. Sau hết, ngành công nghiệp len từ năm 1848 đã phát triển rộng đến nỗi việc sản xuất len đã không thể đi kịp nó, và so với giá hàng len thì giá len sống lên cao một cách quá mức. Như thế là ở đây, trong tình hình nguyên liệu của ba ngành công nghiệp sản xuất cho thị trường thế giới, chúng ta đã thấy ba nguyên nhân của sự đình trệ về thương nghiệp rồi. Nếu không nói tới những hoàn cảnh đặc biệt ấy thì cuộc khủng hoảng bề ngoài năm 1851 chẳng qua chỉ là một sự đình trệ thường xuyên diễn ra cùng với nạn sản xuất thừa và đầu cơ quá mức trong chu kỳ công nghiệp, trước khi chúng đem hết sức lực ra để hối hả vượt qua giai đoạn cuối cùng của chu kỳ và trở về khởi điểm của chúng là cuộc *tổng khủng hoảng thương nghiệp.* Trong những khoảng thời gian như vậy của lịch sử thương nghiệp, nhiều cuộc phá sản về thương nghiệp xảy ra ở Anh, còn ở Pháp thì chính bản thân công nghiệp bị đình lại, một phần vì công nghiệp Pháp bắt buộc phải rút lui trên tất các thị trường trước sự cạnh tranh của Anh mà lúc bấy giờ Pháp không thể đương đầu nổi, còn phần khác thì vì với tư cách là một công nghiệp sản xuất hàng xa xỉ, nó đặc biệt nhạy cảm đối với mọi sự đình đốn trong thương nghiệp. Như vậy, ngoài những cuộc khủng hoảng chung, nước Pháp còn trải qua những cuộc khủng hoảng thương nghiệp quốc gia riêng của mình nữa, nhưng những cuộc khủng hoảng này do tình hình chung của thị trường quốc tế quyết định và chi phối nhiều hơn là do những ảnh hưởng địa phương của nước Pháp. Nếu chúng ta đem đối chiếu thiên kiến của người tư sản Pháp với sự phán đoán của người tư sản Anh tưởng cũng không phải là không có ích. Một trong những hãng buôn lớn ở Li-vớc-pun

đã viết những dòng sau đây trong bản tổng kết thương nghiệp hàng năm của nó về năm 1851:

"Ít có năm nào lại đánh lạc hướng những dự đoán hồi đầu năm, hơn là năm vừa qua. Đáng lẽ là một năm đại thịnh vượng như mọi người đều nhất trí hy vọng, thì lại là năm bi đát nhất chưa từng thấy từ một phần tư thế kỷ nay. Dĩ nhiên, điều đó chỉ đúng đối với các giai cấp thương nghiệp thôi, chứ không đúng đối với các giai cấp công nghiệp. Ấy thế mà, vào hồi đầu năm, người ta đều có lý do vững chắc để trù liệu tình hình ngược lại: dự trữ hàng hóa ít ỏi, số tư bản lại dồi dào, giá thực phẩm hạ, mùa màng lại chắc chắn được to; trên lục địa thì hòa bình yên ổn và trong nước thì không có những rối loạn về chính trị hay tài chính; thực vậy, có vẻ như là thương nghiệp có thể trải rộng đôi cánh hơn bao giờ hết... Vậy nên quy cái kết quả bất lợi ấy cho nguyên nhân nào? Chúng tôi nghĩ là nên quy cho *sự phát triển quá mức của thương nghiệp,* kể cả nhập khẩu lẫn xuất khẩu. Nếu bản thân các thương nhân chúng ta không đặt hoạt động của mình với những giới hạn chặt hẹp hơn thì không có gì có thể giữ được cái thế quân bình cho chúng ta, ngoài cái nạn hoảng loạn cứ ba năm lại xảy ra một lần".

Bây giờ chúng ta hãy hình dung con người tư sản Pháp trong cơn hoảng loạn thương nghiệp đó, với cái đầu óc rồ dại vì thương nghiệp của họ, cái đầu óc lúc nào cũng bị tra tấn, quấy nhiễu, choáng váng, vì những tin đồn chính biến và lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông, vì cuộc đấu tranh giữa nghị viện và quyền hành pháp, vì cuộc phân tranh giữa phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống, vì những âm mưu cộng sản ở miền nam nước Pháp, vì những cuộc nổi loạn giả tưởng của nông dân ở các tỉnh Ni-e-vrơ và Se-rơ, vì những sự quảng cáo của những người ra ứng cử tổng thống, những khẩu hiệu huênh hoang của các tờ báo, những lời đe dọa của phe cộng hòa sẽ cầm khí giới để bảo vệ hiến pháp và chế độ đầu phiếu phổ thông, những cuốn phúc âm của các tay anh hùng lưu vong in partibus tiên đoán ngày tận thế vào chủ nhật thứ hai trong tháng Năm 1852, - chúng ta hãy hình dung con người tư sản Pháp trong tình hình như thế, thì lúc đó chúng ta sẽ hiểu tại sao trong tình trạng hỗn độn inh tai váng óc không thể tưởng tượng được như thế do những việc hợp nhất, xét lại, kéo dài, bảo vệ, âm mưu, liên minh, lưu vong, tiếm quyền và cách mạng, người tư sản đã phát điên lên mà thét vào mặt chế độ cộng hòa đại nghị của mình: *"Một sự kết thúc khủng khiếp còn hơn là một sự khủng khiếp không bao giờ kết thúc!"*

Bô-na-pác-tơ đã hiểu được tiếng thét ấy. Trí thông minh của hắn đã tăng thêm do sự thôi thúc ngày càng dữ dội của các chủ nợ; những người này, cứ mỗi lần mặt trời lặn làm cho ngày mãn nhiệm kỳ tổng thống, tức ngày chủ nhật tuần lễ thứ hai của tháng Năm 1852, càng tới gần, thì lại cảm thấy sự vận động của các vì sao đang chống lại những kỳ phiếu của họ ở hạ giới. Bọn họ đã trở thành những nhà chiêm tinh thực sự. Quốc hội đã làm cho Bô-na-pác-tơ không còn hy vọng vào việc kéo dài một cách hợp hiến nhiệm kỳ của mình nữa, và việc hoàng thân Gioăng-vin ra ứng cử tổng thống không cho phép hắn được lưỡng lự lâu hơn nữa.

Nếu một khi nào đó có một biến cố mà bóng đen của nó xuất hiện trước rất lâu trước khi nó xảy đến, thì đó chính là cuộc đảo chính của Bô-na-pác-tơ. Ngay từ ngày 29 tháng Giêng 1849, nghĩa là chưa đầy một tháng sau khi trúng cử, Bô-na-pác-tơ đã đề nghị với Săng-gác-ni-ê làm đảo chính. Viên thủ tướng của hắn, Ô-đi-lông Ba-rô, trong mùa hạ 1849 đã nói đến chính sách làm đảo chính dưới một hình thức che đậy, Chi-e trong mùa đông 1850 thì đã nói đến một cách công khai. Tháng Năm 1851, Péc-xi-nhi một lần nữa cố tìm cách làm cho Săng-gác-ni-ê ủng hộ cuộc đảo chính và tờ "Messager de l'Assemblée"[86] đã công bố cuộc thương lượng ấy. Mỗi lần có bão táp ở nghị trường, báo chí phe Bô-na-pác-tơ lại hăm dọa làm đảo chính, và cuộc khủng hoảng càng đến gần, thì họ lại càng to tiếng. Trong những cuộc chè chén linh đình mà đêm nào Bô-na-pác-tơ cũng tổ chức cùng với bọn bịp bợm sang trọng cả nam lẫn nữ, cứ mỗi lần gần đến nửa đêm, men rượu nốc vào đã bốc ra lời và đốt nóng trí tưởng tượng thì bọn chúng lại quyết định thực hiện cuộc đảo chính vào sáng hôm sau. Gươm được tuốt ra khỏi vỏ, cốc chạm vào nhau, các đại biểu chuồn qua cửa sổ, và cái áo hoàng bào lại được khoác lên vai Bô-na-pác-tơ, cho đến khi ánh ban mai đến xua tan các bóng ma, và qua cửa miệng của những cô gái đồng trinh thờ thần lửa bép xép và của bọn kỵ sĩ ba hoa, Pa-ri kinh ngạc lại được biết là mình vừa qua một cơn nguy hiểm nữa. Trong tháng Chín và tháng Mười, tiếng

đồn về một coup d'état càng dồn dập. Bóng đen đã có màu sắc, hệt như một tấm kính ảnh mầu. Chỉ cần hãy lật những trang nhật báo ở châu Âu xuất bản trong tháng Chín và tháng Mười, là người ta sẽ thấy nguyên văn những tin tức thuộc loại như sau: "Những tiếng đồn đảo chính lan tràn khắp Pa-ri. Người ta nói rằng đêm nay thủ đô sẽ đầy ngập quân đội và đến sáng mai sẽ có những sắc lệnh giải tán Quốc hội, tuyên bố thiết quân luật trong tỉnh Xen, lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông và hiệu triệu nhân dân. Người ta nói rằng Bô-na-pác-tơ hình như đang tìm kiếm những bộ trưởng để thực hiện các sắc lệnh bất hợp pháp ấy". Những bản tin viết về những chuyện đó khi nào cũng kết thúc bằng những tiếng không sao tránh khỏi: *"Hoãn lại".* Đảo chính luôn luôn là tư tưởng ám ảnh Bô-na-pác-tơ. Chính hắn đã trở về Pháp với tư tưởng đó. Tư tưởng đó ám ảnh hắn đến nỗi hắn luôn luôn để lộ và nói hở ra. Nhưng hắn nhu nhược đến nỗi luôn luôn từ bỏ cái ý nghĩ ấy. Cái bóng đen của cuộc đảo chính đã trở thành rất quen thuộc đối với nhân dân Pa-ri như là một bóng ma, đến nỗi cuối cùng khi nó xuất hiện bằng xương bằng thịt thì họ cũng không muốn tin là có thực nữa. Bởi vậy, cuộc đảo chính đã thành công không phải vì sự kín đáo của tên cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp, cũng không phải vì. Quốc hội bị đánh một đòn bất ngờ. Và nếu nó thành công thì thành công ấy đã xảy ra bất chấp tính bép xép của *Bô-na-pác-tơ và với sự biết rõ của Quốc hội* như đó là kết quả tất yếu, không thể tránh khỏi của tiến trình trước đó của các sự kiện.

Ngày 10 tháng Mười, Bô-na-pác-tơ báo cho nội các của hắn biết rằng hắn muốn lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông ngày 16, nội các tổ chức; ngày 26, Pa-ri được tin nội các Tô-ri-nhi thành lập. Đồng thời Mô-pa được cử lên thay Các-li-ê làm cảnh sát trưởng và Ma-nhăng, tư lệnh sư đoàn một, đã tập trung về thủ đô những trung đoàn đáng tin cậy nhất. Ngày 4 tháng Mười một, Quốc hội họp trở lại. Quốc hội chẳng còn cách gì nữa ngoài việc nhắc lại bài bọc đã qua một cách ngắn gọn và chứng tỏ rằng chỉ khi nào nó chết rồi thì người ta mới chôn nó.

Cái vị trí đầu tiên mà Quốc hội đã mất trong cuộc đấu tranh với quyền hành pháp, đó là nội các. Quốc hội phải trịnh trọng thừa nhận sự mất mát ấy bằng cách hoàn toàn công nhận nội các Tô-ri-nhi, một nội các chỉ thuần có hình thức bề ngoài thôi. Ban thường trực Quốc hội đã phá lên cười khi đón tiếp ông Gi-rô đến gặp nó nhân danh nội các mới. Một nội các yếu đuối đến thế mà lại được dùng để thi hành một biện pháp mạnh mẽ như việc lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông! Nhưng toàn bộ vấn đề lúc đó chính là không làm một việc gì *thông qua* nghị viện, mà lại làm tất cả mọi việc để *chống lại* nghị viện.

Ngay ngày họp lại đầu tiên, Quốc hội đã nhận được bức thông điệp của Bô-na-pác-tơ, trong đó, hắn yêu cầu lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông và bãi bỏ đạo luật ngày 31 tháng Năm 1850. Cũng ngày đó, các bộ trưởng của hắn đã đưa ra Quốc hội một sắc luật theo tinh thần ấy. Lập tức Quốc hội liền bác đề nghị của các bộ trưởng về tính chất khẩn cấp của sắc lệnh, còn bản thân đạo luật thì nó bác bỏ ngày 13 tháng Mười một với 355 phiếu chống và 348 phiếu thuận. Thế là một lần nữa, Quốc hội đã hủy bỏ sự ủy nhiệm của nhân dân giao cho mình; một lần nữa Quốc hội đã chứng thực rằng, từ một Quốc hội do nhân dân tự do bầu lên, nó đã biến thành một nghị viện tiếm vị của một giai cấp; một lần nữa, nó đã thừa nhận rằng nó đã tự mình chặt đứt những bắp thịt nối liền cái đầu là nghị viện với cái cơ thể là quốc dân.

Nếu quyền hành pháp dùng đề nghị của mình lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông để kháng cáo Quốc hội với nhân dân, thì quyền lập pháp lại dùng dự luật của các chủ nhiệm văn phòng Quốc hội của mình để kháng cáo nhân dân với quân đội. Với dự luật này, Quốc hội xác lập một cách vững chắc cái quyền của mình được trực tiếp điều động quân đội, được thành lập một đạo quân của nghị viện. Như vậy, khi chỉ định quân đội làm người trọng tài giữa nó và nhân dân, giữa nó và Bô-na-pác-tơ, khi thừa nhận quân đội là một lực lượng quyết định trong nước, thì mặt khác, Quốc hội cũng sẽ phải xác nhận rằng từ lâu nó đã từ bỏ cái tham

vọng thống trị lực lượng ấy rồi. Nó đã bộc lộ sự nghi ngờ đối với lực lượng của bản thân, khi đáng lẽ phải điều động quân đội ngay lập tức thì nó lại đi tranh cãi về quyền điều động ấy. Bác bỏ dự luật của các chủ nhiệm văn phòng Quốc hội, Quốc hội đã công khai thú nhận sự bất lực của mình. Dự luật ấy đã bị bác bỏ vì chỉ thu được có một thiểu số là 108 phiếu: phái Núi đã làm nghiêng cán cân. Như vậy, phái Núi đã lâm vào tình thế của con lừa Bu-ri-đăng cố nhiên không phải là ở giữa hai bó rạ, xem bó rạ nào ngon hơn, mà đúng là giữa hai bó gậy, xem bó gậy nào cứng hơn. Một mặt, sợ Săng-gác-ni-ê, mặt khác, sợ Bô-na-pác-tơ. Phải thú thực rằng tình thế đó chẳng có chút gì là anh hùng cả.

Ngày 18 tháng Mười một, thêm vào dự luật do đảng trật tự đưa ra về các cuộc tuyển cử hội đồng thành phố, người ta bổ sung một điểm, theo đó thì một cử tri ngụ tại địa phương một năm là được đi bầu, chứ không phải ba năm nữa. Điểm bổ sung ấy bị bác bởi một đa số chỉ trội hơn có một phiếu, nhưng sau đó, người ta nhận ngay ra rằng phiếu trội hơn ấy là do một sự nhầm lẫn. Từ lâu, đảng trật tự đã mất đa số độc lập của mình ở nghị viện, vì đã tự phân chia thành những phe cánh đối địch nhau. Bây giờ, đảng đó đã chứng tỏ rằng ở nghị viện không còn có phe đa số nào nữa. Quốc hội đã *mất năng lực thông qua các quyết định*. Những nguyên tử hình thành nên nó không còn gắn bó với nhau bằng một lực dính nào nữa, nó đã trút hơi thở cuối cùng của nó, nó đã chết.

Sau cùng, mấy ngày trước khi xảy ra tai họa, số đông thuộc giai cấp tư sản ở ngoài nghị viện lại trịnh trọng chứng minh thêm một lần nữa sự đoạn tuyệt giữa họ với giai cấp tư sản ở trong nghị viện. Chi-e, với tư cách là tay anh hùng hảo hán ở nghị viện, đặc biệt mắc cái bệnh nan y là bệnh mê tín nghị trường, - sau khi nghị viện chết đã cùng với Hội đồng nhà nước bày ra một âm mưu nghị trường mới, tức là khởi thảo một đạo luật về trách nhiệm để ràng buộc chặt tổng thống vào trong những giới hạn của hiến pháp. Cũng như ngày 15 tháng Chín, nhân dịp khởi công xây

chợ mới ở Pa-ri, Bô-na-pác-tơ giống như một chàng Ma-da-ni-en-lô thứ hai, đã dụ dỗ được các mụ bán hàng trong chợ, các mụ bán cá - thật ra, xét về thực lực thì một mụ hàng cá cũng bằng 17 vị tướng giữ thành, - cũng như sau khi có bản dự luật của các chủ nhiệm văn phòng Quốc hội, hắn đã làm cho các viên trung úy được hắn chiêu đãi ở điện Ê-li-dê hân hoan phấn khởi, ngày 25 tháng Mười một, hắn lại quyến rũ bọn tư sản công nghiệp tụ tập ở trường xiếc bằng cách tự tay gắn cho họ những tấm huy chương về cuộc triển lãm công nghiệp ở Luân Đôn. Tôi xin trích một đoạn đặc trưng trong bài diễn văn của Bô-na-pác-tơ đã đăng trên tờ "Journal des Débats":

“Đứng trước những kết quả không ngờ như thế, tôi có quyền tuyên bố một lần nữa rằng nền Cộng hòa Pháp sẽ lớn mạnh biết bao nếu nó được rảnh rang theo đuổi những lợi ích thực sự của nó và cải tổ các thiết chế của nó, chứ không phải luôn luôn bị rối ren, một mặt, vì bọn mị dân, mặt khác, vì những ảo ảnh quân chủ chủ nghĩa. (Vỗ tay vang dội, nhiệt liệt và kéo dài từ khắp mọi phía trong rạp.) Những ảo ảnh quân chủ chủ nghĩa cản trở mọi sự tiến bộ và mọi ngành công nghiệp quan trọng. Đáng lẽ có được sự tiến bộ, thì chỉ có đấu tranh. Chúng ta thấy nhiều người trước kia là những kẻ hết sức hăng hái ủng hộ quyền lực và những đặc quyền của nhà vua, thì nay lại hoạt động theo tinh thần Hội nghị quốc ước, chỉ nhằm mục đích duy nhất làm yếu cái quyền lực nảy sinh từ quyền đầu phiếu phổ thông. (Vỗ tay nhiệt liệt và kéo dài.) Chúng ta thấy nhiều người đã từng đau khổ nhiều nhất vì cách mạng và từng than phiền về cách mạng nhiều nhất, thì nay lại gây nên một cuộc cách mạng mới, và tất cả những cái đó chỉ là để trói buộc ý chí của quốc dân... Tôi xin hứa với các ngài rằng tương lai sẽ được yên tĩnh" v.v. và v.v. ("Hoan hô! Hoan hô!" Những tiếng hoan hô như sấm.)

Như thế là giai cấp tư sản công nghiệp đã hoan hô một cách tôi đòi cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp, hoan hô việc thủ tiêu nghị viện, sự diệt vong của nền thống trị của chính họ, hoan hô chế độ độc tài của Bô-na-pác-tơ. Loạt vỗ tay như sấm ngày 25 tháng Mười một đã được tiếng sấm của súng đại bác ngày 4 tháng Chạp đáp lại, và ngôi nhà của ngài Xan-lăng-đru-dơ, một trong những người đã từng vỗ tay hăng hái nhất, cũng lại là nhà đã bị đạn đại bác phá hoại nặng nề nhất.

Crôm-oen, khi tiến hành việc giải tán Nghị viện trường kỳ, đã một mình đi tới Nghị viện, rút đồng hồ ra, để không cho Nghị viện được sống thêm nhột phút nào quá cái hạn mà ông ta đã quy

định cho nó, và dùng những lời mỉa mai hài hước để đuổi từng ông nghị ra khỏi Nghị viện. Na-pô-lê-ông, tuy thấp kém hơn mẫu mực của ông ta, nhưng ngày 18 tháng Sương mù, ít ra cũng đã đi tới Đoàn lập pháp, và tuyên đọc, mặc dầu với một giọng nghẹn ngào, bản án tử hình của cơ quan lập pháp đó. Gã Bô-na-pác-tơ thứ hai này, đã có sẵn trong tay một quyền hành pháp khác hẳn với Crôm-oen hay Na-pô-lê-ông, lại đi tìm mẫu mực không phải trong những cuốn biên niên sử thế giới, mà là đi tìm trong những cuốn biên niên sử của Hội ngày 10 tháng Chạp, trong những cuốn biên niên sử của tòa án hình sự. Hắn đã đánh cắp của Ngân hàng nước Pháp 25 triệu phrăng, đã bỏ ra một triệu để mua tướng Ma-nhăng, đã mua lính tráng với 15 phrăng một đầu người, cộng thêm với rượu mạnh; giống như một tên trộm đêm, hắn đã bí mật tụ họp với các đồng đảng của hắn, ra lệnh xông vào nhà ở của những thủ lĩnh nguy hiểm nhất của nghị viện, lôi cổ ra khỏi giường ngủ và tống vào nhà giam Ca-ve-nhắc, La-mô-ri-xi-e, Lơ Phlô, Săng-gác-ni-ê, Sa-rát, Chi-e, Ba-dơ, v.v., và nhiều người khác nữa, dùng lực lượng quân sự chiếm đóng những địa điểm chủ yếu ở Pa-ri và trụ sở Quốc hội, và tảng sáng ngày hôm sau, cho dán đầy các tường những bản yết thị bịp bợm, trong đó hắn báo tin giải tán Quốc hội và Hội đồng nhà nước, lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông và thiết quân luật trong tỉnh Xen. Ít hôm sau, hắn lại cho đăng trên tờ "Moniteur" một văn kiện giả mạo nói rằng một số nghị sĩ có thế lực đã tập hợp xung quanh hắn thành một Hội đồng nhà nước đặc biệt nào đó.

Những tàn dư của nghị viện, chủ yếu gồm những phần tử chính thống và Oóc-lê-ăng, tập họp lại tại thị sảnh quận 10, đã quyết định bãi chức Bô-na-pác-tơ, với những tiếng hò hét: "Chế độ cộng hòa muôn năm!", và hô hào một cách vô hiệu đám người vô công rồi nghề tập trung trước thị sảnh, cho đến lúc, cuối cùng, họ bị một toán lính châu Phi áp giải thoạt tiên đến trại lính Oóc-xê, và sau đó bị đẩy lên xe tù và bị chở đến các nhà lao ở Ma-dắc, Ha-mơ, Vanh-xen. Đảng trật tự, Quốc hội lập pháp và cách mạng tháng Hai đã kết thúc như vậy đó.

Trước khi bước mau sang phần kết luận, chúng ta hãy phác qua một bản sơ đồ tóm tắt lịch sử cuộc cách mạng tháng Hai:

I. *Thời kỳ thứ nhất.* Từ 24 tháng Hai đến ngày 4 tháng Năm 1848. Thời kỳ tháng Hai. Đoạn mở đầu. Tấn hài kịch thân thiện phổ biến.

II. *Thời kỳ thứ hai.* Thời kỳ thành lập chế độ cộng hòa và Quốc hội lập hiến.

l) Từ ngày 4 tháng Năm đến 25 tháng Sáu 1848. Tất cả các giai cấp đấu tranh chống giai cấp vô sản. Sự thất bại của giai cấp vô sản trong những ngày tháng Sáu.

2) Từ 25 tháng Sáu đến ngày 10 tháng Chạp 1848. Nền chuyên chính của phái cộng hòa tư sản thuần túy. Khởi thảo hiến pháp. Thiết quân luật ở Pa-ri. Nền chuyên chính của giai cấp tư sản bị xóa bỏ do Bô-na-pác-tơ trúng cử tổng thống ngày 10 tháng Chạp.

3) Từ 20 tháng Chạp 1848 đến 28 tháng Năm 1849. Cuộc đấu tranh của Quốc hội lập hiến chống Bô-na-pác-tơ và đảng trật tự liên minh với Bô-na-pác-tơ. Sự cáo chung của Quốc hội lập hiến. Sự thất bại của giai cấp tư sản cộng hòa.

III. *Thời kỳ thứ ba. Thời kỳ cộng hòa lập hiến và Quốc hội lập pháp.*

l) Từ 28 tháng Năm 1849 đến 13 tháng Sáu 1849. Cuộc đấu tranh của giai cấp tiểu tư sản chống giai cấp đại tư sản và Bô-na-pác-tơ. Sự thất bại của phe dân chủ tiểu tư sản.

2) Từ 13 tháng Sáu 1849 đến 31 tháng Năm 1850. Chuyên chính đại nghị của đảng trật tự. Đảng này hoàn thành sự thống trị của mình bằng việc thủ tiêu chế độ đầu phiếu phổ thông, nhưng lại để mất nội các đại nghị.

3) Từ 31 tháng Năm 1850 đến ngày 2 tháng Chạp 1851. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản nghị trường với Bô-na-pác-tơ.

a) Từ 31 tháng Năm 1850 đến 12 tháng Giêng 1851. Nghị viện mất quyền chỉ huy tối cao quân đội.

b) Từ 12 tháng Giêng đến 11 tháng Tư 1851. Nghị viện bị thất bại trong việc mưu toan bắt quyền hành chính phải phục tùng. Đảng trật tự mất đa số độc lập của mình ở Quốc hội. Đảng này liên minh với phái cộng hòa và phái Núi.

c) Từ 11 tháng Tư 1851 đến ngày 9 tháng Mười 1851. Những mưu toan xét lại hiến pháp, sự hợp nhất, việc kéo dài nhiệm kỳ của tổng thống. Đảng trật tự tan rã thành những bộ phận cấu thành của nó. Đoạn tuyệt giữa một bên là nghị viện tư sản và báo chí tư sản, và bên kia là quần chúng tư sản.

d) Từ ngày 9 tháng Mười đến ngày 2 tháng Chạp 1851. Sự đoạn tuyệt công khai giữa nghị viện và quyền hành pháp. Nghị viện thi hành bản khai tử của mình và sụp đổ, vì bị chính giai cấp của nó, quân đội và tất cả các giai cấp khác, ruồng bỏ. Chế độ đại nghị và nền thống trị của giai cấp tư sản bị sụp đổ. Chiến thắng của Bô-na-pác-tơ. Tấn tuồng nhại lại việc phục tích Đế chế.

VII

Chế độ cộng hòa xã hội đã xuất hiện như một câu nói, một lời tiên tri ở ngưỡng cửa của cuộc cách mạng tháng Hai. Trong những ngày tháng sáu 1848, chế độ ấy bị bóp chết trong máu của *giai cấp vô sản Pa-ri,* nhưng nó vẫn lảng vảng như một bóng ma trong những màn tiếp sau đó của tấn kịch. *Chế độ cộng hòa dân chủ* xuất hiện trên sân khấu. Chế độ ấy đã biến mất vào ngày 13 tháng Sáu 1849 cùng với những *phần tử tiểu tư sản* của nó đang chạy trốn, nhưng trong khi chạy trốn, nó còn ném lại sau lưng nó những lời quảng cáo hết sức huênh hoang. *Chế độ cộng hòa đại nghị* cùng với giai cấp tư sản chiếm toàn bộ sân khấu, triển khai hết sức rộng rãi, nhưng ngày 2 tháng Chạp 1851 người ta đã chôn nó trong những tiếng hô kinh hoảng của bọn bảo hoàng liên minh: "Chế độ cộng hòa muôn năm!".

Giai cấp tư sản Pháp đã chống lại sự thống trị của giai cấp vô sản lao động, nhưng nó lại đưa tầng lớp vô sản lưu manh do tên đầu sỏ của Hội ngày 10 tháng Chạp cầm đầu lên nắm chính quyền. Giai cấp tư sản đã làm cho nước Pháp sợ hãi đến đứt hơi trước những sự khủng khiếp tương lai của tình trạng vô chính phủ đỏ, nhưng chính Bô-na-pác-tơ lại là kẻ đã chiết khấu trước cho họ cái tương lai ấy, khi mà đạo quân của trật tự, phấn chấn vì rượu mạnh, ngày 4 tháng Chạp đã theo lệnh của hắn xả súng bắn vào nhưng tay tư sản có danh vọng đang đứng trước cửa sổ nhà bọn họ ở đại lộ Mông-mác-tơ-rơ và đại lộ I-ta-li-a. Giai cấp tư sản đã thần thánh hóa thanh gươm, thì chính thanh gươm lại thống trị chúng. Giai cấp tư sản đã giết chết báo chí cách mạng, thì chính báo chí của chúng lại bị giết. Chúng đã đặt những cuộc hội họp của nhân dân dưới sự giám sát của cảnh sát, thì nay những

phòng khách của chúng lại bị cảnh sát giám sát. Giai cấp tư sản đã giải tán đội cận vệ quốc gia dân chủ, thì nay chính đội cận vệ quốc gia của chúng lại bị giải tán. Chúng đã ban hành chế độ thiết quân luật, thì nay người ta lại thiết quân luật đối với chúng. Chúng đã thay thế các tòa án bồi thẩm bằng những ban quân pháp, thì chính các tòa án bồi thẩm của chúng bị thay thế bằng những ban quân pháp. Chúng đã đặt nền giáo dục quốc dân dưới quyền lực của các thầy tu, thì các thầy tu lại thống trị chính nền giáo dục của chúng. Chúng đã đưa đi đầy mà không xét xử, thì chính chúng lại bị người ta đưa đi đầy mà không xét xử. Chúng đã dùng quyền lực nhà nước để đàn áp mọi phong trào của xã hội, thì quyền lực nhà nước lại đàn áp mọi phong trào của cái xã hội riêng của chúng. Vì say mê cái túi tiền của chúng, chúng đã nổi dậy chống những nhà chính trị và nhà văn của chúng, thì các nhà chính trị và nhà văn của chúng đã bị loại trừ, nhưng túi tiền của chúng lại bị người ta cướp bóc, sau khi khóa miệng chúng lại và bẻ gãy ngòi bút của chúng. Giai cấp tư sản đã luôn luôn thét vào mặt cách mạng, như thánh Ác-xê-nhi đã từng thét vào mặt các tín đồ đạo Cơ Đốc: "Fuge, tace, quiesce! Cút đi, im đi, hãy yên lặng!", thì chính Bô-na-pác-tơ lại thét vào mặt giai cấp tư sản: "Fuge, tace, quiesce! Cút đi, im đi, hãy yên lặng!".

Giai cấp tư sản Pháp đã giải quyết xong từ lâu vấn đề lưỡng nan của Na-pô-lê-ông: "Dans cinquante ans, l'Europe sera républicaine ou cosaque"[1*]. Giai cấp tư sản Pháp đã giải quyết vấn đề ấy theo hướng "république cosaque"[2*]. Chẳng cần phải có những phù phép độc ác của Xiếc-xây để biến cái kiệt tác cộng hòa tư sản thành một con quái vật kinh tởm. Chế độ cộng hòa ấy chẳng mất gì cả trừ cái vẻ đáng kính bề ngoài. Nước Pháp ngày nay[3*] đã bao hàm sẵn trong chế độ cộng hòa đại nghị rồi. Chỉ cần một mũi lê cũng đủ làm cho cái bong bóng vỡ toang và làm cho con quái vật hiện nguyên hình trước mắt thiên hạ.

1* - “50 năm nữa, châu Âu sẽ hoặc trở thành cộng hòa hoặc trở thành Cô-dắc”.

2* - “Cộng hòa Cô-dắc”.

3* - tức là nước Pháp sau cuộc đảo chính năm 1851.

Tại sao giai cấp vô sản Pa-ri lại không nổi dậy sau ngày 2 tháng Chạp?

Vì sự lật đổ của giai cấp tư sản chỉ mới có trong pháp lệnh thôi và pháp lệnh đó lại chưa được thi hành. Bất kỳ một cuộc khởi nghĩa trọng đại nào của giai cấp vô sản cũng đều có thể làm cho giai cấp tư sản sống lại ngay, sẽ làm cho nó hòa hoãn với quân đội và sẽ gây cho công nhân một thất bại tháng Sáu lần thứ hai nữa.

Ngày 4 tháng Chạp, bọn tư sản và chủ hiệu nhỏ đã xúi giục giai cấp vô sản đứng ra đấu tranh. Chiều hôm ấy, vài đơn vị đội cận vệ quốc gia hứa sẽ mang vũ khí và mặc quân phục để xuất hiện trên trường chiến đấu. Sở dĩ như vậy là vì bọn tư sản và chủ hiệu nhỏ quả đã biết được rằng, trong một sắc lệnh ra ngày 2 tháng Chạp, Bô-na-pác-tơ đã xóa bỏ chế độ bỏ phiếu kín và ra lệnh cho cử tri phải ghi vào các bảng danh sách chính thức: “tán thành" hoặc "phản đối” bên cạnh họ tên mình. Cuộc kháng cự ngày 4 tháng Chạp đã làm cho Bô-na-pác-tơ hoảng sợ. Trong đêm đó, Bô-na-pác-tơ đã cho dán ở tất cả các ngã tư đường phố Pa-ri những áp phích tuyên bố phục hồi chế độ bỏ phiếu kín. Bọn tư sản và chủ hiệu nhỏ tưởng rằng chúng đã đạt được mục đích của chúng. Sáng sớm ngày hôm sau những kẻ nằm nhà không ló mặt ra, chính là bọn chủ hiệu nhỏ và tư sản.

Đêm mồng 1 rạng ngày mồng 2 tháng Chạp, bằng một cuộc tấn công bất ngờ, Bô-na-pác-tơ đã làm cho giai cấp vô sản Pa-ri mất những lãnh tụ của nó, mất những người chỉ huy chiến đấu trên các chiến lũy. Là một đội quân không có sĩ quan, một đội quân mà những hồi ức về tháng Sáu 1848 và 1849, và tháng Năm 1850 đã làm cho không còn muốn chiến đấu dưới ngọn cờ của phái Núi nữa, giai cấp vô sản Pa-ri đã để cho đội tiền phong của mình, tức là các hội kín, đảm đương nhiệm vụ cứu vớt lấy danh dự khởi nghĩa của Pa-ri, cái danh dự mà giai cấp tư sản đã vứt bỏ lại không hề chống cự cho bọn lính tráng, đến mức là sau đó, Bô-na-pác-tơ đã có thể tước vũ khí của đội cận vệ quốc gia với

cái lý do thâm độc là: hắn sợ phái vô chính phủ dùng những vũ khí của chính ngay đội cận quốc gia để chống lại đội cận vệ quốc gia!

"*C'est le triomphe complet et définitif du socialisme!*"[1*] - Ghi-dô đã bình luận cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp như vậy. Nhưng nếu việc lật đổ chế độ cộng hòa đại nghị đã bao hàm trong bản thân nó mầm mống thắng lợi của cách mạng vô sản, thì kết quả rõ ràng đầu tiên của nó lại là *thắng lợi của Bô-na-pác-tơ đối với nghị viện, của quyền hành pháp đối với quyền lập pháp, của sức mạnh không che đậy bằng lời nói đối với sức mạnh của lời nói*. Tại nghị viện, quốc dân nâng ý chí phổ biến của mình lên thành pháp luật, nghĩa là làm cho pháp luật của giai cấp thống trị biến thành ý chí phổ biến của quốc dân. Trước quyền hành pháp, quốc dân từ bỏ mọi ý chí riêng của mình và phục tùng mệnh lệnh của một ý chí bên ngoài, tức là của quyền uy. Trái với quyền lập pháp, quyền hành pháp biểu hiện sự dị trị của quốc dân, chứ không phải biểu hiện sự tự trị của nó. Như vậy, nước Pháp dường như thoát khỏi ách chuyên chế của một giai cấp chỉ là để rơi trở lại vào ách chuyên chế của một cá nhân, hơn nữa lại rơi vào quyền uy của một cá nhân không có một uy tín nào cả. Cuộc đấu tranh dường như đã kết thúc bằng cái sự kiện là tất cả các giai cấp đều cúi đầu bất lực và câm miệng như nhau trước báng súng.

Nhưng cách mạng thì lại rất vững vàng. Nó còn đang ở trên con đường đi qua luyện ngục mà thôi. Nó tiến hành công việc của nó một cách có phương pháp. Trước ngày 2 tháng Chạp 1851, nó chỉ mới làm được một nửa công việc chuẩn bị của nó, và bây giờ nó đang hoàn thành nốt nửa kia. Trước hết nó hoàn bị quyền lực nghị viện, để sau này lại có thể lật đổ quyền lực đó đi. Giờ đây, khi mục đích ấy đã đạt được thì cách mạng lại hoàn bị *quyền lực hành pháp,* quy quyền lực này thành biểu hiện đơn giản nhất của nó, cô lập nó, đem nó ra đối lập với bản thân nó với tư cách là một đối tượng duy nhất, để có thể tập trung tất cả những lực

1* - "Đó là thắng lợi hoàn toàn và triệt để của chủ nghĩa xã hội!"

lượng phá hoại của mình chống lại nó. Và khi cách mạng hoàn thành được nửa thứ hai ấy trong công tác chuẩn bị của mình, thì châu Âu sẽ nhảy lên và reo mừng: Chú chuột già ơi, chú đào khá đấy! [87].

Quyền lực hành pháp đó - với tổ chức quan liêu và quân sự rộng lớn của nó, với bộ máy nhà nước phức tạp và nhân tạo của nó, với cái đạo quân viên chức hàng nửa triệu người ấy bên cạnh một quân đội gồm năm mươi vạn binh lính nữa, cái cơ thể ăn bám đáng sợ ấy trùm lên như một tấm lưới trên mình xã hội Pháp và bịt kín hết tất cả mọi lỗ chân lông của xã hội ấy – quyền lực đó ra đời trong thời quân chủ chuyên chế, vào thời kỳ suy tàn của chế độ phong kiến, sự suy tàn mà cái cơ thể ấy đã góp phần đẩy nhanh hơn. Bao nhiêu đặc quyền phong kiến của các địa chủ và của các thành thị đều biến thành bấy nhiêu đặc trưng của quyền lực nhà nước, những quan đại thần phong kiến thì biến thành những viên chức ăn lương, còn tấm bản đồ màu sặc sỡ như một lô những kiểu mẫu về những chủ quyền trung cổ chồng chéo nhau thì trở thành bản sơ đồ có quy củ của một quyền lực nhà nước trong đó lao động được phân chia và tập trung như trong một nhà máy. Cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất, tự đặt ra cho mình nhiệm vụ phá vỡ tất cả những quyền lực riêng có tính chất địa phương, lãnh thổ, thành thị và tỉnh, để tạo ra sự thống nhất công dân của dân tộc, tất nhiên phải phát triển điều mà chế độ quân chủ chuyên chế đã bắt đầu - tức là chế độ tập trung, nhưng đồng thời nó cũng mở rộng cả quy mô, đặc trưng và con số thuộc hạ của quyền lực chính phủ nữa. Na-pô-lê-ông đã hoàn thiện bộ máy nhà nước đó. Nền quân chủ chính thống và nền quân chủ tháng Bảy chẳng thêm được một điều gì mới, ngoài một sự phân công rộng lớn hơn lao động, sự phân công này tăng dần lên theo mức độ mà sự phân công lao động trong nội bộ xã hội tư sản tạo thêm những tập đoàn lợi ích mới, do đó, tạo nên những đối tượng mới cho sự quản lý của nhà nước. Mỗi lợi ích *chung* liền tách ngay khỏi xã hội, đối lập lại xã hội với tư cách là lợi ích tối cao,

phổ biến, tách ra khỏi lĩnh vực hoạt động độc lập của những thành viên của xã hội và biến thành đối tượng của hoạt động chính phủ, - kể từ cái cầu, nhà trường và tài sản chung của làng xóm nào đó, cho đến đường sắt, tài sản quốc gia và các trường đại học của nước Pháp. Cuối cùng, trong cuộc đấu tranh của mình chống lại cách mạng, chế độ cộng hòa đại nghị buộc phải tăng cường - bên cạnh những biện pháp đàn áp - những phương tiện và việc tập trung quyền lực chính phủ. Tất cả các cuộc cách mạng đã hoàn bị bộ máy đó chứ không đập tan nó. Các chính đảng nối gót nhau đấu tranh giành chính quyền, đều coi việc đoạt lấy tòa lâu đài nhà nước đồ sộ ấy là chiến lợi phẩm chủ yếu của thắng lợi của mình.

Nhưng dưới thời quân chủ chuyên chế, trong cuộc cách mạng lần thứ nhất, dưới thời Na-pô-lê-ông, bộ máy quan liêu chỉ là một phương tiện để chuẩn bị sự thống trị giai cấp của giai cấp tư sản. Dưới thời Phục tích, dưới triều Lu-i - Phi-líp, dưới chế độ cộng hòa đại nghị, thì bộ máy quan liêu đã là công cụ của giai cấp thống trị, dù cho nó có cố gắng đến đâu chăng nữa để trở thành một lực lượng độc lập.

Chỉ có dưới thời Bô-na-pác-tơ thứ hai, nhà nước dường như mới trở thành hoàn toàn độc lập. Bộ máy nhà nước đã củng cố vị trí của nó đối với xã hội công dân đến mức chỉ cần có một người cầm đầu như tên thủ lĩnh Hội ngày 10 tháng Chạp, một gã phiêu lưu từ nước ngoài đến, được suy tôn bởi một bọn lính say rượu, bị mua chuộc bằng rượu mạnh và xúc xích và luôn luôn phải được quẳng thêm cho rượu mạnh và xúc xích, - là cũng đủ rồi. Do đó mà có cái tình trạng tuyệt vọng nhu nhược, cái cảm giác tủi hổ và nhục nhã ghê gớm đang đè nặng lên ngực nước Pháp và làm cho nó khó thở. Nước Pháp cảm thấy tựa hồ như mình bị nhơ nhuốc.

Tuy nhiên, quyền lực nhà nước không phải là đứng lơ lửng trên không. Bô-na-pác-tơ là đại biểu của một giai cấp nhất định, hơn nữa là một giai cấp đông đảo nhất của xã hội Pháp, tức là giai cấp *tiểu nông.*

Cũng như dòng Buốc-bông trước kia là triều vua của bọn đại địa chủ và dòng Oóc-lê-ăng là triều vua của đồng tiền, ngày nay, dòng Bô-na-pác-tơ là triều vua của nông dân, nghĩa là của khối đông nhân dân Pháp. Người được nông dân chọn không phải là anh chàng Bô-na-pác-tơ đã phục tùng nghị viện tư sản, mà là anh chàng Bô-na-pác-tơ đã giải tán nghị viện đó. Trong ba năm, các thành thị đã làm sai lạc ý nghĩa của cuộc tuyển cử ngày 10 tháng Chạp và đã đánh lừa được hy vọng của nông dân muốn phục hồi nền đế chế. Cuộc bầu cử ngày 10 tháng Chạp 1848 chỉ được thực hiện qua cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 mà thôi.

Tiểu nông là một khối quần chúng đông đảo mà tất cả các thành viên đều sống trong một hoàn cảnh như nhau, nhưng lại không nằm trong những mối quan hệ nhiều mặt đối với nhau. Phương thức sản xuất của họ không làm cho họ liên hệ với nhau mà lại làm cho họ cô lập với nhau. Tình trạng cô lập đó lại còn bị những phương tiện giao thông tồi tệ ở Pháp và cảnh nghèo khổ của nông dân làm cho trầm trọng thêm. Trường hoạt động sản xuất của họ, một miếng đất nhỏ bé, không cho phép áp dụng một sự phân công lao động nào cả, một sự ứng dụng khoa học nào cả, do đó, cũng không cho phép có một sự phát triển nhiều màu nhiều vẻ nào cả, một sự phân biệt tài năng nào cả, cũng không cho phép có một sự phong phú nào về các quan hệ xã hội. Mỗi gia đình nông dân gần như tự cấp tự túc hoàn toàn, sản xuất ra đại bộ phận những cái mình tiêu dùng và do đó kiếm tư liệu sinh hoạt cho mình bằng cách trao đổi với thiên nhiên nhiều hơn là giao tiếp với xã hội. Mảnh đất cỏn con, người nông dân và gia đình anh ta; cạnh đó lại một mảnh đất cỏn con khác, một nông dân khác và một gia đình khác. Một nhúm những đơn vị ấy họp thành một làng và một nhúm làng họp thành một tỉnh. Như vậy, cái khối to lớn dân tộc Pháp được hình thành bằng cách giản đơn cộng những đại lượng cùng tên lại, đại khái cũng giống như một cái bao tải đựng những củ khoai tây hình thành một bao tải khoai tây vậy. Trong chừng mực hàng triệu gia đình sống trong những

điều kiện kinh tế làm cho lối sống của họ, lợi ích của họ và trình độ giáo dục của họ tách riêng và đối lập với lối sống, lợi ích và trình độ giáo dục của các giai cấp khác, thì các gia đình ấy họp thành một giai cấp. Trong chừng mực giữa những người tiểu nông chỉ có một mối liên hệ địa phương thôi, trong chừng mực sự giống nhau về lợi ích của họ không tạo nên giữa họ một tính chất cộng đồng nào, một mối liên hệ toàn quốc nào, hay một tổ chức chính trị nào - thì họ không hình thành một giai cấp. Bởi vậy, họ không có khả năng nhân danh mình đứng ra bảo vệ lợi ích của giai cấp mình, không kể là bằng cách thông qua một nghị viện, hay bằng cách thông qua một Hội nghị quốc ước. Họ không thể tự đại biểu cho mình, những người khác phải đại biểu cho họ. Những đại biểu của họ đồng thời phải là chủ của họ, là một quyền uy đứng trên họ, là một quyền lực chính phủ không hạn chế bảo vệ họ chống lại các giai cấp khác và ban cho họ mưa thuận gió hòa. Do đó, quy cho đến cùng, thì ảnh hưởng chính trị của những người tiểu nông được biểu hiện ra ở chỗ quyền lực hành pháp khống chế xã hội.

Truyền thống lịch sử đã đẻ ra cái lòng tin thần bí của nông dân Pháp cho rằng một người mang tên là Na-pô-lê-ông sẽ đem lại cho họ tất cả phúc lợi đã mất. Và có một kẻ đã tự nhận mình là người đó, chỉ vì, căn cứ vào một điều khoản trong Code Napoléon: "La recherche de la paternité est interdite"[1*], hắn đã mang tên là Na-pô-lê-ông. Sau hai mươi năm lang thang và trải qua nhiều cuộc phiêu lưu lố bịch, câu chuyện truyền thuyết đó đã thành sự thật, và con người đó đã trở thành hoàng đế của người Pháp. Cái tư tưởng ám ảnh của người cháu đã được thực hiện vì nó phù hợp với tư tưởng ám ảnh của giai cấp đông đảo nhất trong xã hội Pháp.

Nhưng, ở đây người ta có thể bắt bẻ lại tôi: thế thì tại sao lại có những cuộc khởi nghĩa nông dân trong một nửa nước Pháp,

---

1* - Bộ luật Na-pô-lê-ông: “Cấm không được truy cứu xem ai là người cha”

những cuộc hành quân chinh phạt nông dân, việc bắt giam và phát vãng hàng loạt nông dân?

Từ thời Lu-i XIV, nước Pháp không hề thấy có những cuộc đàn áp như thế đối với nông dân "vì những âm mưu mị dân".

Nhưng xin hiểu ý tôi muốn nói. Triều Bô-na-pác-tơ không đại biểu cho người nông dân cách mạng, mà cho người nông dân bảo thủ; không đại biểu cho người nông dân muốn thoát khỏi những điều kiện tồn tại xã hội của mình do mảnh đất cỏn con quyết định, mà đại biểu cho người nông dân muốn củng cố những điều kiện đó; không đại biểu cho số dân cư nông thôn muốn liên kết với thành thị và dùng sức mạnh của nghị lực của mình lật đổ trật tự cũ, mà, trái lại, đại biểu cho số dân cư nông thôn tự giam mình một cách chặt chẽ trong trật tự cũ đó, mong chờ cái bóng ma đế chế cứu vớt mình và mảnh đất cỏn con của mình và đem lại cho mình một địa vị đặc quyền. Triều Bô-na-pác-tơ không đại biểu cho sự khai sáng của người nông dân, mà đại biểu cho lòng mê tín của họ, không đại biểu cho lý trí của người nông dân mà lại đại biểu cho thành kiến của họ, không đại biểu cho tương lai của họ, mà là đại biểu cho quá khứ của họ, không đại biểu cho những Xê-ven-nơ hiện đại của họ, mà lại đại biểu cho Van-đây[88] hiện đại của họ.

Ba năm thống trị khắc nghiệt của nền cộng hòa đại nghị đã làm cho một bộ phận nông dân Pháp thoát khỏi cái ảo tưởng về Na-pô-lê-ông và đã cách mạng hóa họ, tuy rằng chỉ mới cách mạng hóa trên bề mặt; nhưng mỗi khi họ chuyển mình thì giai cấp tư sản lại dùng bạo lực đẩy lùi họ lại. Dưới chế độ cộng hòa đại nghị, ý thức mới của nông dân Pháp xung đột với ý thức cổ truyền của họ. Quá trình đó diễn ra dưới hình thức một cuộc đấu tranh không ngừng giữa các giáo viên và bọn cha cố. Giai cấp tư sản đã đánh gục các giáo viên. Lần đầu tiên, nông dân cố giữ một thái độ độc lập đối với hành động của chính phủ. Điều đó thể hiện ra trong những cuộc xung đột liên miên giữa các viên thị trưởng và các tỉnh trưởng, - giai cấp tư sản đã cách chức các viên thị trưởng.

Cuối cùng, nông dân nhiều địa phương ở Pháp trong thời kỳ cộng hòa đại nghị đã nổi dậy chống lại chính đứa con đẻ của mình là quân đội. Giai cấp tư sản đã trừng phạt họ về tội đó, bằng cách thiết quân luật và bằng những vụ hành quyết. Và bây giờ đây, chính ngay giai cấp tư sản ấy lại kêu gào về sự ngu ngốc của quần chúng, của cái vile multitude[1*] ấy, cái đám đông đã phản lại họ bằng cách ủng hộ Bô-na-pác-tơ. Chính giai cấp tư sản đó đã dùng bạo lực để tăng cường cái lòng trung thành của giai cấp nông dân đối với đế chế, chính nó đã duy trì cái trạng thái sự vật tạo thành miếng đất đẻ ra thứ tôn giáo nông dân đó. Thật ra, giai cấp tư sản phải lo sợ sự ngu dốt của quần chúng khi quần chúng còn bảo thủ, chẳng khác gì lo sợ ý thức giác ngộ của quần chúng khi quần chúng trở thành cách mạng.

Trong các cuộc khởi nghĩa đã xảy ra ngay sau coup d'état một bộ phận nông dân Pháp đã cầm vũ khí nổi dậy để phản đối chính ngay cuộc bỏ phiếu của họ ngày 10 tháng Chạp 1848. Trường học mà họ đã trải qua từ 1848 đến nay đã làm cho họ khôn lên. Nhưng họ đã đem bán linh hồn của họ cho lũ quỷ sứ của lịch sử và lịch sử đã chộp được câu nói hớ của họ, còn đa số trong bọn họ vẫn còn bị mơ hồ đến nỗi chính trong những tỉnh đỏ nhất, dân cư nông thôn lại công khai bỏ phiếu cho Bô-na-pác-tơ. Họ cho rằng Quốc hội đã cản trở Bô-na-pác-tơ hành động. Giờ đây Bô-na-pác-tơ mới phá bỏ những xiềng xích mà thành thị dùng để trói buộc ý chí của nông thôn. Ở một vài địa phương, thậm chí họ còn nuôi cái tư tưởng lố bịch là đặt bên cạnh Na-pô-lê-ông một Hội nghị quốc ước.

Sau khi cách mạng lần thứ nhất biến những người nông dân nửa nông nô thành những người sở hữu ruộng đất tự do, Na-pô-lê-ông đã củng cố và điều chỉnh những điều kiện trong đó họ có thể yên ổn khai thác những ruộng đất họ vừa mới nhận được, và thỏa mãn lòng mê say trẻ trung của họ đối với sở hữu. Nhưng nguyên nhân

1* - đám đông đê tiện

của sự sa sút hiện nay của nông dân Pháp - đó chính là cái mảnh đất cỏn con của họ, việc chia nhỏ ruộng đất, cái hình thức sở hữu mà Na-pô-lê-ông đã củng cố ở Pháp. Đó chính là những điều kiện vật chất đã làm cho người nông dân Pháp thời phong kiến trở thành người sở hữu một mảnh đất nhỏ và làm cho Na-pô-lê-ông trở thành hoàng đế. Hai thế hệ cũng đã đủ để tạo ra cái kết quả không thể nào tránh khỏi là: tình hình nông nghiệp ngày càng trở nên xấu đi và nợ nần của người làm ruộng ngày càng chồng chất. Hình thức sở hữu "theo lối Na-pô-lê-ông", hồi đầu thế kỷ XIX đã là điều kiện để giải phóng và làm giàu cho dân cư nông thôn Pháp, thì suốt trong thế kỷ này, đã biến thành đạo luật chuẩn y sự nô lệ và bần cùng của họ. Và đạo luật đó chính là tư tưởng đầu tiên trong "idées napoléoniennes"[1*] mà Bô-na-pác-tơ thứ hai phải bảo vệ. Nếu hắn vẫn cùng với nông dân nuôi ảo tưởng rằng không nên tìm nguyên nhân sự phá sản của nông dân trong bản thân chế độ sở hữu tiểu nông, mà phải tìm ở bên ngoài chế độ đó, tức là trong ảnh hưởng của những hoàn cảnh hàng thứ yếu, thì tất cả những cuộc thí nghiệm của hắn nhất định sẽ tan vỡ như những bong bóng xà phòng khi đụng phải những quan hệ sản xuất.

Sự phát triển kinh tế của chế độ sở hữu manh mún đã đảo lộn đến tận gốc những quan hệ của nông dân với các giai cấp khác trong xã hội. Dưới thời Na-pô-lê-ông, việc phân nhỏ ruộng đất nông thôn được bổ sung bằng sự cạnh tranh tự do và nền công nghiệp lớn mới nảy sinh ở thành thị. Ở khắp mọi nơi, giai cấp nông dân đã là sự phản kháng chống lại giai cấp quý tộc ruộng đất vừa mới bị lật đổ. Những chiếc rễ của chế độ sở hữu tiểu nông cắm sâu xuống đất Pháp đã làm cho chế độ phong kiến mất hết mọi thức ăn. Những chiếc cột mốc phân ranh giới những mảnh đất cỏn con là cái thành lũy tự nhiên mà giai cấp tư sản dùng để chống lại mọi sự tấn công của bọn thống trị cũ của họ. Nhưng trong thế kỷ XIX, bọn cho vay nặng lãi ở thành thị đã thế chân bọn phong kiến, chế độ cầm cố đã thế chân các đảm phụ phong kiến, cố đè

1* - "những tư tưởng Na-pô-lê-ông”

nặng lên ruộng đất, tư bản của giai cấp tư sản đã thế chân ruộng đất của giai cấp quý tộc. Mảnh đất cỏn con của người nông dân chỉ là cái cớ cho phép nhà tư bản có thể rút từ ruộng đất ra lợi nhuận, lợi tức và địa tô và bỏ mặc cho người nông dân tự mình đi kiếm tiền công cho mình. Nợ cầm cố đè nặng trên ruộng đất Pháp buộc giai cấp nông dân Pháp phải chịu một khoản lợi tức lớn bằng tổng số lợi tức hàng năm của toàn bộ công trái nước Anh. Chế độ sở hữu ruộng đất manh mún, bị tư bản nô dịch như thế, - sự phát triển của chế độ ruộng đất ấy nhất định phải dẫn tới tình trạng nô dịch đó, - đã biến đại bộ phận dân cư Pháp thành những người ăn lông ở lỗ. Mười sáu triệu nông dân (kể cả phụ nữ và trẻ em) sống ở trong hang, phần lớn những hang này chỉ có một lỗ ra vào thôi, số còn lại có hai lỗ và trong trường hợp tốt nhất thì có ba lỗ. Mà cửa sổ đối với một ngôi nhà thì chẳng khác gì ngũ giác quan đối với cái đầu . Chế độ tư sản, đầu thế kỷ này, đã biến nhà nước thành một người lính canh bảo vệ mảnh đất con vừa xuất hiện và bón cho nó bằng những cành nguyệt quế, thì ngày nay chế độ tư sản đó lại trở thành một con quỷ hút máu và não của mảnh đất con đó và đem trút máu và não ấy vào cái bình cổ cong luyện vàng của tư bản. Code Napoléon giờ đây chẳng qua chỉ là bộ luật thi hành những quyết định của tòa án và tiến hành việc niêm phong tài sản và cưỡng bức phát mại mà thôi. Ở Pháp, ngoài con số chính thức bốn triệu (kể cả trẻ em,v.v.) ăn mày, du thủ du thực, tội phạm và gái đĩ ra, thì còn có năm triệu người sống cheo leo trên bờ vực thẳm, sống ở nông thôn, hoặc luôn luôn phải lếch thếch khố rách áo ôm cùng con cái chạy từ nông thôn ra tỉnh, rồi lại từ tỉnh về nông thôn. Do đó, lợi ích của nông dân không còn hòa hợp với lợi ích của giai cấp tư sản, với tư bản, như dưới thời Na-pô-lê-ông nữa, mà lại mâu thuẫn với lợi ích của giai cấp tư sản, với tư bản. Vì thế người nông dân thấy rằng *giai cấp vô sản thành thị,* giai cấp có sự mệnh lật đổ chế độ tư sản là người bạn đồng minh, người lãnh đạo tự nhiên của mình. Nhưng cái *chính phủ mạnh mẽ và có quyền hành không hạn chế,* - và đây là "idée napoléonienne" thứ

hai mà Na-pô-lê-ông thứ hai phải thực hiện, - cái chính phủ ấy lại có sứ mệnh phải dùng sức mạnh để bảo vệ cái chế độ"vật chất" ấy. Và quả vậy, cái "ordre matériel"[1*] ấy là khẩu hiệu luôn luôn được nhắc đi nhắc lại trong tất cả các bản tuyên cáo của Bô-na-pác-tơ chống những nông dân khởi nghĩa.

Ngoài các khoản nợ cầm cố mà tư bản bắt mảnh đất con phải gánh, thì mảnh đất này cũng còn phải chịu gánh nặng *thuế khóa* nữa. Thuế khóa là nguồn sinh sống của bộ máy quan liêu, của quân đội, của bọn cha cố và của triều đình, tóm lại, của toàn bộ bộ máy của quyền hành pháp. Chính phủ mạnh và thuế khóa nặng nề là hai khái niệm đồng nhất. Do chính ngay bản chất của nó, chế độ sở hữu tiểu nông là cơ sở cho một bộ máy quan liêu có quyền hành vô hạn và đông vô kể. Chế độ tiểu nông tạo ra một trình độ quan hệ và con người giống nhau trên khắp cả nước. Do đó, nó tạo cái khả năng có thể tác động một cách đồng đều đến tất cả mọi bộ phận của cái khối đơn điệu ấy từ một trung tâm tối cao xuống. Nó tiêu diệt những nấc trung gian quý tộc nằm giữa quần chúng nhân dân và chính quyền nhà nước. Do đó, nó gây ra sự can thiệp trực tiếp từ mọi phía của chính quyền nhà nước đó, và sự xâm nhập vào khắp mọi nơi của những cơ quan trực tiếp của chính quyền ấy. Cuối cùng, nó tạo ra một nhân khẩu thừa không có việc làm, không tìm được chỗ đứng ở cả nông thôn lẫn thành thị, và vì vậy mà bám vào những chức vụ của nhà nước như là một loại của bố thí vinh dự và buộc phải lập ra những chức vụ như thế. Na-pô-lê-ông đã hoàn lại cả vốn lẫn lời những thuế khóa cưỡng bách do ông ta đặt ra bằng những thị trường mới mà ông ta đã dùng lưỡi lê để mở ra và bằng việc cướp bóc lục địa. Lúc đó, thuế khóa thời Na-pô-lê-ông là một sự kích thích để phát triển các nghề phụ của nông dân, còn giờ đây thì thuế khóa lại tước mất của những nghề ấy những nguồn dự trữ cuối cùng, khả năng cuối cùng, để chống lại cảnh bần cùng. Nhưng một tầng lớp quan liêu đông đảo, đeo đầy lon và béo tốt - đó là cái: "idée napoléonienne" gần

1* - "chế độ vật chất"

gũi nhất đối với Bô-na-pác-tơ thứ hai. Vả lại, làm sao lại có thể khác thế được khi hắn buộc phải tạo ra, bên cạnh những giai cấp thực sự của xã hội, một đẳng cấp giả tạo coi việc duy trì chế độ của hắn là vấn đề sinh kế? Bởi vậy, một trong những hoạt động tài chính đầu tiên của hắn là nâng lương công chức lên cho bằng mức cũ và lập ra những chức vị béo bở.

Một "idée napoléonienne" khác là dùng sự thống trị của *cha cố* làm công cụ của chính phủ . Nhưng nếu cái mảnh đất nhỏ vừa mới xuất hiện, hòa hợp với xã hội, phụ thuộc vào những lực lượng tự nhiên và phục tùng một quyền lực đang bảo hộ nó từ bên trên xuống, dĩ nhiên là tin vào tôn giáo, thì cái mảnh đất bị nợ nần chồng chất, đoạn tuyệt với xã hội và với quyền lực bị buộc phải vượt ra khỏi những giới hạn của tính chất hạn chế của mảnh đất nhỏ, lẽ tự nhiên là trở thành chống tôn giáo. Trời là một khoản bổ sung rất tốt cho mảnh đất con vừa mới có được, nhất là trời lại làm ra mưa ra nắng; nhưng trời sẽ biến thành một sự lăng nhục một khi người ta áp đặt nó thay cho mảnh đất ấy. Lúc đó, cha cố chỉ là con chó săn đã được rẩy nước thánh của bọn cảnh sát trần gian mà thôi, - đó cũng là một "idée napoléonienne" nữa. Cuộc chinh phạt La Mã lần sau sẽ diễn ra chính ngay ở Pháp, nhưng theo một ý nghĩa ngược lại với điều mà ông Mông-ta-lăm-be suy nghĩ.

Sau hết, điểm cao nhất của "idées napoléoniennes" là ưu thế của *quân đội.* Quân đội đã là cái point d'honneur[1*] của người tiểu nông: quân đội đã biến họ thành những người anh hùng bảo vệ hình thức sở hữu mới khỏi kẻ địch bên ngoài, làm rạng rỡ sự thống nhất dân tộc mà họ vừa mới đạt được, cướp bóc và cách mạng hóa thế giới. Bộ quân phục chính là quốc phục của họ, chiến tranh là thơ ca của họ, mảnh đất con được mở rộng và khoanh tròn trong tưởng tượng là Tổ quốc của họ, và tinh thần yêu nước là hình thức lý tưởng của ý thức tư hữu. Nhưng những kẻ thù

1* - vinh dự

mà người nông dân Pháp bây giờ phải chống lại để bảo vệ tài sản của mình, thì không phải là những người lính Cô-dắc nữa, mà là những mõ tòa và những nhân viên thu thuế. Mảnh đất con không còn nằm trong cái gọi là Tổ quốc nữa, mà nằm trong sổ ghi những đồ cầm cố. Bản thân quân đội không còn là tinh hoa của thanh niên nông dân nữa, mà là hoa dại ở đầm lầy của giai cấp vô sản lưu manh nông thôn. Đại bộ phận quân đội đó là những tân binh giả mạo đi thay cho người khác, những kẻ thế chân, cũng như bản thân Bô-na-pác-tơ thứ hai chỉ là một tân binh giả mạo, một kẻ thay thế cho Na-pô-lê-ông mà thôi. Những chiến công anh hùng của quân đội đó bây giờ là ở những cuộc săn bắt, vây ráp nông dân, là ở sự thi hành chức vụ hiến binh, và nếu những mâu thuẫn nội tại trong hệ thống của tên cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp đẩy hắn ra khỏi biên giới nước Pháp, thì sau một vài hành vi ăn cướp, quân đội đó sẽ thu được không phải là những vòng nguyệt quế, mà là những trận đòn.

Vậy là chúng ta thấy rằng *tất cả* những "idées napoléoniennes" đều là *những tư tưởng của chế độ mảnh đất nhỏ còn chưa phát triển và đương độ thanh xuân,* chúng là một điều vô nghĩa đối với chế độ tiểu nông đã già lão. Những tư tưởng ấy chỉ là những ảo giác trong cơn hấp hối, là những từ đã biến thành những câu nói suông, là những thần linh đã biến thành những bóng ma. Những trò nhại lại đế chế là cần thiết để giải phóng khối đông trong dân tộc Pháp khỏi sự trói buộc của truyền thống và để làm cho sự đối lập chính quyền nhà nước và xã hội bộc lộ ra dưới hình thái thuần túy. Chế độ sở hữu những mảnh đất nhỏ ngày càng suy sụp thì cả cái lâu đài nhà nước xây dựng trên chế độ đó cũng sụp đổ theo. Sự tập trung của nhà nước, mà xã hội hiện đại đang cần đến, chỉ có thể nảy sinh trên những đống đổ nát của bộ máy chính phủ quan liêu - quân sự đã được rèn nên trước đây để đấu tranh chống chế độ phong kiến[89].

Tình cảnh của nông dân Pháp vạch cho chúng ta thấy rõ điều bí ẩn *của các cuộc tổng tuyển* cử *ngày 20 và 21 tháng Chạp,* những cuộc tổng tuyển cử này đã đưa Bô-na-pác-tơ thứ hai lên

đỉnh núi Xi-nai, nhưng không phải là để tiếp nhận luật pháp, mà là để ban hành luật pháp.

Giờ đây, giai cấp tư sản rõ ràng là không còn có một sự lựa chọn nào khác hơn là bầu Bô-na-pác-tơ. Khi tại hội nghị tôn giáo ở Công-xtăng-xơ[90] phái thanh giáo phàn nản về cuộc sống hoang dâm của các giáo hoàng và rên rỉ đòi phải có một cuộc cải cách phong tục tập quán, thì hồng y giáo chủ Pi-e Đờ Ay-i đã thét lên như sấm với họ rằng: "Chỉ có đích thân quỷ sứ mới có thể cứu vãn nổi giáo hội Thiên chúa, thế mà các người lại đòi hỏi các vị thiên thần!". Giai cấp tư sản Pháp cũng thét lên như vậy sau cuộc đảo chính: Chỉ có vị cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp mới còn có thể cứu được xã hội tư sản thôi! Chỉ có trộm cắp mới còn có thể cứu vãn nổi sở hữu, chỉ có phản bội lời thề mới còn có thể cứu vãn nổi tôn giáo, chỉ có đẻ con hoang mới còn có thể cứu vãn nổi gia đình, chỉ có vô trật tự mới còn có thể cứu vãn nổi trật tự thôi!

Bô-na-pác-tơ, với tư cách là quyền lực hành pháp đã trở thành độc lập, coi mình có sứ mệnh bảo đảm "trật tự tư sản". Nhưng lực lượng của trật tự tư sản đó lại là giai cấp trung đẳng. Bởi vậy, hắn tự coi mình là đại biểu của giai cấp ấy và ban bố những sắc lệnh tương ứng. Nhưng, mặt khác, hắn sở dĩ là một cái gì đó, chỉ là vì hắn đã phá vỡ và hàng ngày vẫn còn đang phá vỡ ảnh hưởng chính trị của giai cấp trung đẳng ấy. Bởi vậy hắn tự coi mình là kẻ thù của lực lượng chính trị và lực lượng báo chí của giai cấp trung đẳng. Nhưng khi bảo hộ lực lượng vật chất của giai cấp đó, hắn lại tạo ra sức mạnh chính trị của giai cấp ấy. Bởi vậy, cần phải bảo tồn nguyên nhân và xóa sạch kết quả ở bất kỳ nơi nào mà nó biểu hiện ra. Nhưng công việc sẽ không trót lọt được nếu không có một sự lẫn lộn nào đó giữa nguyên nhân và kết quả, bởi vì trong sự tác động qua lại của chúng, cả nguyên nhân và kết quả đều mất những nét đặc trưng của chúng. Do đó mà có những sắc lệnh mới xóa bỏ đường ranh giới. Đồng thời, đối lập với giai cấp tư sản, Bô-na-pác-tơ lại cho mình là đại biểu của

nông dân và của nhân dân nói chung, muốn đưa lại hạnh phúc cho các giai cấp dưới trong phạm vi xã hội tư sản. Do đó mà có những sắc lệnh mới đánh cắp trước cái tài trí cầm quyền của "những người xã hội chủ nghĩa chân chính"[91]. Nhưng Bô-na-pác-tơ coi mình trước hết là người cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp, là đại biểu của tầng lớp vô sản lưu manh, mà bản thân hắn, những người thân cận của hắn, chính phủ của hắn và quân đội của hắn là thành viên, và đối với tầng lớp đó thì vấn đề trước hết là làm sao để sống phong lưu và rút được từ công quỹ những phiếu xổ số Ca-li-phoóc-ni-a trúng thưởng. Và hắn đã tỏ ra xứng đáng với cái danh hiệu thủ lĩnh Hội ngày 10 tháng Chạp với các sắc lệnh, không cần đến các sắc lệnh và bất chấp các sắc lệnh.

Sứ mệnh đầy mâu thuẫn ấy của con người đó giải thích những hành động mâu thuẫn của chính phủ hắn; hoạt động một cách may rủi, mò mẫm, chính phủ này đang ra sức khi thì lôi kéo, khi thì làm nhục giai cấp này hay giai cấp kia, và làm cho tất cả các giai cấp đều cùng vùng dậy chống lại nó một cách như nhau, - một chính phủ mà thái độ do dự trong hành động thực tiễn, mâu thuẫn một cách hết sức buồn cười với phong độ oai vệ, dứt khoát của những pháp lệnh chính phủ, học đòi một cách nô lệ những sắc lệnh của người bác.

Công nghiệp và thương nghiệp, tức là những việc kinh doanh của giai cấp trung đẳng, phải phồn vinh dưới một chính phủ mạnh như cây cối trong nhà kính ấm. Vì vậy, có việc nhường cho tư nhân khai thác vô số các đường sắt. Nhưng cũng phải làm giàu cho tầng lớp vô sản lưu manh ủng hộ Bô-na-pác-tơ. Vì vậy mà có sự đầu cơ gian lận ở sở giao dịch của những tay biết trước những vụ tô nhượng làm đường sắt. Nhưng không hề có tư bản nào được bỏ ra để cung cấp cho việc xây dựng các đường sắt cả. Người ta buộc ngân hàng phải ứng trước tiền cho các cổ phần đường sắt. Nhưng Bô-na-pác-tơ cũng muốn đích thân lợi dụng ngân hàng, do đó, ngân hàng cần phải được vuốt ve. Ngân hàng không còn bị buộc phải công bố bản kết toán hàng tuần nữa, ngân hàng ký với

chính phủ những hợp đồng hết sức có lợi cho mình. Nhưng cần phải có công ăn việc làm cho nhân dân. Cho nên người ta tiến hành xây dựng các công trình công cộng. Nhưng các công trình công cộng lại làm tăng thêm gánh nặng thuế khóa của nhân dân. Vậy cần phải giảm thuế khóa bằng cách cướp bóc thu nhập của những kẻ thực lợi, bằng cách đổi lợi tức 5% thành lợi tức 4 1/2%. Nhưng lại phải bọc đường viên thuốc cho giai cấp tư sản; vì vậy mà phải tăng gấp đôi thuế rượu nho đối với số dân chúng mua rượu en détail[1*] và giảm một nửa thuế rượu đối với các giai cấp trung đẳng thường mua en gros[2*]. Các tổ chức công nhân hiện có bị giải tán, nhưng chính phủ lại hứa hẹn những chuyện thần kỳ về các tổ chức trong tương lai. Phải giúp đỡ nông dân. Vì vậy các ngân hàng địa ốc được thành lập, làm tăng gánh nợ nần của nông dân và đẩy nhanh việc tập trung tài sản. Nhưng những ngân hàng ấy phải được dùng để bóp nặn tiền từ những lãnh địa tịch thu của dòng Oóc-lê-ăng. Song không một nhà tư bản nào muốn nhận điều kiện ấy - điều kiện không được ghi vào sắc lệnh, - nên ngân hàng địa ốc cũng chỉ là một sắc lệnh trên giấy, v.v. và v.v..

Bô-na-pác-tơ muốn đóng vai trò người ân nhân kiểu gia trưởng của tất cả các giai cấp. Nhưng hắn không thể cho giai cấp này mà lại không tước của giai cấp khác. Cũng giống như công tước Ghi-do, nổi tiếng trong thời nội chiến Phrông-đơ là người hào hiệp nhất nước Pháp, vì công tước đã đổi tất cả tài sản của mình thành những khế nợ đối với mình của những người cùng cánh, Bô-na-pác-tơ cũng muốn làm một người hào hiệp nhất nước Pháp và muốn đổi tất cả tài sản, tất cả lao động của nước Pháp thành một khế nợ đối với cá nhân hắn. Hắn muốn ăn cắp của cả nước Pháp để sau đó tặng lại của ăn cắp đó cho nước Pháp, hay nói cho đúng hơn là, để sau đó có thể dùng tiền của nước Pháp mua lại nước Pháp, vì với tư cách là kẻ cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp, hắn buộc phải mua những cái phải thuộc về hắn. Và tất cả mọi cơ quan

---

1*- lẻ

2* - sỉ.

nhà nước, thượng nghị viện, Hội đồng nhà nước, cơ quan lập pháp, Bắc đẩu bội tinh, huy chương của binh sĩ, các hiệu giặt, các công trình công cộng, đường sắt, bộ tham mưu của đội cận vệ quốc gia không có binh lính, các tài sản tịch thu của dòng Oóc-lê-ăng – trở thành đối tượng buôn bán. Mỗi chức vụ trong quân đội và trong bộ máy chính phủ đều trở thành đối tượng buôn bán. Nhưng điều quan trọng nhất trong quá trình vơ vét của nước Pháp để rồi lại biếu lại cho chính nước Pháp - đó là những lợi tức trong khi lưu thông đã rơi vào túi của người cầm đầu và của các hội viên Hội ngày 10 tháng Chạp. “C’est le premier vol de l'aigle” [“Đây là lần bay đầu tiên của con phượng hoàng"][1*], câu nói hóm hỉnh ấy của nữ công tước L., tình nhân của Đờ Moóc-ni, nhân viên tịch thu tài sản của dòng Oóc-lê-ăng, có thể áp dụng vào tất cả các lần bay của con *phượng hoàng* ấy, giống *quạ* nhiều hơn là giống phượng hoàng. Chính bản thân hắn và bè đảng của hắn thường tự nhắc nhủ nhau hàng ngày điều mà một thầy tu dòng Đê-các ở I-ta-li-a đã nói với một kẻ hà tiện khi tên này khoe khoang đếm những của cải mà hắn có thể ăn xài trong nhiều năm: "Tu fai conto sopra i beni, bisogna prima far il conto sopra gli anni"[2*]. Để khỏi tính nhầm năm, chúng tính từng phút một. Ở triều đình, trong các bộ, tại các cơ quan cầm đầu bộ máy hành chính và quân đội, chen chúc nhau một lũ côn đồ, mà về tên khá nhất thì người ta phải nói là chẳng biết hắn từ đâu đến, - chen chúc nhau cả một lũ du đãng ồn ào, nổi tiếng xấu xa, tham tàn, mặc những bộ sắc phục đính đầy lon, dải lụa lòe loẹt với một vẻ trang nghiêm lố bịch như các vị đại thần của hoàng đế Xu-lu-cơ. Ta có thể hình dung được dễ dàng cái tầng lớp cao cấp ấy của Hội ngày 10 tháng Chạp, nếu ta chú ý rằng *Vê-rông - Crê-ven*[3*] là nhà bảo vệ đạo đức của nó và *Gra-ni-ê Đơ Cát-xa-nhắc* là nhà tư tưởng của nó. Ghi-dô,

---

1* - Từ "vol" có nghĩa là lần bay cũng có nghĩa là ăn cắp

2* - "Anh đếm của cải của anh, nhưng trước hết anh nên tính xem anh còn sống được bao năm”.

3* - Trong tác phẩm "Cô em họ Bét-te", Ban-dắc miêu tả Crê-ven, người mà ông phác họa theo tiến sĩ Vê-rông, chủ tờ báo "Constitutionnel” là tên phi-li-xtanh Pa-ri trụy lạc.

hồi còn làm thủ tướng nội các, trên một tờ báo nhỏ đã từng dùng tên Gra-ni-ê đó chống lại phái bảo hoàng đối lập, đã thường hay tán tụng tên này là: “C’est le roi des drôles", "Đó là vua của hề". Sẽ là không thỏa đáng khi đem so sánh triều đình và bè đảng Lu-i Bô-na-pác-tơ với triều đình thời phụ chính[92], hoặc thời Lu-i XV. Vì “...nước Pháp đã nhiều lần trải qua sự cai quản của các ái khanh nhưng chưa bao giờ trải qua sự cai quản của các tình lang cả”[1*].

Bị những yêu cầu trái ngược của địa vị của mình thôi thúc, đồng thời giống như một nhà ảo thuật, buộc phải làm những trò lạ mắt mỗi ngày mỗi khác để công chúng luôn luôn chú ý vào mình như là một kẻ thế chân Na-pô-lê-ông và, - nói một cách khác, mỗi ngày buộc phải làm một cuộc đảo chính thu nhỏ, Bô-na-pác-tơ làm đảo lộn toàn bộ nền kinh tế tư sản, xâm phạm đến tất cả những cái trước kia cuộc cách mạng 1848 coi là bất khả xâm phạm, làm cho số người này lãnh đạm với cách mạng và số người khác lại mong muốn cách mạng, hắn tạo ra trạng thái vô chính phủ nhân danh trật tự và đồng thời tước mất của bộ máy chính phủ cái vòng hào quang của nó, dung tục hóa bộ máy ấy làm cho nó trở nên vừa ghê tởm lại vừa nực cười. Bô-na-pác-tơ tổ chức ở Pa-ri tấn trò sùng bái chiếc áo thánh ở nhà thờ Tơ-ria[93], dưới hình thức tôn thờ chiếc hoàng bào của Na-pô-lê-ông. Nhưng nếu như, cuối cùng, chiếc hoàng bào được khoác lên vai Lu-i Bô-na-pác-tơ, thì pho tượng đồng của Na-pô-lê-ông sẽ đổ nhào từ trên cột Văng-đôm xuống.

1* Lời của bà Gi-rác-đanh.